



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



1985 - 2015

XÂY DỰNG & PHÁT TRIỂN



Hà Nội, 11 - 2015

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. Hoàng Văn Thắng

Ban biên tập:

TS. Hoàng Văn Thắng

PGS. TS. Phùng Quốc Thanh

ThS. Bùi Hà Ly

Hình ảnh:

Sưu tầm từ các hoạt động của CRES
và internet

Trình bày:

ThS. Bùi Hà Ly

Nguyễn Ngọc Dũng



1985 - 2015

XÂY DỰNG & PHÁT TRIỂN

LỜI GIỚI THIỆU

CỦA GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập theo Quyết định số 1259/QĐ ngày 15/11/1985, trước đây trực thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Trung tâm được tổ chức lại theo Quyết định số 269/TCCB ngày 05/8/1995 của Giám đốc ĐHQGHN sau khi sáp nhập Trung tâm Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.

Để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Trung tâm được tái cấu trúc trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu Biển đổi Toàn cầu (ICARGC) trực thuộc ĐHQGHN theo Quyết định số 61/QĐ-ĐHQGHN ngày 08/01/2014 của Giám đốc ĐHQGHN. Hiện tại, với Quy chế tổ chức và hoạt động mới, Trung tâm là đơn vị nghiên cứu KHCN trực thuộc ĐHQGHN, với tên tiếng Anh là “Centre for Natural Resources and Environmental Studies - CRES”.

30 năm, thời gian cũng đủ dài để khẳng định tên tuổi của chính mình. Trung tâm tự hào là một đơn vị phát triển vững mạnh, hàng đầu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và đã đạt được những thành tựu quan trọng trong 3 lĩnh vực hoạt động chính. Đó là nghiên cứu khoa học; đào tạo sau đại học về khoa học môi trường và phát triển bền vững; đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn và trung hạn về các vấn đề môi trường; tư vấn và dịch vụ khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý và bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Trung tâm đã tổ chức triển khai và tham gia tích cực, hiệu quả các hoạt động cụ thể sau: (i) xây dựng chiến lược quốc gia và kế hoạch hành động về đa dạng sinh học và môi trường; (ii) thực hiện các dự án/chương trình trong nước và hợp tác quốc tế về môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững; (iii) tổ chức các khóa tập

huấn ngắn hạn và trung hạn cho các nhóm đối tượng khác nhau, bao gồm các nhà hoạch định chính sách và những cán bộ công tác trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường từ tất cả các bộ ngành các địa phương trong cả nước; (iv) tổ chức tuyển sinh và triển khai công tác đào tạo sau đại học chương trình thạc sĩ và tiến sĩ khoa học môi trường, mã số thí điểm “Môi trường và Phát triển bền vững”. Những hoạt động này đã góp phần quan trọng vào việc khẳng định uy tín và thương hiệu của Trung tâm - CRES, trong các tổ chức khoa học và các nhà hoạt động môi trường trong nước và quốc tế, góp phần khẳng định và lan tỏa giá trị thương hiệu VNU của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trong giai đoạn phát triển để sớm trở thành một đại học nghiên cứu tầm khu vực và thế giới của Đại học Quốc gia Hà Nội hiện nay, Trung tâm cũng đã có những bước phát triển mới, tái cấu trúc về mặt tổ chức và quản lý để trở thành một đơn vị có quy mô tổ chức lớn hơn, mang tính liên ngành sâu sắc, có trình độ cao hơn về khoa học và công nghệ môi trường.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập, Trung tâm xin giới thiệu với bạn đọc các ấn phẩm :

- 30 năm Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường;
- Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia lần thứ 3 về “Môi trường và phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu”;
- Danh mục các công trình khoa học 1985-2015 của các cán bộ Trung tâm.

Cũng nhân dịp này, Trung tâm xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới lãnh đạo Đại học Quốc gia Hà Nội và các ban ngành, đoàn thể đã chỉ đạo và hỗ trợ Trung tâm trong suốt quá trình trưởng thành và phát triển; tới các bộ, ngành, các địa phương, tới các trường đại học, viện nghiên cứu và các cán bộ khoa học, đặc biệt là các đồng nghiệp trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững đã hỗ trợ và hợp tác với Trung tâm thực hiện các dự án nghiên cứu cũng như các hoạt động đào tạo. Trung tâm cũng xin chân thành cảm ơn các cơ quan, tổ chức và các nhà khoa học quốc tế đã tài trợ và hợp tác để có được những thành tựu và sự phát triển như ngày hôm nay.

Hà Nội, tháng 11 năm 2015

TS. HOÀNG VĂN THẮNG

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu
Tài nguyên và Môi trường

BAN LÃNH ĐẠO CỦA TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUA CÁC GIAI ĐOẠN



**GS. TS. NGND.
VÕ QUỶ**



**GS. TS.
LÊ TRỌNG CỨC**



**GS. TSKH.
TRƯƠNG QUANG HỌC**



**GS. TSKH. NHND
PHAN NGUYỄN HỒNG**



**CỐ PGS. TS.
PHẠM BÌNH QUYỀN**



**TS.
VÕ THANH SƠN**

GIAI ĐOẠN 1985 - 1995

GT. TS. NGUYỄN. Võ Quý

Giám đốc

GS. TS. Lê Trọng Cúc

Phó Giám đốc

PGS. TS. Phạm Bình Quyền

Phó Giám đốc

GIAI ĐOẠN 1995 - 2001

GS. TS. Lê Trọng Cúc

Giám đốc

PGS. TS. Phạm Bình Quyền

Phó Giám đốc

GS. TSKH. NGND. Phan Nguyên Hồng

Phó Giám đốc

GIAI ĐOẠN 2001 - 2006

GS. TSKH. Trương Quang Học

Giám đốc

TS. Võ Thanh Sơn

Phó Giám đốc

TS. Hoàng Văn Thắng

Phó Giám đốc

GIAI ĐOẠN 2006 - 2011

TS. Hoàng Văn Thắng

Giám đốc

TS. Võ Thanh Sơn

Phó Giám đốc

GIAI ĐOẠN 2011 - 2016

TS. Hoàng Văn Thắng

Giám đốc

PGS. TS. Phùng Quốc Thanh

Phó Giám đốc

BAN GIÁM ĐỐC HIỆN TẠI



GIÁM ĐỐC
TS. HOÀNG VĂN THẮNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
PGS. TS. PHÙNG QUỐC THANH

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Địa chỉ liên hệ	: 19 Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	: (84-4) 38262932; (84-4) 38253506
Fax	: (84-4) 38262932
Email	: cres@cres.edu.vn
Website	: www.cres.edu.vn
Giám đốc	: TS. Hoàng Văn Thắng

QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP

Năm 1985, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - đơn vị nghiên cứu khoa học thuộc Đại học Tổng hợp Hà Nội được thành lập. Sau đó, năm 1995, Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và Trung tâm Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn, Đại học Sư phạm Hà Nội sáp nhập lại thành Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội. Năm 2014, Trung tâm được tái cấu trúc sau khi sáp nhập Trung tâm Quốc tế nghiên cứu Biến đổi Toàn cầu, Đại học Quốc gia Hà Nội, thành mô hình tổ chức đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội như ngày hôm nay.

SỨ MỆNH, TÂM NHÌN, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Sứ mệnh

Là tổ chức KH&CN triển khai và liên kết các hoạt động nghiên cứu và đào tạo, phát triển và thực thi các chiến lược, kế hoạch hành động và thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong ĐHQGHN.

Tâm nhìn

Trở thành viện nghiên cứu tích hợp liên ngành, liên lĩnh vực hàng đầu Việt Nam và thế giới về bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Chức năng, nhiệm vụ

- Nghiên cứu khoa học về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và phát triển bền vững;
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ khoa học công nghệ về khoa học môi trường;
- Tư vấn, dịch vụ khoa học và công nghệ về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và phát triển bền vững.

QUY MÔ TỔ CHỨC, ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

Bộ máy tổ chức của Trung tâm bao gồm:

- Ban Giám đốc;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
- Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- Phòng Quản lý Khoa học – Công nghệ và Đào tạo;
- Các đơn vị chuyên môn được tổ chức theo các phòng/ ban nghiên cứu.

Đội ngũ cán bộ

Từ một nhóm nhỏ với 10 nhà khoa học ban đầu khi Trung tâm thành lập, đến nay Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã có một đội ngũ các nhà khoa học hùng hậu được đào tạo bài bản tại các cơ sở đào tạo danh tiếng trên thế giới trong tất cả các lĩnh vực khoa học môi trường, quy hoạch và quản lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững, khoa học sự sống... Một đội ngũ cán bộ khoa học trưởng thành từ chính các chương trình, nhiệm vụ, đề tài, dự án được triển khai trong nước và qua con đường hợp tác quốc tế mà Trung tâm đã, đang và sẽ thực hiện, là niềm tự hào và là sự đảm bảo cho bất kỳ nhiệm vụ nghiên cứu đào tạo khoa học trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu mà Trung tâm đang hoạt động.

Hiện tại, trong số 32 cán bộ, viên chức của Trung tâm có: 1 GS.TSKH, 1 PGS.TS, 8 TS, 14 ThS, 7 CN. Ngoài ra, Trung tâm còn có một đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm và hợp đồng, là các nhà khoa học đầu đàn, đầu ngành của Việt Nam gồm 1 GS.TSKH., 5 GS., 3 PGS., 2 TS. ... Hầu hết cán bộ của Trung tâm đều được đào tạo ít nhất một bằng cấp ở các trường đại học danh tiếng ở nước ngoài. Sau 30 năm hoạt động, Trung tâm đã đào tạo được 16 TS và 22 ThS cho chính các cán bộ của Trung tâm (trong đó 26 người đào tạo ở nước ngoài như: Hoa Kỳ, Canada, Anh, Hà Lan, Đức, Nga, Bỉ, Ôxtrâyliya, Niu Dilân, Nhật Bản, Thái Lan,...). Các cán bộ của Trung tâm đều rất có kinh nghiệm thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy về lĩnh vực tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Nghiên cứu khoa học

- Nghiên cứu và triển khai các chương trình, các đề tài, các dự án khoa học - công nghệ về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- Nghiên cứu, quy hoạch, quản lý tổng hợp và đề xuất các chính sách về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.
- Nghiên cứu dự báo, xử lý và khắc phục các sự cố môi trường.
- Hợp tác quốc tế về xây dựng và triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực liên quan.

Đào tạo, bồi dưỡng và giáo dục môi trường

- Phối hợp tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) và các chương trình đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực có liên quan.
- Nghiên cứu và tổ chức thực hiện thí điểm phương pháp đào tạo mới.
- Thực hiện các chương trình bồi dưỡng sau đại học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ chuyên môn và các cán bộ quản lý.
- Tổ chức các hình thức giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường cho học sinh, sinh viên, các cán bộ hoạch định chính sách, quản lý hành chính và cộng đồng.
- Biên soạn các tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo và giáo dục.
- Hợp tác quốc tế về công tác đào tạo, trao đổi chuyên gia và sinh viên.
- Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước.

Tư vấn và dịch vụ khoa học công nghệ

- Tư vấn về chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, biện pháp quản lý và công nghệ về tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững cho các ngành, các địa phương, các cơ quan quản lý, các tổ chức và các doanh nghiệp.

- Thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ về sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, du lịch sinh thái, thực hiện phát triển bền vững theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp ở trong và ngoài nước và thực hiện các nhiệm vụ phản biện theo yêu cầu của các cơ quan và các tổ chức.
- Thực hiện đánh giá tác động môi trường của các dự án, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường tại các doanh nghiệp, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng nông thôn, khu vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và các doanh nghiệp ở trong và ngoài nước.
- Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược cho các chương trình, chiến lược, chính sách và quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và các doanh nghiệp ở trong và ngoài nước.

CÁC GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Các giải thưởng của các tổ chức quốc tế và trong nước là minh chứng hùng hồn cho đóng góp của Trung tâm vào sự nghiệp bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.

- Năm 1988, Huy chương Vàng của Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (WWF) trao cho Giáo sư Võ Quý;
- Năm 1992, Bằng Danh dự Global 500 của Tổ chức Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), trao cho Giáo sư Võ Quý;
- Năm 1994, Huy chương John Phillip do Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) trao tặng Giáo sư Võ Quý;
- Năm 1994, Giải thưởng Bruno-Shubert do Chính phủ Đức trao tặng Giáo sư Võ Quý;
- Năm 1997, Huân chương Mỏ neo Vàng của Chính phủ Hà Lan dành cho Giáo sư Võ Quý;
- Năm 2003, Giải thưởng Hành tinh Xanh 2003 (Blue Planet Prize 2003) trao cho Giáo sư Võ Quý;
- Năm 2008, Giáo sư Võ Quý được Tạp chí Times (Hoa Kỳ) vinh danh là một trong 35 Anh hùng Môi trường từ hơn 20 nước khác nhau;
- Năm 2008, Giải thưởng Quốc tế COSMOS của Nhật Bản trao cho Giáo sư Phan Nguyên Hồng vì những đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu và bảo tồn rừng ngập mặn;
- Năm 2008, Giải thưởng Nobel Hòa Bình về Môi trường trao cho tập thể tác giả vì những hoạt động liên quan đến biến đổi khí hậu, trong đó có TS. Nguyễn Hữu Ninh;
- Năm 2012, Giải thưởng MIDORI về Đa dạng sinh học của Liên Hợp Quốc được trao tặng cho Giáo sư Võ Quý;
- Năm 1999, Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích về “Phương pháp khôi phục rừng ngập mặn” được trao cho PGS.TS. Lê Diên Dực (Quyết định số 202/QĐHI, ngày 22/7/1999, Cục Sở hữu Công nghiệp. Chủ bằng: Trung tâm NC TN&MT, ĐHQGHN, Hà Nội).
- Giải Khuyến khích Sách hay của Hội Xuất bản Việt Nam trao tặng cho ấn phẩm “Đất Ngập Nước” tập 1+2 của Lê Diên Dực, Hoàng Văn Thắng năm 2013.
- Học bổng Nagao (cùng với học bổng Võ Quý) thường niên do Trung tâm là đại diện cho tổ chức này trao cho các học viên sau đại học trên khắp cả nước có những công trình nghiên cứu đầu tay có giá trị trong lĩnh vực tài nguyên xanh.

CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CHO CÁC CÁ NHÂN VÀ TẬP THỂ

Bên cạnh đó Chính phủ, các Bộ, Ngành, Địa phương và cơ quan chủ quản là ĐHQGHN cũng có các Bằng khen, giải thưởng ghi nhận công lao, cống hiến của CBVC của Trung tâm như:

- Huân chương Lao động hạng Ba của Nhà nước cho thành tích đào tạo nghiên cứu khoa học của Trung tâm giai đoạn 2010-2015 (Quyết định 2110/QĐ-CTN, ngày 22/9/2015).
- Giải thưởng Điển hình tiên tiến về môi trường giai đoạn 2011-2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Quyết định 2330/QĐ-BTNMT, ngày 11/9/2015).
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 2076/QĐ-TTG, ngày 12/11/2010).
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn năm 2010 (Quyết định số 2967/QĐ-BNN-TCCB, ngày 5/11/2010).
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam năm 2010.
- Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN (Quyết định số 235/CT-HSSV, ngày 7/12/2005).
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh cho cá nhân có thành tích trồng rừng ngập mặn và phòng ngừa thảm họa giai đoạn 2007-2013 (Quyết định 2500/QĐ-UBND ngày 20/9/2013).
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh cho cá nhân và tập thể Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn MERD/CRES về thành tích trồng rừng ngập mặn và phòng ngừa thảm họa giai đoạn 2007-2013 (Quyết định 2500/QĐ-UBND ngày 20/9/2013).
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh cho Trung tâm Nghiên cứu TN&MT - ĐHQGHN (CRES) về thành tích trồng rừng ngập mặn và phòng ngừa thảm họa (Quyết định 2101/QĐ-UBND ngày 23/7/2015).
- Chi bộ liên tục 5 năm đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”;
- Công đoàn Trung tâm được tặng Bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam năm 2010;
- 02 cá nhân được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh;
- 03 cá nhân được nhận Giải thưởng Môi trường Quốc gia, Bằng Lao động Sáng tạo;
- 25 lượt tập thể, cá nhân được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động các hạng và Huân, Huy chương chống Mỹ cứu nước, Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì thế hệ trẻ, Huy chương vì Giai cấp nông dân;
- 10 lượt CBVC được Giám đốc ĐHQGHN tặng bằng khen;
- 04 cá nhân được Giám đốc ĐHQGHN tặng bằng khen giai đoạn 2006-2010;
- 09 lượt CBVC đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN;
- 45 lượt CBVC đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở;
- 01 cá nhân đạt danh hiệu gương mặt trẻ tiêu biểu cấp ĐHQGHN;
- 03 cá nhân đạt danh hiệu Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp cơ sở;
- 100% CBVC đạt danh hiệu lao động tiên tiến.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường xin gửi tới lãnh đạo ĐHQGHN vì sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc, tới toàn thể các đơn vị thành viên, trực thuộc ĐHQGHN, tới các cơ quan, tổ chức, đơn vị trung ương và địa phương, các tổ chức quốc tế và tới các cá nhân, các bạn đồng nghiệp đã đồng hành cùng Trung tâm trong suốt 30 năm qua lời cảm ơn sâu sắc và lời chúc dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
30 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

TS. Hoàng Văn Thắng

Giám đốc
Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường





CON ĐƯỜNG

PHÁT TRIỂN

CRES - 30 năm triển khai có hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học của một đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững của cả nước.

Ngay khi Chương trình quốc gia “Nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường” (Mã số 52-02) đang triển khai vào những năm 1981-1985, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cấp bách và được sự khuyến khích của đồng nghiệp, Giáo sư Võ Quý, với tư cách là Chủ nhiệm Khoa Sinh học và là người đang chịu trách nhiệm phụ trách Chương trình quốc gia về Môi trường, đã được phép của Ban Giám hiệu Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, thành lập Trung tâm Tài nguyên và Môi trường. Và ngày 15 tháng 11 năm 1985 đã trở thành một mốc son quan trọng của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường khi Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp – GS.VS. Nguyễn Đình Tứ ra quyết định thành lập Trung tâm với Giáo sư Võ Quý là Giám đốc đầu tiên của Trung tâm. Những ngày đầu thành lập, CRES chỉ vven vẹn có 10 thành viên là cán bộ của Khoa Sinh học và Khoa Địa lý đang tham gia Chương trình Môi trường. Mục tiêu của Trung tâm trong thời điểm này là nghiên cứu thực hiện Chiến lược do Chương trình Môi trường đề ra, đồng thời thực hiện một số hướng nghiên cứu mới, kết hợp với đào tạo đội ngũ các nhà khoa học trẻ về môi trường cho đất nước.

Cùng với sự phát triển của đất nước và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sự nghiệp bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững, vào ngày 5 tháng 8 năm 1995, Trung tâm được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội – GS.VS. Nguyễn Văn Đạo ra quyết định sắp xếp và tổ chức lại Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Tổng hợp Hà Nội (1985) và Trung tâm Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn - Đại học Sư phạm Hà Nội I (1987) thành Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội. Và đến năm 2014, một lần nữa Trung tâm lại được tăng cường sức mạnh do tái cấu trúc, sáp nhập Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Biến đổi toàn cầu thuộc ĐHQGHN thành Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường ngày nay.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Giáo sư Võ Quý và toàn bộ CBVC của Trung tâm ngày đó cũng như bây giờ luôn ý thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phục vụ việc phát triển bền vững và giữ gìn nguồn gen quý giá mà thiên nhiên đã hào phóng ưu ái cho nước ta. Rất nhiều phát hiện các loài mới, đặc hữu của các vùng, miền, tại các Vườn Quốc gia, Khu Bảo tồn và các Khu Dự trữ sinh quyển được các cán bộ của Trung tâm phát hiện hoặc góp phần phát hiện,

bảo tồn. Từ việc phát hiện lại Sếu cổ trụi (1985), phát hiện Sao la, loài thú quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cao và đặc trưng cho hệ sinh thái của dãy Trường Sơn tại Vườn Quốc gia Vũ Quang (Hà Tĩnh) năm 1992 và phát hiện lại gấu đốm năm 2013 đến loài Mang Pù Hoạt (*Muntiacus rooseveltorum*), sau 85 năm vắng bóng tại Vườn Quốc gia Xuân Liên (Thanh Hóa)...đều ghi đậm dấu ấn của cán bộ khoa học của Trung tâm. Ngoài ra, cán bộ của Trung tâm cùng với các đồng nghiệp quốc tế đã xuất bản cuốn sách về đa dạng sinh học của Việt Nam "Vietnam: A Natural History" do nhà xuất bản đại học Yale ấn bản. Cuốn sách đã nhận được nhiều giải thưởng uy tín và được nhiều chuyên gia quốc tế khen ngợi. Hay sách "Đất ngập nước" tập I và II được nhận Giải thưởng Sách Việt Nam. Chính công tác bảo tồn đa dạng sinh học đã làm nên thương hiệu "CRES" của Trung tâm với các Tổ chức và Công ước Quốc tế như IUCN, WWF, CITES, RAMSAR...và nó cũng là lĩnh vực mang lại nhiều thành tựu nhất cả về khoa học, kinh tế và phát triển đội ngũ của Trung tâm. Có thể nói, tới 80% các mối quan hệ hợp tác khoa học với các tổ chức quốc tế đã mang lại nguồn kinh tế chủ yếu giúp Trung tâm tự chủ được tài chính cho các hoạt động khoa học của mình là từ lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học này.

CRES - nơi tập hợp đội ngũ cán bộ khoa học đẳng cấp trong lĩnh vực TN&MT của Việt Nam và quốc tế; đã xây dựng được mạng lưới cộng tác viên rộng khắp và chất lượng cao.

Từ ngày đầu khởi nghiệp với 10 nhà khoa học, cho đến nay, sau 30 năm, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã có trên 100 lượt cán bộ đã và đang công tác tại đơn vị. Hiện tại, Trung tâm có 32 cán bộ, trong đó có 1 GS.TSKH., 1 PGS., 14 ThS, 7 CN., cùng với các giáo sư, các nhà khoa học đầu đàn là cộng tác viên đặc lực của Trung tâm trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, như GS. Võ Quý, GS. Phan Nguyên Hồng, GS. Lê Thạch Cán, GS. Lê Trọng Cúc, PGS. Phạm Bình Quyền, PGS. Lê Diên Dục, GS. Trương Quang Học, GS. Nguyễn Quang Mỹ, GS. Đặng Trung Thuận, PGS. Trần Văn Ba, GS. Nguyễn Hoàng Trí, GS. Hoàng Thị Sản, PGS. Mai Sỹ Tuấn,... Trung tâm cũng đã tập hợp một đội ngũ cán bộ được đào tạo bài bản tại các trường đại học tiên tiến trên thế giới cũng như trong nước như TS. Hoàng Văn Thắng, TS. Võ Thanh Sơn, TS. Nghiêm Thị Phương Tuyền, TS. Lê Thị Vân Huệ, TS. Nguyễn Thị Kim Cúc, TS. Lê Đức Minh, TS. Nguyễn Mạnh Hà, Th.S. Vũ Thị Minh Hoa, Th.S. Võ Thanh Giang, Th.S. Phạm Thị Tường Vi, Th.S. Trần Thu Phương, Th.S. Phạm Việt Hùng, Th.S. Đặng Anh Tuấn, Th.S. Bùi Hà Ly, Th.S. Hà Thị Thu Huế, Th.S. Nguyễn Mai Phương... và các



Cử nhân như Đặng Tú Loan, Phan Hồng Anh, Lê Thị Bích Thủy, Hoàng Hải Dương... Đội ngũ cán bộ trẻ này được đào tạo bài bản, rất năng động và sáng tạo, kết hợp tốt các kiến thức tiên tiến học được với kinh nghiệm thực tiễn trong nước để triển khai các hoạt động nghiên cứu cũng như truyền đạt kiến thức trong các bài giảng của mình và đã tạo được những uy tín quan trọng trong nước và quốc tế. Chuyên môn của đội ngũ cán bộ trong Trung tâm khá đa dạng, không chỉ bó hẹp trong lĩnh vực sinh học, sinh thái học, mà mang tính liên ngành cao hơn như chuyên ngành giới và phát triển, quy hoạch đô thị, khu vực học hay phát triển cộng đồng, v.v... đã tạo nên hình ảnh của trung tâm trong giới học thuật như ngày nay.

Bên cạnh đó, Trung tâm còn có mạng lưới cộng tác viên đến từ nhiều đơn vị trong cả nước và đặc biệt là mạng lưới các cựu học viên mà Trung tâm đã đào tạo tại hầu hết các bộ, ngành và 63 tỉnh, thành trong cả nước. Nhiều người trong số họ là các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ giảng dạy chủ chốt. Một số không nhỏ học viên của Trung tâm giữ các vai trò trọng trách tại các bộ, sở, ban, ngành chức năng như Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường – TS. Trần Hồng Hà, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường – TS. Nguyễn Thái Lai, Vụ trưởng – TS. Hoàng Danh Sơn, TS. Hoàng Thanh Nhân; Giám đốc, phó giám đốc các sở, các trung tâm như CN. Đào Tú Xuyên, Th.S. Nông Thế Diễn...; Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường đại học, chủ nhiệm các khoa như PGS. TS. Trần Đức Viên, TS. Hoàng Anh Huy, PGS.TS. Lưu Đức Hải... Trung tâm cũng có nhiều cộng tác viên và các cựu học viên giữ các vai trò quan trọng trong hệ thống các khu bảo tồn của Việt Nam như Giám



đốc, Phó Giám đốc các vườn quốc gia, phụ trách các phòng khoa học, trung tâm du lịch sinh thái và giáo dục môi trường như TS. Đỗ Văn Tuấn, Th.S. Trương Quang Bích, Th.S. Phạm Văn Thương... Cùng với các sở, ban, ngành chức năng, Trung tâm có một hệ thống các viện nghiên cứu và trường đại học là đối tác và cộng tác viên quan trọng như Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng, Phân viện Điều tra Quy hoạch Rừng Nam Bộ, Viện Hải dương học Nha Trang, Viện Tài nguyên và Môi trường Biển, Viện Môi trường và Tài nguyên... và các trường đại học như Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Nông nghiệp I, Đại học Thái Nguyên, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Huế, Đại học Vinh...

Ngay từ khi mới đi vào hoạt động, Trung tâm đã nhận được sự quan tâm cũng như hợp tác của nhiều nhà khoa học nổi tiếng trên thế giới trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường như TS. John McKinnon (IUCN), TS. Elizabeth Keme (WWF), TS. George Archibald (International Crane Foundation – USA), GS. Seidel (Dresden – CHLB Đức), GS. Manfred Niekish (CHLB Đức), TS. Terry Rambo, TS. Neil Jameison (East-West Center – USA), GS. Jeff Romm (Đại học Berkeley - USA)..., rồi đến các đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam như ông Roger Cox, David Hulse (WWF, Ford Foundation), TS. Hans Fredrick (IUCN), TS. Charles Bailey (Ford Foundation), GS. Greg Lindsey (Đại học Indiana – USA), GS. George Cho, GS. Brian Button, GS. John Harris (Đại học Canberra – Ôxtrâyli), TS. Michael Glantz (USA), TS. Pamela Mclewee...

Chính nhờ những uy tín và trình độ vượt trội mà CRES đã và đang là địa chỉ tin cậy của các sinh viên, các học viên cao học cũng như các nghiên cứu sinh

của nhiều trường đại học trên thế giới đến nghiên cứu và học tập như: Đại học Berkeley, Đại học Yale – Hoa Kỳ, Đại học East Anglia – UK, Đại học Saint Merry – Canada, Đại học Upsala – Thụy Điển, Vườn thú Cologne - CHLB Đức, Đại học Quốc gia Úc (ANU), Đại học Quốc gia Singapore ...

CRES - đơn vị tiên phong trong đào tạo, tư vấn và dịch vụ về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững; với một đội ngũ và cách tiếp cận liên ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Kể từ năm 2004, khi Trung tâm được ĐHQGHN cho phép đào tạo mã ngành thạc sĩ và tiến sĩ thí điểm “Môi trường trong Phát triển Bền vững” và sau này là “Môi trường và Phát triển bền vững”, đến nay Trung tâm đã đào tạo được 9 khóa NCS và 10 khóa đào tạo Thạc sĩ với 39 NCS và 207 học viên cao học đã trúng tuyển; trong đó có 10 NCS đã được nhận học vị Tiến sĩ; 134 học viên cao học đã tốt nghiệp và nhận bằng Thạc sĩ khoa học Môi trường. Đây là một trong những chuyên ngành đào tạo thí điểm được đánh giá là thành công nhất của ĐHQGHN và Bộ GDĐT. Với sự cộng tác rộng rãi của các nhà khoa học đầu ngành, có uy tín, các giảng viên trong và ngoài ĐHQGHN; với định hướng đào tạo đúng đắn, liên ngành, gắn liền với thực tế và nghiên cứu khoa học; với việc xây dựng khung chương trình đào tạo hiện đại, hấp dẫn; áp dụng việc đào tạo theo địa chỉ, theo đơn đặt hàng của các Bộ, Ngành, Địa phương, chương trình ngày càng thu hút đông đảo lực lượng lao động khoa học và quản lý trong lĩnh vực Tài nguyên, Môi trường và Phát triển bền vững trong cả nước về theo học. Các đơn vị, địa phương có nhiều học viên tham gia các khóa đào tạo sau đại học tại Trung tâm phải kể đến là:

- Các đơn vị nghiên cứu, đào tạo và quản lý thuộc Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn;
- Các đơn vị nghiên cứu, đào tạo và quản lý thuộc Bộ Tài nguyên & Môi trường;



- Các đơn vị nghiên cứu và quản lý thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc hầu hết 63 tỉnh, thành trong cả nước như: Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Giang, Hòa Bình, Quảng Bình, Nam Định, Thái Bình, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Bình Định, Đồng Tháp, Cà Mau...
- Các Vườn Quốc Gia, các Khu Bảo tồn, các Khu Dự trữ Sinh quyển cấp tỉnh, thành và cấp Quốc gia trong cả nước;
- Các trường đại học như: Đại học Thái Nguyên, Đại học Nông nghiệp, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Tài nguyên và Môi trường, Đại học Thủy lợi, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN...

Cũng phải nhấn mạnh rằng Trung tâm đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ như trên là nhờ Trung tâm đã có kinh nghiệm hơn 25 năm tổ chức nhiều khóa đào tạo sau đại học trung và ngắn hạn, với thời gian từ 1-2 tuần đến 12 tháng, bắt đầu từ năm 1989. Những khóa đào tạo quan trọng nhất bao gồm:

- Hai khóa đào tạo trung hạn (12 tháng) về “Quản lý và đánh giá tác động môi trường” cho 50 học viên, với sự tài trợ của Tổ chức IDRC (Canada).
- 15 khóa đào tạo ngắn hạn (5-6 tháng) về “Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên (và phát triển bền vững)” cho gần 400 cán bộ trong cả nước, với sự tài trợ của các tổ chức quốc tế như Oro Verde (CHLB Đức), Tổ chức GTZ, InWent và Cơ quan Phát triển Bỉ (BTC).
- 7 khóa đào tạo ngắn hạn (3 tháng) về “Quản lý bền vững tài nguyên miền núi” (1994-2000) cho khoảng 200 cán bộ, trong đó có 6 người đến từ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, với sự tài trợ của các tổ chức Ford Foundation, Toyoto Foundation, Japan Foundation, CIDA, Rockefeller Brothers’ Fund, MacArthur Foundation.
- Hàng trăm khóa đào tạo ngắn hạn cho hàng nghìn cán bộ và nhân dân địa phương với thời gian từ 1-3 tuần tại các tỉnh thành trong cả nước, nơi gắn với những dự án nghiên cứu và phát triển mà Trung tâm thực hiện.

Tất cả các học viên đã, đang và sẽ tốt nghiệp cùng với các cán bộ khoa học của Trung tâm đã tạo thành một mạng lưới chặt chẽ, rộng khắp góp phần tạo nên một lực lượng lớn mạnh cho sự nghiệp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, quản lý và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững trong cả nước.

Ngoài ra, các cán bộ của Trung tâm, như GS. Trương

Quang Học, TS. Võ Thanh Sơn, TS. Hoàng Văn Thắng đã tích cực tham gia xây dựng và giảng dạy cho các chương trình đào tạo liên ngành khác của Đại học Quốc gia Hà Nội, như Chương trình đào tạo thạc sĩ về Biến đổi khí hậu và Khoa học bền vững, các chương trình và tài liệu giảng dạy cán bộ nòng cốt (TOT) cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, góp phần vào sự nghiệp đào tạo cán bộ chất lượng cao cho Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị khác.

CRES - đơn vị triển khai rộng khắp các hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách khoa học - công nghệ nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phục vụ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; đóng góp tri thức và thực tiễn cho công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên vì sự thịnh vượng của nhân loại.

Nhờ đội ngũ khoa học nhiệt tình, có kinh nghiệm và uy tín, cùng mạng lưới cộng tác viên rộng khắp, nên CRES có điều kiện xây dựng và triển khai nhiều đề tài, dự án trong và ngoài nước, với các quy mô khác nhau. Đây là tiền đề để Trung tâm luôn thể hiện sự tiên phong trong các hướng nghiên cứu của mình.

Từ những ngày mới phiêu bạt, “lúc mà có nhiều người còn cho rằng nghiên cứu các vấn đề về môi trường ở Việt Nam là phù phiếm, mà thậm chí có người còn lên án những người nghiên cứu, vận động bảo vệ môi trường là cản trở sản xuất” (lời của GS. Võ Quý), thì Trung tâm dưới sự lãnh đạo và chủ trì của GS. Võ Quý, đã tập trung vào nghiên cứu bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm, bảo vệ đa dạng sinh học thông qua cộng đồng và đã triển khai các nghiên cứu về ảnh hưởng của chiến tranh hóa học (chất độc Dioxin) lên các hệ sinh thái và con người ở Việt Nam. Những cố gắng để phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái do chiến tranh, nhất là chiến tranh hóa học và việc khuyến khích bảo tồn, quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng vẫn đang được Trung tâm triển khai thực hiện cho đến ngày nay.



Song song với việc triển khai các nghiên cứu trên, một số hướng nghiên cứu khác cũng được Trung tâm đi tiên phong trong tiếp cận cũng như trong nghiên cứu và triển khai ứng dụng trong những năm đầu của CRES như: quản lý và sử dụng khôn khéo Đất ngập nước (do PGS. Lê Diên Dực và TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì), tiếp cận sinh thái nhân văn trong quản lý Tài nguyên miền núi (do GS. Lê Trọng Cúc khởi xướng), nghiên cứu hệ sinh thái Rừng ngập mặn (do GS. Phan Nguyên Hồng chủ trì) vẫn được tiếp tục triển khai cho đến ngày nay. Kể cả lĩnh vực biến đổi khí hậu, một vấn đề đang rất “hót” hiện nay, cũng đã được một nhóm các nhà khoa học thuộc CRES do GS. Võ Quý và TS. Nguyễn Hữu Ninh chủ trì, bắt đầu nghiên cứu từ năm 1987. Bước sang đầu những năm 2000, ngay tiếp sau thành công của Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển Bền vững tại Nam Phi, với sự quyết tâm và nhiệt tình của GS.TSKH. Trương Quang Học, CRES đã đi tiên phong trong việc đưa các khái niệm, luận điểm về phát triển bền vững vào các đề tài khoa học cũng như đào tạo của Trung tâm. Cũng từ đó, Chương trình đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ chuyên ngành “Môi trường trong Phát triển bền vững” (nay là “Môi trường và Phát triển bền vững”) là chương trình sau đại học đầu tiên ở Việt Nam về lĩnh vực này đã ra đời và ghi dấu ấn là một trong những chương trình đào tạo thí điểm thành công nhất của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Cũng phải nói thêm rằng, việc đào tạo nghiệp vụ ngắn và trung hạn trực tiếp cho các cán bộ công tác trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trong cả nước gắn với đề tài, dự án khoa học, các quan hệ hợp tác quốc tế mà Trung tâm đã triển khai rộng rãi là một thế mạnh và cũng là hoạt động đặc thù và mang lại hiệu quả rõ rệt cho các địa phương, nơi có các dự án triển khai. Không thể kể hết các hoạt động làm thay đổi bộ mặt cũng như thay đổi hẳn cách nghĩ, cách làm, cách quản lý... của nhân dân cũng như của cán bộ quản lý tại những nơi mà CBVC Trung tâm triển khai các hoạt động khoa học của mình. Từ những hoạt động trong lĩnh vực hẹp như đánh giá tác động môi trường, các hoạt động sinh kế, hoạt động cộng đồng gắn với việc bảo vệ, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; việc khảo sát, quy hoạch, tham mưu tư vấn cho việc xây dựng các khu bảo tồn, các vườn quốc gia, các khu dự trữ sinh quyển cấp địa phương và cấp quốc gia cho đến các hoạt động ở cấp độ cao hơn như tư vấn cho việc xây dựng các chính sách, thể chế, các luật, nghị định, các công ước quốc tế, các chương trình mục tiêu, chương trình hành động quốc gia...đều thể hiện đậm nét tư duy sáng tạo, năng lực hoạt động khoa học liên ngành, đa lĩnh vực vừa chuyên sâu, vừa rộng khắp của các chuyên gia khoa học của Trung

tâm. Trong số đó trước tiên phải kể đến các nhà khoa học như: GS. Võ Quý, GS. Phan Nguyên Hồng, GS. Lê Thạch Cán, GS. Lê Trọng Cúc, PGS. Phạm Bình Quyền, PGS. Lê Diên Dực, GS. Trương Quang Học, GS. Nguyễn Quang Mỹ, GS. Đặng Trung Thuận... và sau đó là đội ngũ các cán bộ khoa học với hàng chục tiến sĩ, thạc sĩ được đào tạo bài bản tại các trường đại học tiên tiến trên thế giới cũng như trong nước như TS. Nguyễn Hữu Ninh, TS. Hoàng Văn Thắng, TS. Võ Thanh Sơn, TS. Nghiêm Thị Phương Tuyến, TS. Lê Thị Vân Huệ, TS. Nguyễn Thị Kim Cúc, TS. Lê Đức Minh, TS. Nguyễn Mạnh Hà, Th.S. Vũ Thị Minh Hoa, Th.S. Võ Thanh Giang, Th.S. Phạm Thị Tường Vi, Th.S. Trần Thu Phương, Th.S. Phạm Việt Hùng, Th.S. Lê Trọng Toán, Th.S. Bùi Hà Ly, Th.S. Hà Thị Thu Huệ, Th.S. Nguyễn Mai Phương... Các cán bộ này là lực lượng nòng cốt của các nhóm học thuật như: Bảo vệ Môi trường, Bảo tồn Đa dạng Sinh học, Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng Ngập Mặn, Nhóm Nghiên cứu Miền núi, Nhóm Nghiên cứu Đất ngập nước và Chim nước, Nhóm Nghiên cứu Hệ Sinh thái Nông nghiệp...Ngoài việc tạo nên những thành quả khoa học mang tầm quốc tế với các công trình, ấn phẩm xuất bản trên các tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín, các hoạt động của các nhóm trên còn mang lại cách tiếp cận tiên tiến, các khái niệm hiện đại như chi trả dịch vụ môi trường, cách tiếp cận dựa trên hệ sinh thái, khái niệm về biến đổi khí hậu và cách thích ứng...trong công tác bảo tồn nói riêng và phát triển bền vững nói chung, tạo nhiều thay đổi căn bản về nhận thức, về thói quen sử dụng tài nguyên của cộng đồng và ý thức giữ gìn vốn quý là tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học cho các thế hệ con cháu mai sau.

Các lĩnh vực tiêu biểu mà Trung tâm có những đóng góp lớn phải kể đến:

- Tham gia (với vai trò chuyên gia tư vấn) soạn thảo Chiến lược Phát triển bền vững (2012), Chiến lược Tăng trưởng xanh (2012), Báo cáo Phát triển bền vững tại Hội nghị Rio de Janeiro (2012); Xây dựng Cơ sở dữ liệu PTBV quốc gia (2014); Xây dựng Cơ sở dữ liệu Đa dạng sinh học quốc gia (2014);
- Xây dựng kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học và báo cáo môi trường cho các vùng và địa phương (như vùng Bắc Trường Sơn, các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định, Quảng Ninh); xây dựng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cho tỉnh Sơn La (2013)...;
- Các chuyên gia của Trung tâm được mời tham gia xây dựng nhiều bộ luật, chương trình, kế hoạch hành động, chiến lược quốc gia liên quan đến tài nguyên, môi trường và phát triển bền

vững như: Luật Bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Bảo tồn đa dạng sinh học, Chiến lược Quản lý hệ thống các khu bảo tồn của Việt Nam, Kế hoạch Hành động Đa dạng sinh học quốc gia...

Sau gần 30 năm phát triển, Trung tâm đã chủ trì 3 trong 6 chương trình khoa học - công nghệ trọng điểm Nhà nước (Chương trình 5202, Chương trình 52Đ và Chương trình KC-08) về tài nguyên, môi trường và phòng chống thiên tai. Từ rất sớm, Trung tâm cũng đã triển khai thực hiện các đề tài, dự án vùng, liên vùng và liên quốc gia, cho đến nay Trung tâm đã tổ chức triển khai thực hiện nhiều đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ, Ngành, Địa phương và Hợp tác Quốc tế, bao gồm:

- 3 chương trình khoa học - công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước;
- 12 đề tài khoa học - công nghệ cấp Nhà nước;
- 80 đề tài cấp bộ và cấp ĐHQGHN;
- 101 đề tài hợp tác quốc tế;
- 32 đề tài và nhiệm vụ KHCN tại hầu hết các tỉnh, thành trong cả nước.
- Tổ chức được trên 40 hội nghị, hội thảo trong nước và 10 hội nghị, hội thảo quốc tế.
- Tham gia tích cực vào việc chuẩn bị và xây dựng Chương trình Tây Bắc, đặc biệt là việc chuẩn bị cơ sở dữ liệu về tài nguyên thiên nhiên và quy hoạch các hệ sinh thái khu vực Tây Bắc và mở hai khóa đào tạo về Tài nguyên và Môi trường cho khoảng 50 học viên thuộc các sở, ban ngành của các tỉnh Tây Bắc.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, đến nay Trung tâm đã biên soạn và công bố:

- Gần 201 cuốn sách và tài liệu về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, trong đó có 66 ấn phẩm bằng tiếng Anh và 135 bằng tiếng Việt;
- Gần 898 bài báo khoa học trong và ngoài nước, trong đó 462 bài báo bằng tiếng Anh (với 62 bài trong hệ thống ISI và SCOPUS), 436 bài bằng tiếng Việt;

Các mô hình và giải pháp khoa học công nghệ hữu ích mà Trung tâm đề xuất vẫn có sức sống mãnh liệt, được thử thách qua sự sàng lọc của thời gian đã minh chứng cho những giá trị không thể phủ nhận được của các hoạt động khoa học của Trung tâm đối với đời sống cộng đồng và bảo vệ môi trường. Đó là việc xây dựng các mô hình phát triển bền vững cho cộng đồng, xã hội, điều chỉnh những tư duy lệch lạc trong phát triển chỉ chú trọng đến lợi ích kinh tế mà

không chú ý đến các thiệt hại do môi trường bị tàn phá, hủy hoại như:

- Mô hình "Ao tôm sinh thái" nhằm phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn và sử dụng khôn khéo tài nguyên thiên nhiên đất ngập nước tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải và các vùng cửa sông, ven biển của cả nước (Bằng sáng chế - PGS. Lê Diên Dực).
- Mô hình bảo tồn dựa vào cộng đồng tại vùng cửa sông, ven biển Tiên Yên, Đầm Hà tỉnh Quảng Ninh.
- Mô hình canh tác nương rẫy bền vững tại vùng đệm Khu bảo tồn Thiên nhiên ĐaK'rong, tỉnh Quảng Trị.
- Mô hình "Đánh đổi giữa bảo tồn và phát triển" tại các tỉnh Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị.
- Giải pháp hữu ích về "Phương pháp khôi phục rừng ngập mặn" đang được ứng dụng rộng rãi ở hầu hết các vùng cửa sông, ven biển tại hầu hết các địa phương trong cả nước và đang được Ban nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn (Mangrove Ecosystems Research Division - MERD) thuộc Trung tâm ứng dụng thường niên trong hợp tác với Tổ chức Hành động Phục hồi Rừng ngập mặn (ACTMANG), Nhật Bản; Hội Chữ thập Đỏ và Trăng lưỡi liềm Đỏ Quốc tế (IFRC); Hội Chữ thập Đỏ Nhật Bản (JRC); Hội Chữ thập Đỏ Đan Mạch (DRC); Công ty Điện lực Nhật Bản (Tepco)... tiến hành giúp đỡ các địa phương ven biển Việt Nam trồng và phục hồi được đến nay là trên 40.000 ha rừng ngập mặn ven biển;
- Trong hai năm trở lại đây, dưới sự tài trợ của MFF/IUCN, Trung tâm đã hợp tác với xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An và các bên liên quan xây dựng và triển khai mô hình Nhà cộng đồng; Du lịch sinh thái kết hợp với trồng rừng ngập mặn; Hợp tác với AEON và Vườn quốc gia Ba Vì trồng được 20 ha cây bản địa làm giàu hệ sinh thái rừng tại vườn quốc gia này.

Bên cạnh đó hàng nghìn ấn phẩm của các cán bộ khoa học của Trung tâm trong suốt 30 năm hoạt động, bao gồm các bài báo, sách, tạp chí, tham luận hội nghị, hội thảo... bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt đã được xuất bản là kho tư liệu vô cùng phong phú và quý báu cho sự nghiệp bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hướng tới phát triển bền vững. Đây cũng là tài sản quý giá mà Trung tâm đóng góp vào kho tàng tri thức của quốc gia nói riêng và nhân loại nói chung.

Từ rất sớm, CRES cũng đã triển khai thực hiện các đề tài/dự án vùng như: Điều tra về Sếu cổ trụi và vùng



hạ
lưu
sông
Mê Kông
(Việt Nam,

Campuchia); Các đề tài vùng trọng điểm như: Tày Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long (Đồng Tháp Mười, U Minh, Cà Mau), Bắc Trung Bộ, rừng ngập mặn từ Móng Cái đến Hà Tiên... Trong những năm gần đây, các đề tài đa quốc gia trở thành một xu hướng nghiên cứu mạnh trên thế giới và CRES cũng đã sớm tham gia vào các dự án loại này, như: Dự án bảo tồn dựa vào cộng đồng – CBCM (Canada, Việt Nam, Trung Quốc), Dự án PIP (Việt Nam, Philipin, Canada), Dự án Đánh đổi giữa bảo tồn và phát triển – ACSC (Hoa Kỳ, Pêru, Tanzania, Việt Nam), Dự án Quản lý và sử dụng hợp lý lâm sản ngoài gỗ – NTFP (Lào, Trung Quốc, Việt Nam), Mạng lưới Quản lý tài nguyên thiên nhiên do cộng đồng khởi xướng – COMPAS (Ấn Độ, Sri Lanka, Việt Nam),...

Các hướng nghiên cứu có tính tiên phong nêu trên cũng thể hiện rõ tư duy tổng hợp, cách tiếp cận liên ngành, đa ngành là một đặc trưng trong nghiên cứu khoa học tại CRES. Tư duy tổng hợp này có được do phần lớn cán bộ của Trung tâm được đào tạo tại khối các trường Đại học Tổng hợp. Tư duy và khả năng nghiên cứu liên ngành, đa ngành cũng có được là nhờ kinh nghiệm triển khai các đề tài đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội như đánh giá tác động môi trường, tư vấn xây dựng thể chế chính sách, quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn... Ngoài ra, đội ngũ cán bộ kế cận của CRES đã được đào tạo chính quy về một số chuyên ngành có tính liên ngành cao như Quy hoạch đô thị, Giới và Phát triển, Khu vực học hay Phát triển Cộng đồng, Tiếp cận dựa trên hệ sinh thái, Phát triển bền vững/ Phát triển xanh....

CRES - điển hình về hợp tác quốc tế và trong nước, tập hợp sức mạnh cho sự nghiệp Bảo vệ môi trường, Bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý Tài nguyên thiên nhiên, gắn với Phát triển bền vững trong bối cảnh Biến đổi khí hậu.

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường là một trong những đơn vị đi tiên phong trong hợp tác quốc tế về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Từ những năm đầu thập niên 80, CRES đã có những hợp tác với UNEP, WWF, IUCN trong lĩnh vực này và có thể nói khởi điểm của sự hợp tác này là việc hiện diện của các chuyên gia của các tổ chức trên tại Hội nghị quốc gia về Tài nguyên và môi trường năm 1983 được tổ chức tại Hà Nội (22-23/3/1983) mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp – lúc đó là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Trải qua 30 năm thành lập, trưởng thành và phát triển, thương hiệu "Centre for Natural Resources and Environmental Studies - CRES" đã nổi tiếng khắp trong nước và quốc tế. CRES trở thành đầu mối triển khai các hoạt động của các tổ chức và công ước quốc tế tại Việt Nam như: IUCN, WWF, CITES, RAMSAR, UNEP... và hơn 80 tổ chức quốc tế khác. Hơn thế nữa, CRES còn vinh dự là thành viên của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN) từ 1996, với Giám đốc Hoàng Văn Thắng là Chủ tịch của tổ chức này tại Việt Nam và là thành viên của Ủy ban khu vực (ASIA); CRES còn là Cơ quan Thẩm quyền Khoa học Việt Nam của Công ước Quốc tế CITES và các nghiên cứu về bảo vệ động, thực vật hoang dã từ năm 1994 đến nay; CRES là hội viên tập thể Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam (VACNE), với 6 cán bộ là thành viên trong Ban Chấp hành Hội; CRES cũng là đầu mối quốc gia về giáo dục đất ngập nước của Công ước Quốc tế về Đất ngập nước (RAMSAR), Công ước Đa dạng sinh học (CBD)... Đó là những ghi nhận quý báu mà cộng đồng các nhà khoa học thế giới dành cho những đóng góp to lớn, không mệt mỏi của CBVC Trung tâm trong sự nghiệp bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Các hoạt động



và đóng góp trên có tính nhất quán, với quan điểm không hề thay đổi trong một thời gian dài đã tạo nên bản lĩnh và năng lực khoa học cho những giai đoạn phát triển tiếp theo, nhằm phát huy hơn nữa, khẳng định và lan tỏa giá trị thương hiệu CRES-VNU của một đơn vị thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội - địa chỉ uy tín cho các hoạt động khoa học đỉnh cao của cả nước.

Trong quá trình hoạt động của mình, Trung tâm cũng phát huy cao độ sự hợp tác khoa học có hiệu quả với các bộ, ngành như: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch...; với các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ của 63 tỉnh thành trong cả nước và hệ thống trên 100 các Vườn Quốc gia và Khu Bảo tồn thiên nhiên; đặc biệt với các tỉnh có mối quan hệ hợp tác chiến lược với ĐHQGHN như Quảng Ninh, Hà Giang, Sơn La, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam... Các mối quan hệ hợp tác này góp phần không nhỏ làm lan tỏa uy tín khoa học của Trung tâm cũng như của ĐHQGHN trong phạm vi cả nước, là địa chỉ ứng dụng của các hoạt động khoa học, đào tạo của Trung tâm và ngược lại nó cũng đóng góp phần lớn tạo nên nguồn nhân lực, tài lực giúp Trung tâm ngày càng lớn mạnh. Các kết quả khoa học, các xuất bản phẩm của Trung tâm, bên cạnh việc đạt được các giải thưởng quốc tế (như BLUE PLANET - 2003, COSMOS - 2008, MIDORI - 2012... các Giải thưởng Nhà nước - 2005, Giải thưởng Hồ Chí Minh - 2006, 2012), cũng đã đóng góp rất

nhiều cho cơ sở dữ liệu khoa học, cho căn cứ cho việc xếp hạng đại học của ĐHQGHN trong khu vực và quốc tế theo các tiêu chí của QS và Webometrics.

CRES - định hướng doanh nghiệp khoa học – công nghệ/tự chủ tài chính; tập trung xây dựng và đào tạo đội ngũ; tăng cường tính chuyên nghiệp trong công tác tổ chức, quản lý của đơn vị.

Năm 1985, khi mới thành lập, tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, khi được Bộ trưởng Trần Hồng Quân hỏi ý kiến về hỗ trợ tài chính cho các hoạt động của Trung tâm, Giáo sư Võ Quý đã trả lời: “Chúng tôi xin cảm ơn Bộ trưởng đã có nhã ý giúp đỡ Trung tâm trong những năm đầu khó khăn, nhưng chúng tôi xin được hoãn việc giúp đỡ đó trong một vài năm để chúng tôi được thử sức xem mình có thể nuôi được mình không”. Chính câu trả lời đó là động lực thúc đẩy Giáo sư và tất cả 10 thành viên của Trung tâm lúc bấy giờ phấn đấu và được các thế hệ sau kế thừa cho đến nay đã tròn 30 năm. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường có thể tự hào là đơn vị đã thực hiện tự chủ được phần lớn tài chính, tự trang trải, đảm bảo đời sống cho CBVC và phát triển lớn mạnh, tuy gặp không ít khó khăn. Do đặc thù của Trung tâm là một đơn vị nghiên cứu khoa học, hoạt động tự chủ hoàn toàn về tài chính theo mô hình doanh nghiệp KHCN quy định tại Nghị định 115 của Chính phủ, ngay cả từ khi Nghị định này còn chưa ra đời nên các nhóm nghiên cứu của Trung tâm được hình thành và tổ chức rất chặt chẽ và linh hoạt với tiêu chí 3T: Tinh nhuệ, Tiết kiệm và Tối giản hoạt động. Hình thái tổ chức này đã thực sự làm nên điều kỳ diệu, đó là Trung tâm có một cơ chế tài chính hoàn toàn tự chủ mà vẫn trưởng thành và phát triển qua suốt 30 năm với 4 thế hệ lãnh đạo, một khoảng thời gian đủ dài để đánh giá sức sống của một đơn vị, một thử thách không hề nhỏ trên con đường phát triển của Trung tâm.

Lãnh đạo và toàn thể CBVC của Trung tâm nhận thức rất rõ ràng, để đánh giá một tổ chức mạnh không chỉ dựa vào năng lực của từng thành viên mà còn là sự chặt chẽ trong tổ chức, sự chuyên nghiệp trong hoạt động quản lý, tính hiệu quả trong chỉ đạo hoạt động và sự phối hợp của các thành viên. Từ nhận thức đó Trung tâm cũng hòa nhịp với xu thế cải cách sâu rộng hoạt động hành chính, xây dựng một môi trường chuyên nghiệp, năng động, hiệu quả mà các đơn vị thuộc ĐHQGHN đang thực hiện theo chỉ đạo của cấp ủy và lãnh đạo ĐHQGHN; thực hiện khẩu hiệu One-VNU, tin học hóa mạnh mẽ hoạt động quản lý. Trung tâm đã dần chuyển mình và đã có những thay đổi sâu sắc trong hoạt động chỉ đạo, quản lý và triển khai, dần thay đổi hình ảnh của một đơn vị tổ

chức theo phương thức gia đình, chỉ chú trọng vào các hoạt động mang lại lợi ích kinh tế - một hạn chế cố hữu của các đơn vị tự chủ tài chính. Cấp ủy và Ban Giám đốc Trung tâm đã chỉ đạo các phòng chức năng kiện toàn lại bộ máy, sau quá trình sáp nhập Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu Biến đổi Toàn cầu (ICARGC), theo đề án tái cấu trúc các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN và theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm mới được ban hành lại năm 2014. Trung tâm đã tiến hành rà soát, tối ưu hóa sơ đồ sử dụng nhân lực theo đề án mô tả vị trí việc làm của ĐHQGHN. Việc chuyển đổi mạnh mẽ nhân lực, ưu tiên cho các nhóm hoạt động chuyên môn được tổ chức theo mô hình nhóm nghiên cứu mạnh (COE) đã mang lại nguồn thu vững chắc cho Trung tâm, đồng thời nâng cao thu nhập cho các CBVC ở vị trí thuần túy hành chính, tạo đà cho việc thực thi tính chuyên nghiệp trong hoạt động theo yêu cầu của ĐHQGHN. Song song với việc sắp xếp lại nhân sự, các văn bản quản lý điều hành của Trung tâm cũng được rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo hệ thống văn bản điều hành mới của ĐHQGHN đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ và Quy chế về Tổ chức và Hoạt động mới ban hành của ĐHQGHN và tăng cường hiệu lực của các văn bản pháp quy. Nhờ vậy các hoạt động của Trung tâm đã trở nên nề nếp hơn, chuyên nghiệp hơn và hiệu quả hơn, tạo ra gương mặt mới tích cực trong các hoạt động chung của ĐHQGHN, dưới mái nhà chung One-VNU.

CRES - tập trung xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh (COE) ngay từ những ngày đầu hoạt động

Từ định hướng xây dựng đơn vị nghiên cứu mạnh nằm trong một Đại học nghiên cứu cơ bản là Đại học Tổng hợp trước đây và Đại học Quốc gia Hà Nội ngày nay, ngay từ những ngày đầu tiên, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã chú trọng đến việc hình thành các hướng nghiên cứu và nhóm nghiên cứu đặc thù và là thế mạnh của CRES (khởi đầu của mô hình Nhóm nghiên cứu xuất sắc - COE) như:

Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn:

Dưới sự chủ trì và đứng đầu của GS.TSKH. NGND. Phan Nguyên Hồng, Ban đã tập hợp được nhiều cán bộ giảng dạy và các nhà khoa học hàng đầu về nghiên cứu hệ sinh thái rừng ngập mặn của Việt Nam đến từ trường Đại học Sư phạm Hà Nội I. Các cán bộ trẻ của Ban được đào tạo bài bản trong nước và ngoài nước (mà chủ yếu là ở Nhật Bản), với sự hợp tác chặt chẽ với các nhà khoa học hàng đầu về rừng ngập mặn của thế giới, đến từ châu Á, châu Âu...Thành tích đáng kể nhất của Ban chính là áp dụng công nghệ phục hồi Rừng ngập mặn do Trung tâm đề xuất để triển khai hàng nghìn hecta rừng ngập mặn ở các vùng cửa sông, ven biển.

Nhóm Nghiên cứu Miền núi:

Ngay từ khi mới thành lập (năm 1985), Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã tham gia vào các hoạt động nghiên cứu về miền núi và trung du phía Bắc, nhằm “Nghiên cứu xây dựng các hệ sinh thái mới có năng suất sinh học cao ở vùng trung du Việt Nam”. Trong những năm tiếp theo từ 1989 đến 1991, Trung tâm đã tham gia Mạng lưới Nghiên cứu Hệ sinh thái Nông nghiệp các Trường Đại học Đông Nam Á - SUAN. Nhận thấy tầm quan trọng của hướng nghiên cứu về miền núi, CRES đã quyết định chính thức thành lập Nhóm Công tác Miền núi (UWG) do GS. Lê Trọng Cúc phụ trách. Từ sau khi thành lập, Nhóm Công tác Miền núi tập trung vào các nghiên cứu sinh thái nhân văn và xu hướng phát triển vùng núi phía Bắc Việt Nam. Sau khi thành lập, Nhóm Công tác Miền núi đã tiến hành một loạt nghiên cứu toàn diện trên khắp vùng núi phía Bắc Việt Nam (1994-2001) và sau này mở rộng ra vùng Tây Nguyên và Trung Bộ. Từ năm 2003, Nhóm cũng đã khởi xướng/thiết lập Mạng lưới Quản lý và Phát triển Bền vững Tài nguyên Miền núi (SURDM) với thành viên là các cựu học



viên của CRES đến từ 26 tỉnh trung du miền núi của Việt Nam và những người quan tâm đến sự nghiệp phát triển miền núi.

Nhóm Nghiên cứu Đất ngập nước và Chim nước:

Trong khuôn khổ Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước về Tài nguyên và môi trường 52-02 (năm 1981-1985) và 52-Đ (năm 1986-1990), nhóm Nghiên cứu Chim nước và Đất ngập nước (WWWG) đã được thành lập để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chim nước và đất ngập nước. WWWG những ngày đầu bao gồm PTS. Lê Diên Dục (Nhóm trưởng), Cử nhân Hoàng Văn Thắng và Cử nhân Lê Đình Thủy (thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật). Hiện nay, Nghiên cứu Chim nước và Đất ngập nước của CRES đã phát triển một cách mạnh mẽ và toàn diện với 7 thành viên do TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì. Nhóm nghiên cứu này cũng là Cơ sở nghiên cứu và đeo vòng chim di cư (Vòng có địa chỉ CRES, VNU, Việt Nam) và là đầu mối hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này của Việt Nam. Trên cơ sở nhóm nghiên cứu làm nòng cốt, Hội Đất ngập nước Việt Nam đã được thành lập với gần 100 hội viên khắp các vùng, miền, các bộ, ngành trong cả nước.

Nhóm Nghiên cứu về Đa dạng Sinh học:

Khởi đầu từ GS. Võ Quý và sau này là GS. Trương Quang Học, Nhóm Nghiên cứu về Đa dạng Sinh học đã tập hợp được một đội ngũ đông đảo các nhà sinh học và sinh thái tham gia thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu về đa dạng sinh học cũng như tư vấn, xây dựng các thể chế, chính sách liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Ngày nay, các nghiên cứu về Đa dạng sinh học không chỉ còn dừng lại ở mức độ hình thái mà các nghiên cứu ở mức độ phân tử cũng đã được áp dụng một cách thường xuyên hơn.

Nhóm Nghiên cứu Hệ sinh thái Nông nghiệp:

Do GS. Phạm Bình Quyền đứng đầu, đã áp dụng các nguyên tắc sinh thái nhân văn và sinh thái nông nghiệp bền vững vào việc triển khai thực hiện các dự án. Cách tiếp cận này cũng đã được

tích hợp vào việc thực hiện xây dựng các Kế hoạch hành động đa dạng sinh học hay Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học ở cấp Trung ương cũng như ở các địa phương.

Nhóm nghiên cứu về biến đổi khí hậu và biến đổi toàn cầu:

GS. Võ Quý, TS. Nguyễn Hữu Ninh cùng một số cán bộ của CRES đã thực hiện các nghiên cứu về biến đổi khí hậu từ năm 1987. Thời gian sau này, nhiều cán bộ của CRES đã tham gia và chủ trì thực hiện các dự án về nghiên cứu và đào tạo liên quan đến biến đổi khí hậu, nhất là thích ứng với biến đổi khí hậu như GS.TSKH. Trương Quang Học, TS. Nghiêm Thị Phương Tuyến, TS. Lê Thị Vân Huệ, TS. Đào Minh Trường, Th.S. Vũ Thị Minh Hoa, Th.S. Trần Thu Phương, Th.S. Trương Thị Thanh Huyền và Th.S. Đặng Anh Tuấn...và sự tham gia của nhiều cán bộ thuộc các lĩnh vực khác của Trung tâm. Từ 2014, sau khi sáp nhập ICARG, Phòng Nghiên cứu Biến đổi toàn cầu và GIS đã được thành lập để tiếp tục triển khai các nghiên cứu thuộc lĩnh vực này, trong đó có việc tham gia lập báo cáo đặc biệt của quốc gia, đánh giá hiệu quả của chính sách REDD+...

Giáo dục môi trường và bảo tồn dựa vào cộng đồng:

GS. Võ Quý và GS. Phan Nguyên Hồng cũng là những người đầu tiên xây dựng và triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức về môi trường. Bên cạnh đó, nhóm còn có các cán bộ được đào tạo chuyên sâu về giáo dục môi trường ở nước ngoài về tham gia công tác như Th.S. Vũ Thị Diễm Hương, Th.S. Trần Minh Phượng, Th.S. Bùi Hà Ly...và các cán bộ khác của Trung tâm trong quá trình triển khai thực hiện các đề tài, dự án.

Cho đến nay, các nhóm này vẫn tiếp tục phát huy thế mạnh của mình trong việc nghiên cứu và triển khai các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực của mình. Các nhóm và hướng nghiên cứu trên tiếp tục khẳng định mình với những nghiên cứu mang tính chiến lược không chỉ của CRES mà còn là của quốc gia.



THÀNH TÍCH VỀ VANG

*) Các giải thưởng quốc gia, quốc tế và bằng phát minh sáng chế:

- Năm 1988, Huy chương Vàng của Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (WWF) trao cho Giáo sư Võ Quý;
- Năm 1992, Bằng Danh dự Global 500 của Tổ chức Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), trao cho Giáo sư Võ Quý;
- Năm 1994, Huy chương John Phillip do Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) trao tặng Giáo sư Võ Quý;
- Năm 1994, Giải thưởng Bruno-Shubert do Chính phủ Đức trao tặng Giáo sư Võ Quý;
- Năm 1997, Huân chương Mỏ neo Vàng của Chính phủ Hà Lan dành cho Giáo sư Võ Quý;
- Năm 2003, Giải thưởng Hành tinh Xanh 2003 (Blue Planet Prize 2003) trao cho Giáo sư Võ Quý;
- Năm 2008, Giáo sư Võ Quý được Tạp chí Times (Hoa Kỳ) vinh danh là một trong 35 Anh hùng Môi trường từ hơn 20 nước khác nhau;
- Năm 2008, Giải thưởng Quốc tế COSMOS của Nhật Bản trao cho Giáo sư Phan Nguyên Hồng vì những đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu và bảo tồn rừng ngập mặn;
- Năm 2008, Giải thưởng Nobel Hòa Bình về Môi trường trao cho tập thể tác giả vì những hoạt động liên quan đến biến đổi khí hậu, trong đó có TS. Nguyễn Hữu Ninh;



- Năm 2012, Giải thưởng MIDORI về Đa dạng sinh học của Liên Hợp Quốc được trao tặng cho Giáo sư Võ Quý;
- Năm 1999, Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích về “Phương pháp khôi phục rừng ngập mặn” được trao cho PGS.TS. Lê Diên Dực (Quyết định số 202/QĐHI, ngày 22/7/1999, Cục Sở hữu Công nghiệp. Chủ bằng: Trung tâm NC TN&MT, ĐHQGHN, Hà Nội).
- Năm 2015, “Giải thưởng Sách Việt Nam” cho tác giả Lê Diên Dực và Hoàng Văn Thắng dành cho sách hay (Đất ngập nước, tập I và II).

*) Khen thưởng:

- Huân chương Lao động hạng Ba của Nhà nước cho thành tích đào tạo nghiên cứu khoa học của Trung tâm giai đoạn 2010-2015 (Quyết định 2110/QĐ-CTN, ngày 22/9/2015).
- Giải thưởng Điển hình tiên tiến về môi trường giai đoạn 2011-2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Quyết định 2330/QĐ-BTNMT, ngày 11/9/2015). Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 2076/QĐ-TTG, ngày 12/11/2010);
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn năm 2010 (Quyết định số 2967/QĐ-BNN-TCCB, ngày 5/11/2010);
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;



- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh cho cá nhân có thành tích trồng rừng ngập mặn và phòng ngừa thảm họa giai đoạn 2007-2013 (Quyết định 2500/QĐ-UBND ngày 20/9/2013);
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh cho Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn MERD/CRES về thành tích trồng rừng ngập mặn và phòng ngừa thảm họa giai đoạn 2007-2013 (Quyết định 2500/QĐ-UBND ngày 20/9/2013);
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh cho Trung tâm Nghiên cứu TN&MT - ĐHQGHN (CRES) về thành tích trồng rừng ngập mặn và phòng ngừa thảm họa (Quyết định 2101/QĐ-UBND ngày 23/7/2015);
- Bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam năm 2005, 2010;
- Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN (Quyết định số 235/CT-HSSV, ngày 7/12/2005);
- Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến năm học 2013-2014 (Quyết định số 3111/QĐ-ĐHQGHN, ngày 08/9/2014 do Giám đốc ĐHQGHN ký);
- Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến năm học 2010-2011 (Quyết định số 2272/QĐ-CTHSSV, ngày 8/8/2011) do Giám đốc ĐHQGHN ký);
- 02 cá nhân được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh;
- 03 cá nhân được nhận Giải thưởng Môi trường Quốc gia, Bằng Lao động Sáng tạo;
- 25 lượt tập thể, cá nhân được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động các hạng và Huân, Huy chương chống Mỹ cứu nước, Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì thế hệ trẻ, Huy chương vì Giai cấp nông dân;
- 10 lượt CBVC được Giám đốc ĐHQGHN tặng bằng khen;
- 09 lượt CBVC đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN; + 39 lượt CBVC đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở;
- 01 CBVC đạt danh hiệu gương mặt trẻ tiêu biểu cấp ĐHQGHN.



TƯƠNG LAI

TƯƠI SÁNG

Trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thay đổi, thế giới trở nên nóng, phẳng và chật hơn, nhất là trong tình hình biến đổi khí hậu và sự lựa chọn gay gắt (Trade-off) giữa bảo tồn và phát triển như hiện nay; trong giai đoạn phát triển mới của ĐHQGHN, phấn đấu trở thành một đại học nghiên cứu có đẳng cấp ở khu vực và thế giới; Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường một mặt cần tiếp tục duy trì và phát huy truyền thống, thế mạnh của mình, mặt khác, Trung tâm cần tận dụng các thời cơ mới, vượt qua những thách thức hiện có để chuyển mình lên một tầm vóc mới, một quy mô tổ chức mới nhằm hoàn thành sứ mệnh và chức năng, nhiệm vụ của một đơn vị nghiên cứu thành viên xuất sắc của ĐHQGHN, với một tầm nhìn mới.

SỨ MỆNH, TẦM NHÌN

Sứ mệnh:

Là tổ chức KH&CN triển khai và liên kết các hoạt động nghiên cứu và đào tạo, phát triển và thực thi các chiến lược, kế hoạch hành động và thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong ĐHQGHN.

Tầm nhìn:

Trở thành viện nghiên cứu tích hợp liên ngành, liên lĩnh vực hàng đầu Việt Nam và mang tầm khu vực và thế giới về bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.



CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu cơ bản; nghiên cứu - triển khai, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tri thức và công nghệ trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.
- Đào tạo nhân lực trình độ cao về khoa học môi trường; tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn và trung hạn về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.
- Tư vấn và dịch vụ trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.
- Là đầu mối liên kết các hoạt động khoa học, công nghệ về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững trong ĐHQGHN, trong nước và quốc tế.

MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2020

***) Về cơ cấu tổ chức và nhân sự**

Xây dựng được Viện Tài nguyên và Môi trường có cơ cấu tổ chức hiện đại, đầu mối liên kết các hoạt động khoa học, công nghệ trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững trong nước và quốc tế; Đến năm 2020, có các phòng chức năng và các

phòng, ban chuyên môn, các nhóm nghiên cứu mạnh ổn định và hoạt động hiệu quả; có đội ngũ cán bộ khoa học, giảng dạy cơ hữu và cán bộ hỗ trợ được ổn định với khoảng 65 người, trong đó có 60% cán bộ có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ trở lên;

***) Về hoạt động nghiên cứu khoa học**

Xác định và triển khai được các hoạt động khoa học theo hướng nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, dựa trên hệ sinh thái phục vụ hoạch định chính sách về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững. Đến 2020, các phòng chuyên môn được củng cố, bổ sung và hoàn thiện, củng cố và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh. Hoàn thiện việc xây dựng nhóm nghiên cứu cấp Đại học Quốc gia về “Môi trường và Phát triển bền vững”. Các nhóm nghiên cứu cấp đơn vị: (i) Bảo tồn đa dạng sinh học và tài nguyên sinh vật; (ii) Nghiên cứu đất ngập nước và rừng ngập mặn; (iii) Biến đổi toàn cầu và thích ứng với biến đổi khí hậu (mới); và (iv) Vật lý môi trường trong phát triển bền vững;

Các đề tài nghiên cứu hợp tác với các bộ, ngành, doanh nghiệp và địa phương được tiếp tục phát triển theo hướng kết hợp nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu triển khai, ứng dụng. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên là: (i) Bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên – nhất là đa dạng sinh học; (ii) Phát triển xanh; và (iii) Biến đổi toàn cầu; (iv) Năng lượng tái tạo; và (v) Quản lý môi trường tổng hợp.

***) Về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng**

Xây dựng và triển khai được chương trình đào tạo tiến sĩ và các chương trình bồi dưỡng sau đại học tiên tiến về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững. Đến năm 2020, nâng cấp và hoàn thiện chương trình đào tạo tiến sĩ về Môi trường và Phát triển bền vững ngang tầm khu vực; Xây dựng một chương trình đào tạo tiến sĩ mới theo hướng môi trường tổng hợp và năng lượng tái tạo.

***) Về tư vấn và dịch vụ**

Triển khai các hoạt động tư vấn và dịch vụ phục vụ nhu cầu thực tiễn và yêu cầu của xã hội. Khẳng định và nâng cao được vai trò và thế mạnh của Trung tâm trong việc cung cấp các tư vấn về quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững cho các bộ ngành (Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư...) và các địa phương trong cả nước. Tăng cường thực hiện các tư vấn quốc tế hoạt động về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững; Thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm tư vấn và dịch

vụ về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững để tư vấn và chuyển giao tri thức, công nghệ và đặc biệt là tư vấn chính sách cho chính phủ và các địa phương trong cả nước và khu vực; Tham gia thực hiện Báo cáo quốc gia về Đa dạng sinh học định kỳ; Mở rộng tư vấn trong khu vực và quốc tế (Mekong, Asia...).

***) Về hợp tác và phát triển**

Tiếp tục khẳng định vai trò và vị thế là thành viên của IUCN và Cơ quan Thẩm quyền Khoa học của Công ước Quốc tế CITES; Tăng cường hơn nữa các hoạt động hợp tác với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong khu vực và quốc tế bao gồm, Đại học Quốc gia Xingapo, Đại học Quốc gia Ôxtrâylia, Đại học Indiana Hoa Kỳ, các tổ chức quốc tế và các quỹ như IUCN, WWF, UNDP, UNEP, WB, ADB...

***) Về cơ sở vật chất**

Hoàn thiện 500 m² diện tích sàn làm việc và 01 phòng thí nghiệm phân tích và quan trắc môi trường hiện đại tại cơ sở Láng Hòa Lạc của ĐHQGHN. Trước mắt, tiếp tục ổn định và nâng cấp cơ sở vật chất hiện có (180 m²) tại Hà Nội và sử dụng chung các cơ sở vật chất hiện có của ĐHQGHN.

***) Về tài chính**

Phấn đấu tự cân đối được từ 75% kinh phí hoạt động trở lên bằng nguồn kinh phí thực hiện các đề tài, dự án khoa học, công nghệ trong nước và quốc tế và nguồn học phí, dịch vụ... trên cơ sở tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động khoa học, công nghệ và đào tạo mà Trung tâm đang triển khai thực hiện và xây dựng đề án mới.

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

- Phát triển Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường gắn chặt với sự phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội trong định hướng thành một đại học nghiên cứu mang tầm khu vực và thế giới, gắn với phát triển nền kinh tế tri thức, tăng trưởng xanh trong bối cảnh Biến đổi khí hậu, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xanh cũng như chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ của cả nước.
- Kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo cán bộ khoa học và cán bộ quản lý trong các lĩnh vực liên quan.
- Phát huy sức mạnh tổng hợp mọi nguồn lực, đặc biệt là nội lực, tranh thủ sự hỗ trợ của Đại học Quốc gia Hà Nội, sự hợp tác với các bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức và nhà tài trợ quốc tế.

THAY CHO LỜI KẾT

Ba mươi năm đã trôi qua, cùng với sự phát triển của đất nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường cũng đã trải qua những thăng trầm nhưng đã phát triển lớn mạnh như ngày nay. Mặc dù vẫn còn nhiều vấn đề phải triển khai để xây dựng Trung tâm thành một đơn vị nghiên cứu và đào tạo liên ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nhu cầu của xã hội, ngành tầm khu vực và thế giới, nhưng giới khoa học và xã hội đã ghi nhận những đóng góp quan trọng mà Trung tâm đã nỗ lực trong suốt thời gian qua.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập, cho phép tôi được thay mặt toàn thể cán bộ, viên chức các thể hệ của Trung tâm gửi lời cảm ơn sâu sắc và chúc sức khỏe đến Ban Giám đốc, Văn phòng và các Ban chức năng, các đơn vị thành viên và trực thuộc của Đại học Quốc gia Hà Nội; các bộ, ngành, trường, viện, các địa phương, các vườn quốc gia và khu bảo tồn, toàn thể các nhà khoa học và các học viên đã và đang cộng tác, hỗ trợ Trung tâm trong suốt quá trình xây dựng, phát triển và trưởng thành. Chúng tôi cũng xin chân thành gửi lời tri ân đến các thầy, cô, các cán bộ đã và đang đóng góp, cống hiến để xây dựng CRES thành một đơn vị lớn mạnh như ngày hôm nay. Chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các tổ chức quốc tế, các trường đại học và các chuyên gia ngoài nước đã không ngừng hỗ trợ Trung tâm trong suốt thời gian qua. Chúng tôi mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ và hợp tác chặt chẽ trong tương lai để xây dựng CRES thành một đơn vị

“ĐOÀN KẾT, CHUYÊN NGHIỆP, SÁNG TẠO, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”!



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG: NHỮNG NGÀY ĐẦU THÀNH LẬP

Giáo sư Võ Quý

Nguyên Giám đốc
Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường



Hôm nay, kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, với tư cách là người đã có mặt từ những ngày đầu tiên, tôi muốn cùng các bạn nhớ lại những kỷ niệm mà nhiều người trong chúng ta có mặt hôm nay đã trải qua.

BỐI CẢNH TRƯỚC LÚC THÀNH LẬP TRUNG TÂM

Chúng ta đều biết rằng, nhân dân và môi trường thiên nhiên Việt Nam đã phải chịu đựng nặng nề trong khoảng một thế kỷ dưới chế độ thực dân khắc nghiệt và 30 năm chiến tranh để giành độc lập và thống nhất đất nước.

Sau năm 1975, cả nước chuyển sang giai đoạn xây dựng lại sau chiến tranh. Nhiệm vụ quan trọng nhất của cả nước là hồi phục lại những vùng đất bị tàn phá và khai thác một cách hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, để hàn gắn các vết thương chiến tranh và nuôi sống số dân đang tăng nhanh.

Cũng vì thế, vào lúc bấy giờ, môi trường Việt Nam lại phải đối đầu với tình trạng khó khăn là không kiểm soát được việc phá rừng một cách bừa bãi để khai thác gỗ và lấy đất cho nông nghiệp đang cần được mở rộng, xây dựng cơ sở hạ tầng, đập thủy điện, làm đường giao thông... Đó là chưa nói đến sự tàn phá của bom đạn và chất độc hóa học của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Trong lúc đó, tài nguyên thiên nhiên của đất nước ta – cơ sở vật chất quan trọng nhất để nâng cao cuộc sống của người dân – lại rất hạn chế, mà nhu cầu của nhân dân lại ngày càng tăng. Để phát triển, cần thêm nhiều đất cho nông nghiệp, nhiều gỗ để xây dựng, nhiều củi để đủ năng lượng cho công nghiệp và nhu cầu hàng ngày cho mọi người dân. Nhưng, rừng thì đang cạn kiệt dần, đất đang bị xói mòn và nghèo kiệt. Diện tích đất trống, đồi núi trọc đã chiếm đến khoảng 1/3 diện tích tự nhiên của cả nước. Lũ lụt, hạn hán ngày càng gia tăng, mức nước ngầm cũng đang giảm sút ở nhiều nơi.

Bước vào thời kỳ phát triển kinh tế, theo hướng công nghiệp hóa, các loại tài nguyên thiên nhiên lại được khai thác mạnh mẽ hơn, điều kiện môi trường thành thị và những vùng công nghiệp và cả một số vùng nông thôn nữa cũng đang bị ô nhiễm. Nhiều hệ sinh thái ở miền núi, đồng bằng, các vùng ven biển và cửa sông cũng bị tác động mạnh mẽ do các hoạt động của con người.

Tình trạng xuống cấp chất lượng môi trường của Việt Nam và sự sa sút của nguồn tài nguyên rất hạn hẹp (kể cả các nguồn tài nguyên không tái tạo và có khả năng tái tạo) đòi hỏi nhân dân Việt Nam phải xây dựng được một quy hoạch phát triển phù hợp mới có thể vượt qua được những tổn thất về môi trường mà nhiều nước đi trước đã phải trả giá. Để có thể ngăn chặn sự suy thoái môi trường, một mặt chúng ta cần phải giữ được sự cân bằng giữa tăng dân số và phát triển kinh tế-xã hội và mặt khác là

phải biết cách sử dụng nguồn tài nguyên thiên một cách khôn khéo và bền vững.

Chúng ta cũng đã nhận thức được rằng, tương lai và hạnh phúc của nhân dân ta tùy thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước ta, như đã từng nuôi sống tổ tiên chúng ta qua hàng nghìn năm lịch sử.

KHỞ ĐẦU NGHIÊN CỨU VỀ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Các nhà khoa học Việt Nam đã bắt đầu nghiên cứu về môi trường từ cuối thập kỷ 1950, mà trước tiên là điều tra các loài động thực vật các vùng, miền núi cũng như đồng bằng và ven biển, do thầy và trò Khoa Sinh học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thực hiện. Nhờ những chuyến công tác thực địa đó mà chúng ta đã bước đầu nhận biết được tác động của chiến tranh và các hoạt động phát triển kinh tế lên tài nguyên và môi trường.

Cũng trong thời gian chiến tranh, vào năm 1971 và sau đó đến năm 1974, tôi đã được cử vào miền Nam Việt Nam với tư cách là người đứng đầu một nhóm các nhà khoa học Việt Nam, để nghiên cứu ảnh hưởng của chất diệt cỏ của Mỹ sử dụng ở chiến trường miền Nam, mà lúc đó ở miền Bắc chưa có được những thông tin rõ ràng về hậu quả của chúng. Phạm vi điều tra đầu tiên mà chúng tôi đảm nhận vào năm 1971 là huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, sát phía Bắc Vĩ tuyến 17, và năm 1974 là dọc Đường mòn Hồ Chí Minh, từ Quảng Trị tới Đăk Lăk trong 3 tháng. Qua chuyến khảo sát đặc biệt này, chúng ta đã bước đầu biết được phần nào hậu quả cực kỳ nghiêm trọng của chiến tranh hóa học của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Chất độc hóa học của Mỹ không những đã gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe của con người, mà còn gây ra những hậu quả trước mắt và lâu dài lên đất, sự cân bằng



dinh dưỡng, chế độ thủy văn, cây cối, động vật và có thể còn gây tác động lên cả khí hậu Việt Nam và các vùng xung quanh. Ý tưởng nghiên cứu về môi trường của các nhà khoa học Việt Nam cũng được nhen nhóm và củng cố thêm từ những chuyến đi công tác này.

Sau lúc kết thúc chiến tranh, Chương trình điều tra cơ bản Tây Nguyên với tên gọi là Tây Nguyên I trong 3 năm (1976-1978) được thành lập, dưới sự chỉ đạo của Giáo sư Nguyễn Văn Chiển, Trưởng ban và tôi may mắn được cử làm Phó trưởng ban, phụ trách về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Một số cán bộ giảng dạy và sinh viên của Khoa Sinh học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội cũng đã tham gia tích cực thực hiện Chương trình. Những điều kiện về môi trường và kinh tế-xã hội đang diễn ra ở vùng Tây Nguyên vừa được giải phóng, đã thúc đẩy thêm trách nhiệm các nhà khoa học phải sớm nghiên cứu về môi trường.

Với những hiểu biết đã thu được qua các đợt công tác nghiên cứu nói trên, vào năm 1980, một nhóm nhà khoa học, trong đó có một số là cán bộ Khoa Sinh học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã đề xuất một Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước về Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Chương trình này được Chính phủ chấp nhận và giao cho Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp chủ trì với Mã số 52-02, thực hiện trong 5 năm, từ 1981 đến 1985. Giáo sư Nguyễn Đình Tứ, Bộ trưởng được cử làm Chủ nhiệm Chương trình và tôi làm Phó Chủ nhiệm thường trực. Khoảng hơn 300 cán bộ khoa học thuộc nhiều chuyên môn khác nhau, từ nhiều cơ quan khoa học và trường đại học của cả nước đã tham gia thực hiện Chương trình này.

Từ các kết quả nghiên cứu của Chương trình đạt được sau 5 năm, Ban Chủ nhiệm Chương trình đã cho xuất bản tập tài liệu quan trọng: Việt Nam, những vấn đề về tài nguyên và môi trường - Dự thảo Chiến lược quốc gia, với lời tựa của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nguyên là Phó Thủ tướng như sau: "Vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường phải trở thành một nội dung cực kỳ quan trọng, không thể thiếu trong kế hoạch xây dựng đất nước trước mắt cũng như về lâu dài". Bản Dự thảo đã trình bày tổng quan về tình trạng môi trường của cả nước và phương hướng chính là phải sử dụng một cách hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá của đất nước. Bản Dự thảo cũng đã đề xuất kiến nghị với Chính phủ là phải cấp thiết có những biện pháp phù hợp để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Sau khi kết thúc Chương trình về Môi trường Lần thứ nhất 52-02 với mức đánh giá xuất sắc, Chương trình về Môi trường 5

năm Lần thứ hai (1986-1990) với Mã số 52-Đ được Chính phủ chấp nhận và tôi đã may mắn được Thủ tướng cử làm Chủ nhiệm Chương trình.

Ý tưởng thành lập Trung tâm Môi trường và những ngày đầu khởi sự

Như tôi đã nói ở trên, chỉ sau lúc kết thúc chiến tranh mới được 10 năm, lúc mà có nhiều người còn cho rằng nghiên cứu các vấn đề về môi trường ở Việt Nam là phù phiếm, thậm chí có người còn lên án những người nghiên cứu, vận động bảo vệ môi trường là cản trở sản xuất, nhiều nhà khoa học Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề môi trường, trong đó có một số cán bộ thuộc Khoa Sinh học. Với mong muốn đẩy mạnh vấn đề nghiên cứu về môi trường, và cả vấn đề về công nghệ sinh học, đang được nhiều nước trên thế giới quan tâm, tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, với tư cách là Chủ nhiệm Khoa Sinh học, tôi đã đề xuất với Hội đồng Khoa học Khoa thành lập hai trung tâm mới tại Khoa là Trung tâm Môi trường và Trung tâm Công nghệ Sinh học, lúc đó chưa ở đâu có tại Việt Nam. Rất tiếc là ý kiến đề xuất của tôi chưa được sự đồng thuận của phần lớn ủy viên Hội đồng lúc bấy giờ.

Vì thấy việc thành lập Trung tâm Môi trường là quan trọng và cấp bách và được sự khuyến khích của một số đồng nghiệp, với tư cách là Chủ nhiệm Khoa và là người đang chịu trách nhiệm phụ trách Chương trình quốc gia về Môi trường, tôi đã xin phép Ban Giám hiệu Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thành lập Trung tâm Tài nguyên và Môi trường (CRES) với số thành viên ban đầu là 10 người, phần lớn là cán bộ của Khoa Sinh học đang tham gia Chương trình Môi trường và tôi được cử làm Giám đốc Trung tâm. Mục tiêu đầu tiên của Trung tâm là nghiên cứu thực hiện Chiến lược do Chương trình Môi trường đã đề ra, thực hiện một số hướng nghiên cứu mới, đồng thời đào tạo đội ngũ các nhà khoa học trẻ về môi trường cho đất nước.





LÚNG TÚNG VÀ KHÓ KHĂN NHỮNG NGÀY ĐẦU MỚI THÀNH LẬP

Vào năm 1985, tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã có 7 trung tâm mới được thành lập, trong đó có Trung tâm Tài nguyên và Môi trường. Phần lớn các trung tâm đang lúng túng trong các hoạt động và nhất là tự chủ tài chính mà Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đang khuyến khích các trung tâm thực hiện. Vào một dịp đến thăm trường và nói chuyện với cán bộ cốt cán, Bộ trưởng Trần Hồng Quân có đề cập đến các trung tâm của trường và vấn đề tự chủ tài chính. Bộ trưởng đã nói: “Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội hiện có 7 trung tâm, thì xem ra chỉ có 5 trung tâm có thể thực hiện được tự chủ tài chính, còn 2 trung tâm là Trung tâm Mác Lênin và Trung tâm Tài nguyên và Môi trường phải được hỗ trợ trong một vài năm đầu, vì hình như các trung tâm này không có công việc gì có thể làm ra tiền”. Nghe ý kiến đó của Bộ trưởng, tôi khắp khởi mừng thầm vì như thế là có dịp giải quyết được những khó khăn mà chúng tôi đang phải đối đầu lúc bấy giờ. Nhưng khi được hỏi ý kiến, tôi đã trả lời: “Chúng tôi xin cảm ơn Bộ trưởng đã có nhã ý giúp đỡ Trung tâm trong những năm đầu khó khăn, nhưng chúng tôi xin được hoãn việc giúp đỡ trong một vài năm để chúng tôi được thử sức là mình có thể nuôi được mình không”. Chính câu trả lời đó đã thúc đẩy chúng tôi – tất cả 10 thành viên của Trung tâm – phấn đấu và cho đến nay đã tròn 30 năm, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện được tự chủ tài chính, tuy gặp không ít khó khăn.

Một câu chuyện nữa mà tôi muốn nhắc lại để chúng ta cùng suy ngẫm. Vào những năm 1980, khi nói đến

một cơ quan khoa học, một viện hay một trung tâm, nhiều người thường có ý nghĩ là để cơ quan đó có bề thế, làm được nhiều việc, có uy tín, thì điều kiện đầu tiên là phải có nhiều cán bộ. CRES lúc mới thành lập chỉ vền vẹn có 10 người, thật quá nhỏ bé, muốn làm việc gì cũng cảm thấy thiếu người.

Vào năm 1987, Trung tâm chúng tôi được mời tham gia Hội thảo khoa học quốc tế về “Sinh thái học Việt Nam” được tổ chức tại New York và thăm một số cơ sở nghiên cứu về môi trường của Hoa Kỳ. Đoàn gồm 5 người là các GS. Lê Thạch Cán, Lê Trọng Cúc, Phan Nguyên Hồng, Võ Tòng Xuân và tôi là trưởng đoàn. Lần đầu tiên đi Mỹ, được thăm Trung tâm Đông - Tây (East-West Center) ở Hawaii, một Trung tâm thật “bề thế”, không phải chỉ cơ sở làm việc, thự viện, mà có đến cả trăm người, thuộc nhiều nước, nhiều dân tộc đang nghiên cứu tại Trung tâm. Tôi thầm nghĩ, không biết đến lúc nào Việt Nam mới có được một trung tâm như vậy. Điều mà sau này tôi mới được biết là số cán bộ cơ hữu của Trung tâm Đông - Tây cũng không quá chục người. Cơ quan tiếp theo mà chúng tôi đến thăm là Trung tâm Nghiên cứu Môi trường của Trường Đại học Tổng hợp Berkeley, một trường đại học khá nổi tiếng ở Mỹ. Lại một lần nữa những gì thấy được ở đây đã làm tất cả chúng tôi choáng ngợp. Cơ sở vật chất quá khang trang, điều đó thì không cần phải nói, chúng ta cũng thừa biết, nhưng cán bộ làm việc ở đây cũng rất đông. Tại đây, sau khi trao đổi với Ban Giám đốc của trường, CRES và Trung tâm Môi trường của Đại học Berkeley đã thỏa thuận ký kết chương trình hợp tác. Trong lễ ký kết hợp tác được tổ chức khá long trọng, tôi đã thay mặt đoàn cán bộ Việt Nam và CRES cảm ơn Ban Giám đốc Đại học Berkeley đã đồng tình với việc hợp tác giữa một trung tâm rất lớn của Đại học Berkeley với một trung tâm rất bé nhỏ của Đại học Tổng hợp Hà Nội. Ông Giám đốc Đại học Berkeley liền hỏi tôi là CRES của ông có bao nhiêu cán bộ. Tôi trả lời một cách dè dặt là chúng tôi mới chỉ có được 10 người. Ông Giám đốc liền đáp lại: “Chúng tôi hết sức vinh dự là đã được hợp tác với một Trung tâm rất lớn, vì Trung tâm của chúng tôi thực chất chỉ có ba người, tất cả những người khác đang làm việc tại Trung tâm đều là cộng tác viên”. Câu đáp lại đó đã làm cho chúng tôi giật mình: thì ra một cơ quan nghiên cứu khoa học, lớn hay bé đều phải là có số cán bộ nhiều hay ít, mà chính là công việc và các kết quả mà nó đã, đang và sẽ đóng góp cho xã hội. Những kinh nghiệm đầu tiên đó đã giúp chúng tôi trong nhiều năm qua phấn đấu tổ chức được nội dung hoạt động của Trung tâm ngày càng phong phú và hợp lý, đáp ứng được phần nào yêu cầu của xã hội và dần dần gây được uy tín với các tổ chức trong nước và bạn bè quốc tế.



NHỮNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TIÊN CỦA TRUNG TÂM

Sau khi thành lập chưa đầy nửa năm, ngoài trách nhiệm tổ chức và quản lý Chương trình Môi trường, CRES đã đề ra nhiệm vụ là phải sớm tìm cách để thực hiện được một số dự án nhỏ theo hướng sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nhằm nâng cao cuộc sống cho những người dân nghèo, đồng thời để cán bộ của Trung tâm làm quen dần với công tác nghiên cứu mới mẻ này và góp phần vào công việc cải thiện môi trường. CRES đã tổ chức thực hiện được nhiều dự án, nhưng không phải tất cả các dự án đều đạt kết quả tốt. Một số dự án đã thất bại, nhưng chúng tôi không nản chí, luôn luôn rút kinh nghiệm, tìm ra nguyên nhân thất bại để điều chỉnh cho đến khi thành công. Sau đây là một vài ví dụ mà CRES đã làm được trong những năm đầu thành lập:

- Vào năm 1986, CRES đã cùng với nhân dân và chính quyền địa phương thành lập được Khu Bảo tồn Sếu Đầu đỏ ở huyện Tam Nông và nay là Vườn Quốc gia Tràm Chim.
- Năm 1988, CRES đã thành công trong việc tổ chức Khu Bảo tồn Đất ngập nước Xuân Thủy ở cửa sông Hồng dành cho chim di cư và đây cũng là Khu RAMSAR đầu tiên ở Việt Nam và cũng là Khu RAMSAR đầu tiên ở Nam châu Á. Tại đây, CRES cũng đã giúp nhân dân địa phương trồng rừng ngập mặn, tổ chức nuôi ong và biết cách quản lý bền vững các ao nuôi tôm.
- Qua nhiều lần thất bại, CRES đã thành công trong việc xây dựng được mô hình vườn rừng tại Vĩnh Phú. Đó cũng là mô hình vườn rừng theo kiểu sinh thái đầu tiên thành công ở Việt Nam, được tỉnh Vĩnh Phú triển lãm tại Hà Nội vào năm 1989.
- Ngoài ra, CRES cũng đã thực hiện được một số dự án nhỏ, như giúp nhân dân xã Thanh Hương, tỉnh Nghệ An tổ chức khu dân cư mới bằng cách

sử dụng bền vững khu đất trống đồi núi trọc của xã, bằng cách làm ruộng bậc thang, tập huấn cho dân biết phương thức canh tác nông lâm kết hợp và làm vườn.

- Hợp tác với Đoàn Thanh niên, giúp thanh niên xã Xích Thợ, tỉnh Ninh Bình nâng cao cuộc sống bằng cách trồng rừng, xây dựng vườn nhà, tổ chức chăn nuôi, kế hoạch hóa gia đình...
- Giúp đỡ một xã ở An Giang, đồng bằng sông Cửu Long bảo vệ vùng đất ngập nước, sử dụng hợp lý hệ sinh thái này trước mắt và lâu dài bằng cách trồng tràm, nuôi ong lấy mật, sản xuất dầu tràm, giảm bớt tậ phá rừng để trồng lúa.
- Từ năm 1989, CRES cũng đã tổ chức lớp tập huấn sau đại học đầu tiên về quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường với 28 học viên đến từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và các khu bảo tồn thiên nhiên và các địa phương trong cả nước. Từ lớp tập huấn đầu tiên này, CRES đã rút kinh nghiệm để tổ chức nhiều lớp tương tự trong những năm tiếp theo.

Đến nay, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã tròn 30 năm, nhớ lại những ngày đầu mới thành lập, Trung tâm đã phải phấn đấu để vượt qua khó khăn về nhiều mặt khác nhau. Trong những bước đầu hoạt động của Trung tâm, thành công cũng có, nhưng thất bại cũng không ít, và chính nhờ những thành công và thất bại trong những năm đầu mới thành lập đó mà chúng tôi, tập thể cán bộ của Trung tâm đã dần dần trưởng thành để có được những kết quả như ngày hôm nay. Từ sự khởi đầu với 10 cán bộ nòng cốt, đến nay, Trung tâm đã có một đội ngũ cán bộ lớn mạnh, được đào tạo và trưởng thành từ các trường đại học uy tín trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Cùng với những thành tựu mà Trung tâm đã đạt được trong các lĩnh vực hoạt động về nghiên cứu, tư vấn, CRES cũng là đơn vị đầu tiên đào tạo cán bộ chủ chốt về môi trường cho các bộ, ngành, địa phương trong cả nước, và là đơn vị nhận được nhiều giải thưởng quốc tế danh giá nhất như đồng giải thưởng Nobel, giải thưởng Blue Plannet, COSMOS...

Nhân dịp này, tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn tới các cấp lãnh đạo có liên quan, các đồng nghiệp, trong đó có nhiều người là cán bộ của Khoa Sinh học, Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, nơi mà tôi đã có nhiều năm gắn bó và trưởng thành, cảm ơn các bạn bè quốc tế và nhân dân các địa phương mà Trung tâm đã đến công tác, đã đồng viên, ủng hộ và cộng tác với chúng tôi trong những năm đầu mới thành lập, còn nhiều bỡ ngỡ và khó khăn.

TĂNG TRƯỞNG XANH: GÓC NHÌN TỪ GIÁO DỤC VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

(GREEN GROWTH IN THE VIEWPOINT OF EDUCATION AND SCIENCE-TECHNOLOGY)

GS.TSKH. **Trương Quang Học**

*Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo
Nguyên Giám đốc Trung tâm, nhiệm kỳ 2001-2006*



**Consultation on Vietnam 2035 Report :
Korea Study Visit**



ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau 20 năm chủ trương phát triển bền vững (PTBV), mà trước hết là thực hiện 8 mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc (LHQ), thế giới vẫn chưa đạt được các kết quả bền vững như mong muốn. Sự phát triển vẫn theo mô hình kinh tế “nâu”, gây hủy hoại môi trường và suy thoái tài nguyên. Gần đây, nhân loại lại phải đối mặt gay gắt với các cuộc khủng hoảng mới mà quan trọng nhất là khủng hoảng khí hậu/biến đổi khí hậu (BĐKH).

Trong bối cảnh đó, kinh tế xanh (KTX)/tăng trưởng xanh (TTX) đang trở thành mô hình phát triển tiên tiến được nhiều nước trên thế giới hướng tới, thậm chí đang lan tỏa thành một trào lưu tốt đẹp để vừa ứng phó với BĐKH, vừa tạo ra công bằng xã hội, vừa PTBV.

Việt Nam, sau 30 đổi mới đã thu được những thành tựu nhất định trong sự nghiệp phát triển đất nước. Tuy nhiên, sự phát triển vẫn chưa bền vững, đất nước vẫn phải đối mặt với rất nhiều vấn đề về ô nhiễm môi trường, suy thoái và lãng phí tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực. Để giải quyết những khó khăn, thách thức này, Chính phủ đã ban hành Chiến lược tăng trưởng xanh (2012), Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh (2014), và hiện nay đang triển khai thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

Bài viết này muốn nhìn một cách khái quát bức tranh tổng thể về tăng trưởng xanh hướng tới PTBV ở Việt Nam, trong xu hướng kinh tế xanh toàn cầu, từ góc nhìn của Giáo dục, Khoa học-Công nghệ và của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

BỐI CẢNH

BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Trong thời gian gần đây trên thế giới có nhiều biến chuyển phức tạp trong các lĩnh vực quan trọng: phát triển bền vững (PTBV), ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và phát triển xanh...

Phát triển bền vững

Phát triển bền vững được khẳng định là chiến lược phát triển toàn cầu trong thế kỷ 21. Trong hơn 20 năm qua, Liên Hiệp Quốc (LHQ) đã tổ chức 4 hội nghị thượng đỉnh quan trọng về PTBV: Hội nghị Rio-92 (1992), Rio+10 (2002), Rio+20 (2012) và gần đây (9/2015) là Hội nghị thượng đỉnh phát triển bền vững được tổ chức tại Trụ sở LHQ ở New York (Hoa Kỳ), với sự tham dự của 193 nước thành viên, trong đó có hơn 160 Người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ.

Tại Rio+20, LHQ đã đánh giá 20 năm PTBV theo hai chủ đề thảo luận: «Một nền Kinh tế Xanh trong bối cảnh PTBV và xóa đói giảm nghèo và khuôn khổ thể chế cho phát triển bền vững», nhằm đánh dấu 20 năm chặng đường thực hiện PTBV từ sau Hội nghị RIO-92, và đề ra phương hướng cho giai đoạn tới. Kết quả Hội nghị cho thấy sau 20 năm thực hiện PTBV, mô hình phát triển của thế giới vẫn là kinh tế “nâu”, phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên, nhiên liệu hóa thạch, gây ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và mất cân bằng sinh thái. Gần đây, trên phạm vi toàn cầu lại liên tiếp xảy ra các cuộc khủng hoảng mới: khủng hoảng tài chính, khủng hoảng năng lượng, suy thoái tài nguyên...

Vì vậy, Tổng thư ký LHQ, Ông Ban Ki-moon trong lời phát biểu tại Hội nghị đã nhấn mạnh “Rio + 20 không phải là sự kết thúc mà là khởi đầu. Nay đã tới lúc để tất cả mọi người nghĩ tới vấn đề toàn cầu và có tính lâu dài vì thời gian nay không còn ở phía chúng ta”, rằng “Thiên nhiên không chờ đợi”, “Thiên nhiên không thương lượng với Con người”.

Sau Rio+20, LHQ đã khẩn trương tổng kết 15 năm thực hiện Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 2000-2015 và xác định các mục tiêu PTBV cho giai đoạn 2016-2030. Tại Hội nghị thượng đỉnh năm 2015, lãnh đạo các nước thành viên LHQ, ngày 25/9 đã nhất trí thông qua 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDG) với lộ trình thực hiện tới năm 2030. Các mục tiêu được thông qua nhằm ứng phó với các vấn đề toàn cầu như nghèo đói, bất bình đẳng, biến đổi khí hậu... Các mục tiêu toàn cầu này sẽ cung cấp một lộ trình cho các quốc gia để định hình và hoạch định chính sách của mình trong vòng 15 năm tới. Tổng

thư ký LHQ Ban Ki-moon nói: “Chương trình nghị sự 2030¹ buộc chúng ta phải nhìn ra xa biên giới quốc gia và các lợi ích trước mắt để hành động trên tinh thần đoàn kết dài hạn. Chương trình nghị sự này là những điều cần làm đối với tất cả mọi người, đối với hành tinh của chúng ta và là kế hoạch chi tiết dẫn tới sự thành công” (RIO+20 Outcome Documents, 2012; United Nations Sustainable Development Summit 2015).

Theo đó, trong thời gian tới, Việt Nam cần: i) Quốc gia hóa các mục tiêu và chỉ tiêu đánh giá mới của LHQ; Xây dựng các chính sách và lồng ghép các nội dung PTBV vào các chương trình phát triển để thực hiện và ii) Xây dựng hệ thống giám sát - đánh giá để đảm bảo hiệu quả của quá trình thực hiện.

Ứng phó với BĐKH

Biến đổi khí hậu mà trước hết là sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng được cho là thách thức nghiêm trọng nhất của toàn nhân loại trong Thế kỷ 21 (Al Gore, 2005, WB, 2010a). Kết quả 20 năm ứng phó với BĐKH vừa qua còn rất hạn chế. Cộng đồng quốc tế cho tới nay vẫn chưa có được một cam kết pháp lý phù hợp trong cuộc chiến với BĐKH, thay thế cho Nghị định thư Kyoto (KP) hết hiệu lực vào năm 2012 (COP 18 gia hạn hiệu lực KP đến năm 2020).

Nồng độ khí nhà kính (KNK) vẫn tiếp tục gia tăng và đã đạt 400ppm, mức cao nhất trong lịch sử loài người và bước vào một vùng nguy hiểm mới². Thiên tai, các hiện tượng thời tiết cực đoan vẫn tiếp tục gia tăng và gây nhiều tổn thất về người và tài sản cho nhiều khu vực trên thế giới (Trương Quang Học, 2013; IMHEN & UNDP, 2015).

Hiện nay, các quốc gia đang rất khẩn trương chuẩn bị cho COP 21 tại Paris theo một cơ chế mới, với cách tiếp cận mới – cách tiếp cận từ dưới lên (các quốc gia tự nguyện xây dựng Báo cáo đóng góp dự kiến giảm phát thải KNK và nộp lên LHQ để xem xét và chuẩn bị Cam kết quốc tế mới tại COP 21). Đến nay (1/10/2015) đã có 120 Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định (INDC) của 147 nước nộp cho UNFCCC, chiếm 89,9% lượng phát thải toàn cầu theo quyết định của LHQ tại COP 20. Báo cáo đóng

góp dự kiến do quốc gia tự quyết định (INDC) của Việt Nam đã nộp cho UNFCCC ngày 29/9/2015. Hy vọng một thỏa thuận quốc tế có sự ràng buộc pháp lý mới sẽ được thông qua tại COP 21 để ứng phó với BĐKH cho giai đoạn tới.

Đối với các nước, nhất là các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, INDC vừa tạo ra những thuận lợi, những cũng tạo ra không ít khó khăn, thách thức. Những thuận lợi bao gồm: i) Thấy rõ các vấn đề ưu tiên để tập trung nguồn lực quốc gia, quốc tế để thực hiện; ii) Chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp với tình hình mới; iii) Hợp tác tiếp nhận công nghệ tiên tiến, tăng cường sức cạnh tranh, iv) Góp phần xử lý tận gốc vấn đề BĐKH.

Bên cạnh đó, những thách thức cũng đặt ra là: i) Phần tự cam kết giảm phát thải bằng nguồn lực quốc gia trong INDC sẽ mang tính bắt buộc, cần được thực hiện đầy đủ; ii) Việc thực hiện INDC liên quan đến hình ảnh quốc gia, đến nỗ lực chống BĐKH toàn cầu và iii) Từ 2020, Việt Nam sẽ chuyển từ Đóng góp tự nguyện sang Đóng góp bắt buộc. Điều này đòi hỏi phải có những thay đổi, điều chỉnh, tăng cường năng lực về: Thể chế, Công nghệ, Nhân lực, Huy động và phân bổ nguồn lực tài chính... Đây là những thách thức không nhỏ cho chúng ta trong giai đoạn tới (Báo cáo Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định của Việt Nam, 2015).

Kinh tế xanh, con đường hướng tới PTBV

Một cách khái quát có thể nói Kinh tế xanh là một nền kinh tế hay Mô hình phát triển kinh tế dựa trên PTBV và kiến thức về kinh tế học sinh thái. Các hoạt động trong nền kinh tế xanh tạo ra lợi nhuận hoặc giá trị có ích lợi, hướng đến phát triển cuộc sống của cộng đồng xã hội con người (đặc biệt là yếu tố văn hóa), đồng thời những hoạt động này thân thiện với môi trường (thành tố quan trọng nhất). Khi 3 yếu tố này đạt trạng thái cân bằng sẽ thỏa mãn tính bền vững.

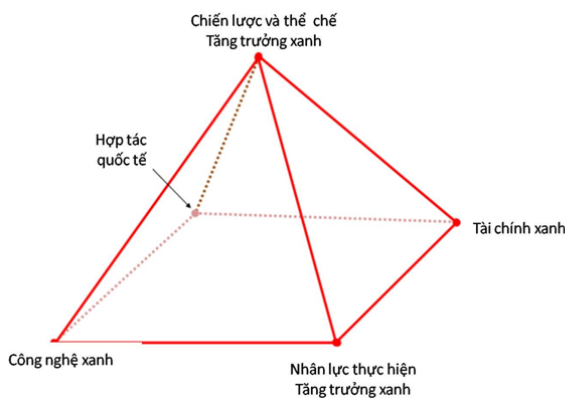
Trong kinh tế xanh, nhân tố môi trường thực sự đóng vai trò như là chất xúc tác cho tăng trưởng, đổi mới nền kinh tế và phúc lợi xã hội. Khi mà sinh kế của một bộ phận người dân có mức sống dưới

¹ 1. Xóa nghèo; 2. Xóa đói; 3. Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc; 4. Đảm bảo giáo dục chất lượng; 5. Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái; 6. Đảm bảo việc Tiếp cận nguồn nước sạch và cải thiện các điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người; 7. Đảm bảo việc Tiếp cận năng lượng với giá cả hợp lý, tin cậy; 8. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, tạo việc làm và công việc tốt cho tất cả mọi người; 9. Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp hóa và bền vững, khuyến khích đổi mới; 10. Giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia; 11. Các thành phố trở nên an toàn, vững chắc và bền vững; 12. Hướng tới các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững; 13. Ứng phó với biến đổi khí hậu và các tác động của nó; 14. Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển; 15. Quản lý tài nguyên rừng bền vững, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và mất đa dạng sinh học; 16. Thúc đẩy xã hội hòa bình và 17. Đem lại sức sống mới cho Quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển bền vững.

mức nghèo khổ phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, hơn nữa họ là những đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của thiên tai cũng như BĐKH, việc chuyển đổi sang nền kinh tế xanh cũng góp phần cải thiện sự công bằng xã hội, và có thể được xem như là một hướng đi tốt để phát triển bền vững. Kinh tế xanh còn là định hướng mới thúc đẩy kinh tế phát triển theo những mô hình tiêu thụ và sản xuất bền vững, nhằm đảm bảo nguồn vốn tự nhiên tiếp tục cung cấp những nguồn lực và dịch vụ hệ sinh thái mà đời sống của chúng ta phụ thuộc vào, cho thế hệ hiện nay cũng như cho những thế hệ mai sau.

Như vậy, khái niệm “kinh tế xanh” không thay thế khái niệm phát triển bền vững, nhưng nó ngày càng được công nhận là mô hình phù hợp làm nền tảng cho PTBV. Nói cách khác, kinh tế xanh không thay thế PTBV mà là chiến lược kinh tế để đạt được các mục tiêu PTBV (UNEP, 2001; Ngân hàng Thế giới, 2012; Trương Quang Học và Hoàng Văn Thắng, 2014).

Theo các bài học của Hàn Quốc, để tăng trưởng xanh cần 4 yếu tố i) Sự đổi mới tư duy sâu sắc: phải có một tầm nhìn dài hạn, toàn cầu và một quyết tâm chính trị cao, trước hết trong hàng ngũ lãnh đạo; ii) Kiện toàn hệ thống thể chế chính sách và cơ chế thực thi; iii) Cơ sở KH-CN hiện đại; và iv) Nguồn lực (nhân lực - con người và tài chính) (KOICA Vietnam Office, 2015 - Green Growth in Korea) (**Hình 1**).



Hình 1. Sơ đồ “Kim cương xanh” cho Tăng trưởng xanh của Hàn Quốc

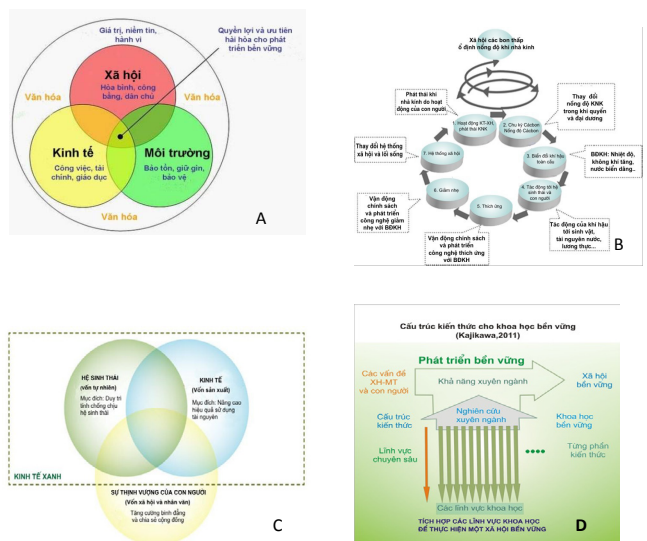
(Nguồn: Tae Yong Jung, 2015), trích lại từ Munasinghe, 2008).

Cách tiếp cận tổng hợp – hệ thống liên ngành/tiếp cận dựa trên hệ sinh thái

Phát triển bền vững là sự phát triển hài hòa của 3 lĩnh vực: Kinh tế - Xã hội – Môi trường trên nền của văn hóa (UN, 1992, UNESCO) (Hình 2A). Biến

đổi khí hậu là một hiện tượng phức hợp, có cấu trúc kiến thức gồm 7 pha liên quan với nhau (IPCC, 2001; Sumi, 2013) (Hình 2B). Tăng trưởng xanh là con đường phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu (Hình 2C). Khoa học bền vững (KHBV) – một khoa học mới chỉ ra con đường để phát triển bền vững (Hình 2D). Tất cả 4 nội dung trên đều là những vấn đề mang tính liên ngành (WB, 2010, Trương Quang Học, 2014b). Vì vậy, cách tiếp cận để nghiên cứu TTX cũng như các vấn đề liên quan phải là:

- o Hệ thống – liên ngành/dựa trên HST;
- o Kết hợp cách tiếp cận Từ trên xuống và Từ dưới lên;
- o Cách tiếp cận lồng ghép



Hình 2. Các sơ đồ về tính liên ngành trong Phát triển bền vững (A), Biến đổi khí hậu (B), Tăng trưởng xanh (C) và Khoa học bền vững (D)

(Nguồn: UNESCO, IPCC, 2001 – theo Trương Quang Học, 2013, 2014)

Đổi mới và sáng tạo – động lực quyết định cho sự phát triển

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy biện pháp dài hơi đầu tiên nhằm xây dựng một nền kinh tế, nhất là nền kinh tế xanh hiện đại phải dựa trên trụ cột đổi mới sáng tạo và duy trì tăng trưởng bền vững. Điều này đòi hỏi phải có đầy đủ ba thành tố tác động qua lại với nhau: một quyết tâm rõ ràng về phát triển và tăng cường một khu vực kinh tế tư nhân năng động; cải cách dài hơi giáo dục và đào tạo nhằm phát triển nguồn vốn con người chất lượng cao hơn; và tạo môi trường cạnh tranh xã hội mà trong đó ý tưởng mới, quan điểm chấp nhận rủi ro và năng cấp công



nghe được coi trọng. Đây chính là những nhân tố quan trọng góp phần tạo nên thành công của Nhật Bản, Hàn Quốc, và Singapore mà Việt Nam cần học tập để thực hiện khát vọng của mình.

Để giải quyết vấn đề này, trước hết cần tập trung phát triển hai động lực quan trọng chính để phát triển xã hội là giáo dục và khoa học công nghệ.

Phát triển khoa học-công nghệ

Cách mạng KHCN đang phát triển như vũ bão với những cuộc cách mạng hậu công nghiệp (GRIN: G- Công nghệ sinh học, R – Công nghệ tự động hóa; I Công nghệ thông tin và N – Công nghệ Nano và trong tương lai là E – Môi trường hay Năng lượng - Khí hậu) với những đặc trưng cơ bản sau:

- Bùng nổ thông tin – cứ khoảng 5-7 năm thì lượng thông tin tăng gấp đôi. Cũng trong thời gian ấy tốc độ “nã hóa” về tri thức và kỹ năng trung bình là 15-20%;
- Thời gian từ phát minh lý thuyết đến ứng dụng trong thực tế rút ngắn, thậm chí rất ngắn;
- Số lượng các nhà khoa học tăng nhanh trong cách mạng KHCN;
- Nhiều ngành khoa học giáp ranh hay mang tính liên ngành ra đời...

Những thành tựu KHCN ảnh hưởng ngày càng sâu sắc và toàn diện tới tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là giáo dục và đào tạo.

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Trong bối cảnh hiện nay, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (CLC) là chiến lược phát triển/cạnh tranh của các nước. Theo đó, phương châm của giáo

dục là: “Học để biết, học để làm, học để sống và học để sống với nhau” (Learning to Know, Learning to Do, Learning to Be and Learning to Live Together), khác với quan niệm truyền thống trư-ớc đây: “Học để làm” (“Job-ready” Graduate).

Nhân lực CLC của thế kỷ XXI cần có 3 tố chất: (i) Năng lực tư duy sáng tạo (Creative Thinking Manpower) để phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, KHCN, trong tổ chức quản lý, trong cơ chế thị trường; (ii) Năng lực hành động sáng nghiệp (Entrepreneurial Manpower) nhằm tạo lập việc làm, doanh nghiệp cho mình và cho người khác trong môi trường cạnh tranh quyết liệt hiện nay; và (iii) Năng lực tự học và nghiên cứu khoa học – học suốt đời.

Vì vậy, phương châm đổi mới giáo dục đại học (GDĐH) hiện nay là: “Kết hợp học tập với giải quyết các vấn đề thực tiễn thông qua nghiên cứu/triển khai/chuyển giao công nghệ/phục vụ xã hội... để tạo nên nguồn nhân lực mới chất lượng cao”. Nói một cách khác, nghiên cứu khoa học (NCKH) được quan niệm là một chức năng đặc trưng của GDĐH.

Với phương châm trên, hệ thống giáo dục đại học ở các nước tiên tiến phát triển theo những đặc trưng đa dạng, thực tiễn và chất lượng cao. Các trường đại học rất khác nhau về sứ mệnh, mục tiêu và quy mô để đáp ứng nhu cầu rất đa dạng và ngày càng cao của xã hội học tập về nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

Các đại học nghiên cứu (ĐHNC) là những cơ sở đào tạo toàn diện, đa ngành, đa lĩnh vực có chất lượng cao nhất. ĐHNC là nơi giao thoa của ba chức năng: đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội, và sự kết hợp chặt chẽ ba chức năng này hiện nay là xu hướng cơ bản trong chiến lược phát triển giáo dục đại học của các nước trên thế giới. Trong ba chức năng kể trên thì NCKH và phục vụ thực tiễn vừa là

phương tiện (học qua nghiên cứu), vừa là mục đích (học cho nghiên cứu) vừa là động lực để đào tạo, nhất là đào tạo chất lượng cao.

Như vậy, các trường đại học không chỉ là trung tâm đào tạo, mà đã thực sự trở thành các trung tâm NCKH, sản xuất, sử dụng, phân phối, xuất khẩu tri thức và chuyển giao công nghệ mới hiện đại (Douglass, 2009, 2012, Trương Quang Học, 2004a, 2004b, 2015).

Hơn nữa trong nghiên cứu khoa học hay giáo dục đại học, các nhóm nghiên cứu mạnh hay các trung tâm xuất sắc (COE) và cơ chế tổ hợp chúng để phục vụ các yêu cầu ngày càng gia tăng và thay đổi của xã hội được xem thành tố quyết định (Trương Quang Học, 2008, 2014, 2015; Nguyễn Văn Hiệu, 2012).

BỐI CẢNH QUỐC GIA VÀ ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Bối cảnh quốc gia

Việt Nam, sau 30 năm đổi mới, đã thu được những thành tựu nhất định, nhưng cũng còn nhiều khó khăn, thách thức trong phát triển KT-XH, đặc biệt trong bảo vệ môi trường. Nghị quyết 24-NQ-TW, 2013 của Trung ương Đảng khóa XI nhận định: "... việc ứng phó với BĐKH còn bị động, lúng túng; thiên tai ngày càng bất thường, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản; tài nguyên chưa được quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững, một số loại tài nguyên bị khai thác quá mức dẫn tới suy thoái, cạn kiệt; ô nhiễm môi trường vẫn tiếp tục gia tăng, có nơi nghiêm trọng; việc khắc phục hậu quả về môi trường do chiến tranh để lại còn chậm; đa dạng sinh học suy giảm, nguy cơ mất cân bằng sinh thái đang diễn ra trên diện rộng, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, sức khỏe và đời sống nhân dân" (Trương Quang Học, 2012b).

Để giải quyết những khó khăn, thách thức này và hội nhập với trào lưu quốc tế, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quan trọng mang tính chất chiến lược: Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/2/2013 phê duyệt đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020. Nội dung các văn bản này đã bao quát hầu như hết nội hàm, ý nghĩa, mục tiêu, quan

điểm, nguyên tắc, giải pháp, cách thức thực hiện tăng trưởng xanh, và là cơ sở pháp lý để thúc đẩy tăng trưởng xanh ở Việt Nam. Trong đó, Chiến lược quốc gia về TTX đề ra 11 nhóm nhiệm vụ chiến lược nhằm đạt 3 mục tiêu: i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo; ii) Xanh hóa sản xuất và iii) Xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững. Theo đó là Kế hoạch hành động quốc gia giai đoạn 2014-2020 cụ thể hóa Chiến lược TTX thành 4 chủ đề chính, 12 nhóm hoạt động và 66 nhiệm vụ hành động, phân định trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức chủ trì và phối hợp thực hiện (Trương Quang Học và Hoàng Văn Thắng, 2014).

TTX là một cơ hội để Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn với xu hướng phát triển xanh toàn cầu. Tuy nhiên, con đường tiến tới nền KTX của Việt Nam cũng đang gặp phải nhiều khó khăn, thách thức:

Một là, nhận thức và trình độ phát triển nói chung còn thấp, bị tụt hậu so với nhiều nước sau những năm chiến tranh kéo dài đang để lại những di hại không nhỏ, cần có thời gian và nguồn lực lớn để khắc phục.

Hai là, hệ thống pháp luật đang trong thời kỳ chuyển đổi chưa đồng bộ, chưa thật phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và hướng tới TTX. Hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý còn chia cắt chưa phù hợp với sự phát triển trong liên kết của đất nước trong hội nhập.

Ba là, hiệu quả sử dụng tài nguyên thấp, còn nhiều lãng phí, tài nguyên thiên nhiên (vốn tự nhiên) nhất là tài nguyên sinh vật bị suy thoái nghiêm trọng, tài nguyên không tái tạo cạn kiệt. Trong khi công nghệ sản xuất còn lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng làm cho chất lượng sản phẩm thấp, phát sinh nhiều chất thải gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, gia tăng phát thải khí nhà kính.

Bốn là, các ngành kinh tế "nâu" đang chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế. Các ngành sản xuất năng lượng sạch như năng lượng hạt nhân, năng lượng gió, mặt trời, sinh khối, địa nhiệt... chưa phát triển. Thêm vào đó, nhiều ngành hỗ trợ, giải quyết vấn đề môi trường, dịch vụ môi trường, công nghiệp tái chế... còn yếu kém.

Năm là, Việt Nam là một trong số rất ít quốc gia chịu tác động nặng nề nhất của BĐKH; tính dễ tổn thương trước thảm họa và tác động khí hậu ngày càng gia tăng. Lối sống và mô hình tiêu dùng của một bộ phận nhân dân còn lãng phí, hủy hoại tài nguyên, không thân thiện và hài hòa với thiên nhiên.

Phát triển theo hướng TTX là một lựa chọn chiến lược của Việt Nam. Trong quá trình thực hiện TTX, vấn đề quan trọng nhất đối với chúng ta là phải thay đổi tư

duy, đặc biệt ở các cấp lãnh đạo. Trên cơ sở đó, phát triển đồng bộ các trụ cột cho TTX theo kinh nghiệm của thế giới (được áp dụng sáng tạo trong điều kiện Việt Nam): Chiến lược, Con người, KH-CN và Tài chính với lộ trình/bước đi phù hợp để thực hiện.

Bối cảnh ĐHQGHN

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) - một trong hai đại học quốc gia của Việt Nam – là một cơ sở đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, giữ vai trò quan trọng trong hệ thống giáo dục đại học của cả nước.

Hiện nay, ĐHQGHN hàng năm đào tạo 5.000 cử nhân, 2.400 thạc sĩ, 200 tiến sĩ trong 108 chương trình đào tạo đại học, 121 chương trình cao học và 112 chương trình tiến sĩ trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội nhân văn, khoa học giáo dục và quốc tế học. ĐHQGHN, từng bước khẳng định sứ mệnh tiên phong của mình trong hệ thống giáo dục của Việt Nam (Đại học quốc gia Hà Nội, 2014).

Mục tiêu chiến lược của ĐHQGHN đến năm 2020 đã xác định là: “Phần đầu trở thành đại học định hướng nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực, ngang tầm các đại học tiên tiến trong khu vực châu Á, trong đó có một số lĩnh vực và nhiều ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế, góp phần phát triển nền kinh tế tri thức và đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

Để thực hiện mục tiêu này, các định hướng phát triển của ĐHQGHN là:

- Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đạt chất lượng quốc tế và bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, quản lý, kinh doanh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Sáng tạo và chuyển giao những kết quả, sản phẩm KHCN tiên tiến, có giá trị lý luận và thực tiễn tầm cỡ khu vực, quốc tế.
- Phát triển cơ sở mới, hiện đại của ĐHQGHN tại Hòa Lạc, tương xứng với vị thế của một trung tâm đại học hàng đầu của cả nước, ngang tầm với các đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý hiện đại, hiệu quả, theo mô hình đại học đa ngành, đa lĩnh vực, định hướng nghiên cứu.
- Phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Hợp tác, liên kết với các cơ sở giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong việc triển khai các hoạt động học thuật, góp phần phát triển KHCN và đáp ứng các yêu cầu của kinh tế-xã hội.

Theo định hướng này, các đơn vị đào tạo, nghiên cứu – triển khai, trong đó có Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển trong vị thế chung của hệ thống ĐHQG Việt Nam.





TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG BỐI CẢNH MỚI

TRUYỀN THỐNG

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường có một truyền thống 30 năm phát triển đáng tự hào (xem bài của TS. Hoàng Văn Thắng – Giám đốc CRES, 2015; Center for Natural Resources and Environmental Studies, 2005; Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, 2010). Tuy nhiên, trong giai đoạn mới hiện nay, bên cạnh những thành tựu và thuận lợi đó, Trung tâm cũng đang gặp phải không ít những thách thức, đòi hỏi một sự quyết tâm cao để thích ứng, để đổi mới, để phát triển lên một tầm vóc mới.

PHÁT TRIỂN: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Thời cơ và thuận lợi

Trung tâm có những thuận lợi cơ bản sau:

- Có được sự ưu tiên của ĐHQGHN theo chiến lược xây dựng đại học định hướng nghiên cứu;
- Có truyền thống 30 năm phát triển;
- Có thương hiệu quốc tế và quốc gia, có khả năng tập hợp lực lượng;
- Mạnh trong cách tiếp cận liên ngành, nghiên cứu những vấn đề có tính vĩ mô phục vụ hoạch định chính sách;

- Đội ngũ cán bộ có tiềm năng, nhất là cán bộ trẻ (nhiều người được đào tạo bài bản, hệ thống), sẵn sàng hội nhập;
- Đã thích ứng với cơ chế thị trường;
- Có mạng lưới cộng tác viên khắp toàn quốc.

Khó khăn và thách thức

- Hẫng hụt về đội ngũ cán bộ quản lý hiện đại;
- Chưa có được một cơ chế tổ chức và quản lý hiện đại mang tính đột phá, phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập trong tình hình mới hiện nay;
- Nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị;
- Còn ít kinh nghiệm trong đào tạo chính quy (SĐH);
- Chưa tạo được các nhóm nghiên cứu mạnh đồng bộ, ổn định.

Thảo luận và khuyến nghị

Ba mươi năm đối với một cơ quan, tổ chức không phải là dài và cũng không phải là ngắn. Từ năm 1985 đến nay, đã có bao đổi thay: thế giới nóng hơn, phẳng hơn, chặt hơn và nghiêng hơn (Friedman, 2007, 2009). Đất nước chúng ta đã qua 30 năm đổi mới (bắt đầu từ năm 1986 và thực sự là từ năm 1991 đến nay); Đại học Tổng hợp đơn lĩnh vực trước đây, nay đã phát triển thành ĐHQGHN đa ngành, đa lĩnh vực, con chim đầu đàn trong giáo dục đại học của cả nước.

Trong 30 năm qua, với tư cách là một trong những trung tâm về tài nguyên và môi trường được thành lập sớm nhất ở Việt Nam, Trung tâm đã hoàn thành được sứ mạng vẻ vang của mình, đã có những thành tựu đáng ghi nhận trong công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy sự nghiệp bảo vệ môi trường của đất nước và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế (Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, 2005, 2010).

Trong giai đoạn mới hiện nay, về cơ bản, Trung tâm vẫn phát triển theo quỹ đạo cũ, vẫn giữ được những danh tiếng có từ ngày xưa, vẫn là một trung tâm NGO/Semi-NGO mang ít nhiều tính “gia đình”, và đang cố gắng vươn lên tìm kiếm một hướng đi mới, một bước đột phá mới để lột xác dưới sự che chở của ĐHQGHN.

Từ bài học của Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển (nguyên là anh em sinh đôi với Trung tâm), chúng tôi mạnh dạn đề nghị một bước đột phá, đó là:

Sớm thành lập Viện Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở của Trung tâm Tài nguyên và Môi trường hiện nay để phát triển Trung tâm xứng đáng với tầm cỡ cần thiết trong ĐHQGHN danh tiếng.

Một số định hướng ban đầu có thể như sau:

a. Về chức năng:

Đẩy mạnh chức năng Tư vấn và Dịch vụ (như đã được ghi trong Điều lệ Thành lập Trung tâm) bên cạnh các chức năng Đào tạo, Nghiên cứu Khoa học về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.

b. Về tổ chức và cơ chế quản lý:

- Tăng cường các đơn vị nghiên cứu – triển khai dưới hình thức các doanh nghiệp KCN, các trung tâm nghiên cứu – triển khai, tư vấn...;
- Củng cố và tổ chức các nhóm nghiên cứu mạnh (COE), đặc biệt là các nhóm mang tính liên ngành cao (một thể mạnh của ĐHQGHN) với quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cao trong quản lý, chuyên môn và tài chính.
- Đa dạng hóa các đề tài, dự án theo cơ chế thị trường.

c. Về hướng chuyên môn:

- Tập trung phục vụ tăng trưởng xanh (bao gồm cả BĐKH, PTBV - theo nghĩa TTX là con đường PTBV trong bối cảnh BĐKH); tập trung vào ba hợp phần của mô hình “Kim cương xanh” của

Tăng trưởng xanh: Phát triển khoa học-công nghệ xanh, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển thể chế/chính sách (Hình 1).

- Tập trung nghiên cứu hệ sinh thái – xã hội (social, ecological system), theo hướng liên ngành, phục vụ cho phát triển bền vững, ứng phó với BĐKH, tăng trưởng xanh, nhằm giải quyết các vấn đề thực tế trên cơ sở tăng cường sức khỏe, tính chống chịu (resilience) của HST.

d. Về phương pháp luận:

Tiếp tục phát huy các cách tiếp cận truyền thống mà Trung tâm đã áp dụng một cách hiệu quả:

- Phát triển cách tiếp cận hệ thống và liên ngành/ dựa trên HST – cách tiếp cận phổ biến trong PTBV, ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh.
- Cách tiếp cận kết hợp từ trên xuống và từ dưới lên (dựa vào cộng đồng (community-based, right-based, community-managed approaches).

e. Về đào tạo:

- Hoàn thiện và phát triển các Chương trình đào tạo trung hạn (3-6 tháng) “Tiếp cận sinh thái trong quản lý tài nguyên và môi trường” và Mã ngành đào tạo sau đại học “Môi trường và Phát triển bền vững” hiện nay;
- Mở các khóa đào tạo ngắn hạn, phục vụ các nhu cầu thực tế: Biến đổi khí hậu, quản lý tổng hợp lưu vực sông, đánh giá môi trường chiến lược, tích hợp trong lập quy hoạch, kế hoạch...;
- Tập trung thời gian để biên soạn các tài liệu đào tạo, trên cơ sở thực tiễn của những kết quả nghiên cứu.

KẾT LUẬN

Sau 30 năm hoạt động, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành tốt sứ mạng của một trung tâm được thành lập sớm nhất của Việt Nam, nghiên cứu về tài nguyên và môi trường. Trong bối cảnh biến đổi toàn cầu hiện nay, Trung tâm cần có những đột phá để tiếp tục phát triển theo mô hình một viện nghiên cứu, với sứ mệnh, tầm nhìn, nội dung hoạt động và cơ chế quản lý được đổi mới trong một ĐHQGHN danh tiếng, đang từng bước phát triển thành một đại học nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao và ngang tầm khu vực và thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định của Việt Nam, 2015.
2. Center for Natural Resources and Environmental Studies, 2005. Center for Natural Resources and Environmental Studies (1985-2005): 20th Year.
3. Douglass, J.A., 2009. "The Race for Human Capital" in J. A. Douglass, C.J King and I. Feller (ed.), Globalization's Muse: Universities and Higher Education Systems in a Changing World (Berkeley Public Policy Press 2009).
4. Douglass, J.A., 2012. "China Futurisms: Research Universities and Leaders or Followers?" Social Research: An International Quarterly, vol.79, no. 3, pp. 639-688.
5. Viện Khí tượng, Thủy văn & Môi trường và UNDP, 2015. Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu. NXB Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
6. Ngân hàng Thế giới, 2012. Tăng trưởng xanh cho mọi người: Con đường hướng tới Phát triển bền vững. Ngân hàng Thế giới.
7. Nguyễn Văn Hiệu, 2012. Kiến nghị về đề án xây dựng các trung tâm xuất sắc tại Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
8. Phạm Thi Ly, 2014. Trung tâm xuất sắc, một mô hình cần thiết cho thực tiễn Việt Nam. Báo cáo tại Hội thảo "Hoạt động Nghiên cứu trong các trường Đại học". Hà Nội, ngày 25.04.2014.
9. Quyết định số 432/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020, Thủ tướng Chính phủ, 12/04/2012.
10. Quyết định số 2139/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, Thủ tướng Chính phủ, 05/12/2011.
11. Quyết định số 1092/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC): Khung ma trận chính sách năm 2012, 16/8/2012.
12. Quyết định số 1393/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh, Thủ tướng Chính phủ, 25/09/2012
13. Sumi, A; Mimura, N; Masui, T., 2011. Climate change and Global Sustainability: A Holistic Approach. UN University Press. Tokyo-New York-Paris.
14. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, 2010. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường: 25 năm xây dựng và phát triển.
15. Trương Quang Học, 2004a. Mô hình đại học nghiên cứu ở một số nước trên thế giới. Kỷ yếu Hội nghị Nghiên cứu khoa học - công nghệ và đào tạo định hướng xây dựng đại học nghiên cứu tiên tiến. Hà Nội-01/2004:101-122.
16. Trương Quang Học, 2004b. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và sự tích hợp với hoạt động đào tạo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong các trường đại học. Kỷ yếu

- Toạ đàm khoa học quốc tế: Chính sách Nghiên cứu và đào tạo trong quá trình chuyển đổi ở Việt nam: 68-76.
17. Trương Quang Học, 2005. Suy nghĩ về xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội theo mô hình một đại học nghiên cứu hiện đại. Toạ đàm khoa học quốc tế: Chính sách Nghiên cứu và đào tạo trong quá trình chuyển đổi ở Việt nam, Hà Nội, 8-9/12/2005: 206-222.
 18. Trương Quang Học, 2008. Nhóm Nghiên cứu - Yếu tố quyết định chất lượng nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học. Hoạt động Khoa học. Bộ KH & CN, Số 10.2008: 21-24.
 19. Trương Quang Học, 2010. Biến đổi khí hậu toàn cầu: Cơ hội và Thách thức cho Nghiên cứu và Đào tạo. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường: 25 năm xây dựng và phát triển. NXB Khoa học và Công nghệ. Hà Nội.
 20. Trương Quang Học, 2012a. Cơ sở sinh thái học cho phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Quốc gia về nâng cao sức chống chịu trước biến đổi khí hậu. Hạ Long, 10.11.2012: 3-24.
 21. Trương Quang Học, 2012b. Việt Nam: Phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu. Báo cáo Hội nghị quốc tế Việt Nam Học lần thứ IV. Hà Nội, 26-28.11.2012: 71-92.
 22. Trương Quang Học, 2014a. Xây dựng nhóm nghiên cứu: Kinh nghiệm quốc tế và Thực tế Việt Nam. Kỷ yếu Hội nghị tổng kết "Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh ở Đại học Quốc gia Hà Nội (Hưởng ứng Ngày Khoa học – Công nghệ Việt Nam lần thứ nhất 18/5/2014): 11-23.
 23. Trương Quang Học, 2014b. Tiếp cận liên ngành/ dựa trên hệ sinh thái trong phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong Sách "25 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành. NXB Thế Giới, Hà Nội: 609-626.
 24. Trương Quang Học, 2015. Building interdisciplinary graduate programs for sustainable development in the context of climate change at Vietnam National University, Hanoi. International Conference on innovation management in higher Education in the Context of Globalization. Vietnam National University, Hanoi, November 2015 (in press).
 25. The future we want: RIO+20 outcome Documents , 2012, (www.uncsd2012.org/.../documents/)
 26. THÔNG TIN QUỐC TẾ VỀ GDDH số 1, 2, 3- 2012; số 7, 8 – 2013
 27. UNEP, 2011. Green Economy: Towards a Green Economy: Pathway to Sustainable Development and Poverty Eradication. Geneva: UNEP.
 28. United Nations Sustainable Development Summit 2015.
 29. WB, 2010a. Development and Climate Change. World Development Report. The World Bank.
 30. WB, 2010b. Convenient Solution to an Inconvenient Truth: Ecosystem-Based Approaches to Climate Change. The World Bank.



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN 1985 – 2015
CỦA TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Võ Thanh Sơn

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường

QUỐC GIA HÀ NỘI
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



CHIẾP THẠC SĨ KHÓA 6 VÀ
N SĨ KHÓA 8, CAO HỌC KHÓA 9

NG TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

, 23/11/2012



KHÓA HỌC ĐẦU TIÊN VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Ngay sau khi thành lập Trung tâm Tài nguyên Môi trường thuộc Đại học Tổng hợp Hà Nội vào năm 1985, các cán bộ lãnh đạo của Trung tâm đã rất trăn trở về việc xây dựng được chương trình đào tạo nhà khoa học trẻ về các vấn đề môi trường. Cơ hội tổ chức khóa đào tạo “Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên” (hay còn gọi là lớp 6 tháng) được hình thành khi GS. Võ Quý nhận được sự hỗ trợ về ý tưởng và kinh nghiệm đào tạo từ GS. Manfred, Giám đốc Tổ chức OroVerde, Cộng hòa Liên bang Đức thông qua một chương trình hợp tác quốc tế. Khóa học đầu tiên được tổ chức vào năm 1989 và đây là chương trình đào tạo bài bản đầu tiên về môi trường được tổ chức ở Việt Nam lúc bấy giờ. Giảng viên là các cán bộ nghiên cứu tham gia Chương trình 52-Đ về Bảo vệ môi trường, một số khác là các cán bộ quản lý từ các bộ ngành trung ương, học viên đa phần đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu và cán bộ của các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên trên cả nước. Chương trình học bao gồm cả phần học lý thuyết trên lớp và phần tham quan thực tế ngoại khóa và phần thực hiện tiểu luận cuối khóa. Từ đó đến nay, rất nhiều học viên từ những khóa bồi dưỡng này đã trở thành những cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý nòng cốt trong các đơn vị có liên quan đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường trong toàn quốc.

Với 4 năm kinh nghiệm từ lớp “Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên” Trung tâm đã nhận lãnh trách nhiệm tổ chức hai khóa “Quản lý và đánh giá tác động môi trường” từ nhu cầu thực tiễn cấp bách về đánh giá tác động môi trường cho các dự án phát triển của Cục Môi trường, nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường (1990). Khóa học kết hợp kiến thức tổng hợp của lớp 6 tháng và bổ sung phần kiến thức và kỹ năng đánh giá tác động môi trường cho 50 học viên, những người sau này đa phần trở thành chuyên gia nòng cốt trong lĩnh vực quản lý môi trường và đặc biệt là đánh giá tác động môi trường trong toàn quốc.

Trong các năm từ 1995 đến 2000 với sự chỉ đạo sát sao của GS. Lê Trọng Cúc, 6 khóa bồi dưỡng về “Quản lý bền vững Tài nguyên miền núi” đã được triển khai với 155 học viên thông qua sự hợp tác hiệu quả giữa Trung tâm với Quỹ Toyota (Nhật Bản) và Trung tâm Đông - Tây (Hoa Kỳ). Nội dung của khóa học chú trọng đến vấn đề phục hồi và sử dụng hiệu quả các vùng đất trung du, vùng đất trống đồi núi trọc. Các học viên ngoài việc học lý thuyết, tham quan thực tiễn còn được hướng dẫn để xuất xây dựng dự án và

triển khai các nghiên cứu nhỏ theo nguyên tắc vừa học vừa làm.

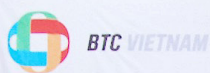
Từ năm 2004 các khóa đào tạo 6 tháng tiếp tục được triển khai thực hiện với tên mới “Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững”, với sự hỗ trợ của GTZ, Inwent (Cộng hòa Liên bang Đức) và tổ chức BTC (Vương Quốc Bỉ). Nội dung những khóa tập huấn này đã được bổ sung thêm những vấn đề của thời đại như phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu.

Tính từ năm 1989 cho đến nay, Trung tâm đã tổ chức được 22 khóa đào tạo sau đại học với thời lượng mỗi khóa từ 3 tháng đến 1 năm, với tổng số học viên lên tới gần 700 người. Sau mỗi khóa học được tổ chức, nội dung giảng dạy đều được biên soạn và cập nhật các phương pháp lý luận, nghiên cứu phù hợp với thực tiễn trong nước và quốc tế. Được sự chấp thuận của ĐHQGHN, chương trình của lớp đào tạo 6 tháng đã được liên thông với chương trình đào tạo thạc sĩ của Trung tâm, nên các học viên thạc sĩ không phải học lại một số môn nếu đã học và có điểm trong chương trình 6 tháng.

Bên cạnh đó, hàng nghìn lượt cán bộ, nhân dân, và học sinh, sinh viên đã được đào tạo qua hàng trăm khóa tập huấn ngắn hạn (1-3 tuần) của Trung tâm tại Hà Nội và các địa phương trong cả nước.

Vào những năm đầu của thế kỷ 21, vấn đề môi trường ở Việt Nam không chỉ được nhìn nhận một cách riêng rẽ, mà bắt đầu được xem xét trong mối liên hệ hài hòa với khía cạnh kinh tế và xã hội, trong khuôn khổ phát triển bền vững. Năm bắt được xu thế đó, GS. Trương Quang Học đã chỉ đạo các cán bộ Trung tâm xây dựng, đề xuất Chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ ngành Khoa học Môi trường chuyên ngành Môi trường trong phát triển bền vững. Chương trình được ĐHQGHN phê duyệt vào năm 2004. Sau 11 năm, Trung tâm đã và đang tổ chức 10 khóa đào tạo thạc sĩ với hơn 200 học viên





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



LỄ BẾ GIẢNG

KHÓA BỒI DƯỠNG SAU ĐẠI HỌC - K14

Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững

Closing ceremony of the post-graduate training course on Ecological approach, Natural Resources Management and Sustainable Development



cao học, 9 khóa đào tạo tiến sĩ với 39 nghiên cứu sinh. Các học viên và nghiên cứu sinh tới từ các bộ và các đơn vị thuộc bộ, các viện nghiên cứu, trường đại học, các cơ quan tổ chức phi chính phủ trên địa bàn Hà Nội, trong đó gần 50% số học viên đến từ các địa phương trong cả nước. Chương trình đã góp phần quan trọng vào đào tạo nguồn nhân lực về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững cho các địa phương, bao gồm cả những địa phương vùng sâu, vùng xa. Tính đến thời điểm này, hơn 134 học viên đã được nhận bằng thạc sĩ và 10 NCS đã được công nhận học vị tiến sĩ. Chương trình đào tạo của Trung tâm đã góp phần xây dựng ĐHQGHN trở thành Đại học nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam và khu vực.

ĐEM VẤN ĐỀ CỦA XÃ HỘI VÀO TRONG LỚP HỌC

Một hình thức mới nhằm trao đổi, chia sẻ, học hỏi và thảo luận để cùng tiến tới giải quyết vấn đề của địa phương đã được thực hiện trong khuôn khổ Dự án “Đào tạo nguồn nhân lực để phục hồi và tái sử dụng các vùng đất bị suy thoái do chất độc hóa học do quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh” cho tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế do Quỹ Ford tài trợ. Từ các năm 2007 đến 2012 Trung tâm đã tổ chức 9 hội thảo tập huấn về kiến thức khoa học kỹ thuật về “Phục hồi và tái sử dụng các vùng đất bị suy thoái

do chất độc hóa học” và 1 khóa về kỹ năng viết đề xuất dự án, 1 Hội thảo báo cáo chuyên đề cho lãnh đạo Đảng và chính quyền, sở ban ngành của địa phương và 25 mô hình thúc đẩy các giải pháp phát triển nông lâm nghiệp bền vững và phục hồi, cải tạo, sử dụng hiệu quả đất bị suy thoái thông qua sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phế thải nông nghiệp. Ý nghĩa lớn của Dự án là đào tạo được nguồn nhân lực tổng hợp đồng bộ từ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật đến nông dân sản xuất giỏi cho địa phương. Đây là các nhân tố nòng cốt cho việc mở rộng mạng lưới những người tham gia phục hồi các vùng đất bị suy thoái do chất độc hóa học trong chiến tranh và nâng cao đời sống cho cộng đồng tại hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

ĐÀO TẠO ĐỂ XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU VÀ NGHIÊN CỨU ĐỂ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

Trong hơn 20 năm tổ chức liên tục các khóa bồi dưỡng và đào tạo các cấp, Trung tâm đã đào tạo được hàng nghìn cán bộ, xây dựng được một mạng lưới cộng tác viên rộng khắp, từ trung ương đến địa phương, từ miền núi đến miền xuôi, từ thành thị đến nông thôn, từ các cơ quan quản lý, nghiên cứu đến các cơ sở đào tạo liên quan đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Tuy tham gia các khóa đào tạo



với danh nghĩa là học viên, nhưng trong các khóa học họ luôn được coi là những đồng nghiệp, cùng chia sẻ, học hỏi, cùng thảo luận và đề ra những biện pháp giải quyết những vấn đề cấp thiết với giảng viên của Trung tâm. Trở về cơ quan, địa phương các học viên lại trở thành các cộng tác viên tích cực, trở thành cầu nối trong sự nghiệp nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực về tài nguyên và môi trường của đất nước. Đến nay, Trung tâm đã hình thành được một mạng lưới cộng tác viên rộng khắp trong 63 tỉnh, thành của cả nước.

LÀ ĐẦU MỐI ĐÀO TẠO LIÊN NGÀNH VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Trung tâm đã thực hiện tốt nhiệm vụ do Đại học Quốc gia Hà Nội giao cho là làm đầu mối trong nghiên cứu và đào tạo mang tính liên ngành về tài nguyên và môi trường. Hai đơn vị đóng góp nhiều vào hoạt động đào tạo của Trung tâm phải kể đến là Khoa Sinh học và Khoa Môi trường, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN. Từ những ngày đầu, các giáo sư như GS. Lê Văn Khoa, GS. Mai Đình Yên, GS. Nguyễn Lân Dũng, PGS. Nguyễn Xuân Huấn, PGS. Trịnh Thị Thanh, PGS. Vũ Quyết Thắng, PGS. Trần Yên đã hỗ trợ rất tích cực cho Trung tâm trong công tác tổ chức chuyên môn cũng như tham gia giảng dạy cho các lớp. Trong những năm gần đây, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội cũng đã thường xuyên phối hợp với Trung tâm trong công tác giảng dạy những chuyên ngành thuộc lĩnh vực xã hội trong các khóa bồi dưỡng và đào tạo sau đại học như GS. Vũ Cao Đàm... Những hỗ trợ quý báu đó của các đơn vị bạn trong Đại học Quốc gia Hà Nội đã góp phần quan trọng vào những thành công của Trung tâm trong suốt thời gian xây dựng và phát triển của mình.

Trung tâm cũng góp phần quan trọng trong hợp tác hỗ trợ xây dựng chương trình đào tạo mới, có tính liên ngành cho Đại học quốc gia Hà Nội, mà điển hình là xây dựng chương trình và tham gia giảng dạy chương trình thạc sĩ về biến đổi khí hậu và sắp tới là chương trình thạc sĩ về khoa học bền vững do Khoa Sau đại học điều phối trong Đại học Quốc gia Hà Nội.

HUY ĐỘNG SỰ HỖ TRỢ QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Để tổ chức được các khóa tập huấn ngắn ngày đến đào tạo sau đại học với thời lượng kéo dài từ vài 3 tháng đến 1 năm, Trung tâm đã nhận được sự tài trợ về tài chính và kỹ thuật rất đáng kể từ rất nhiều các tổ chức Quốc tế. Ví dụ như Tổ chức OroVerde, Inwent, GTZ (Đức), Trung tâm Đông - Tây, Quỹ Ford, Quỹ MacArthur (Hoa Kỳ), Quỹ Toyota (Nhật Bản), IDRC và CIDA (Canada), BTC (Vương Quốc Bỉ), Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Hoa Kỳ, UNDP và nhiều tổ chức khác không nêu hết được ở đây. Từ các hỗ trợ này, Trung tâm đã tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo thành công và rất hiệu quả.

Từ năm 1995, Trung tâm cũng đã được Quỹ Môi trường Thiên nhiên NAGAO (NAGAO Natural Environmental Foundation - NEF, Nhật Bản) tin tưởng lựa chọn làm cơ quan đại diện của Quỹ ở Việt Nam nhằm tổ chức xét chọn học viên cao học xuất sắc để nhận học bổng nghiên cứu trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học. Từ năm 2013, cũng nhằm mục đích hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, mỗi năm 3 học viên cao học đã được nhận học bổng từ GS. Võ Quý với số tiền tương đương với học bổng NAGAO.

Nằm trong khuôn khổ các chương trình hợp tác quốc tế, Trung tâm cũng đã tổ chức được rất nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao năng lực quản lý, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên nói chung và đa dạng sinh học nói riêng cho các cán bộ của các vườn quốc gia, khu bảo tồn trên khắp cả nước.

CHỦ ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC CHO TRUNG TÂM – CƠ SỞ CỦA SỰ THÀNH CÔNG

Để thực hiện tốt vai trò là cơ sở đào tạo, nghiên cứu hàng đầu của quốc gia, các thể hệ lãnh đạo của Trung tâm luôn chú trọng, khuyến khích cán bộ của Trung tâm tự đào tạo và được đào tạo thông qua các chương trình đào tạo tiên tiến của các nước phát triển trên thế giới. Cho đến nay, Trung tâm đã có 26 cán bộ được nhận bằng Tiến sĩ và Thạc sĩ từ các nước như Hoa Kỳ, Canada, Anh, Hà Lan, Bỉ, Đức, Nga, Australia, New Zealand, Nhật, Bản, Hàn Quốc... Đây là nguồn cán bộ chủ yếu cho các chương trình, đề tài, dự án trong nước cũng hợp tác quốc tế chính của Trung tâm trong thời gian qua.

TỰ TIN VỮNG BƯỚC ĐI LÊN

Nhìn lại 30 năm xây dựng và phát triển của Trung tâm, điểm qua những thành tựu mà chúng ta đã đạt được, đặc biệt là trong lĩnh vực đào tạo nguồn lực về tài nguyên và môi trường cho đất nước, ít nhiều trong mỗi thành viên trung tâm đều cảm thấy tự hào. Tuy nhiên, với những khó khăn và thách thức còn nhiều và ngày càng phức tạp, khi mà đất nước ngày càng hội nhập mạnh mẽ vào tiến trình phát triển của thế giới, Trung tâm cũng cần củng cố những kết quả đã đạt được với những ưu tiên sau đây:

i) Duy trì, hoàn thiện và phát triển các khóa đào tạo truyền thống sau đại học của Trung tâm, bao gồm

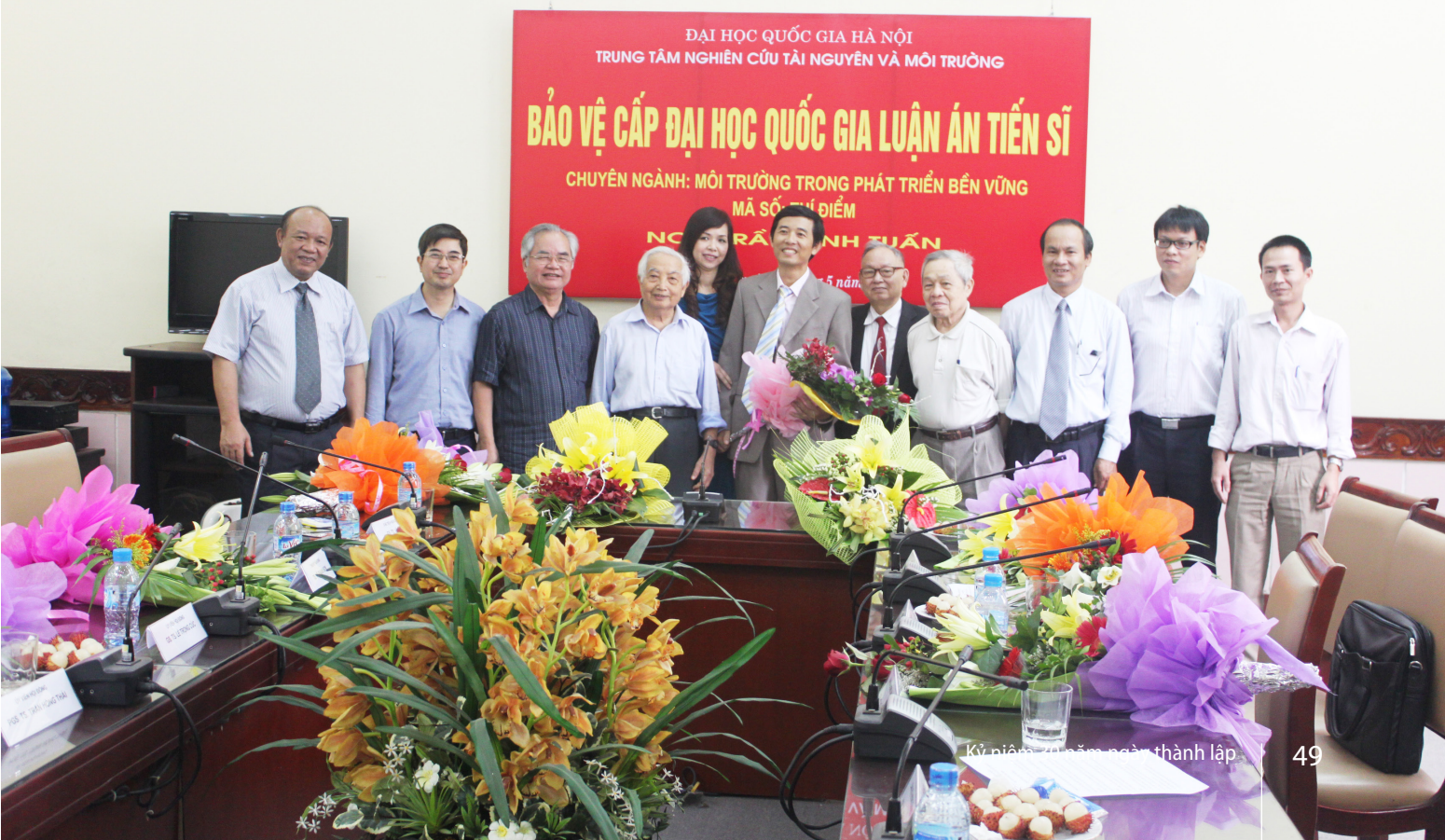
cả các khóa đào tạo ngắn hạn về với các chủ đề khác nhau, các chương trình đào tạo trung hạn (3-6 tháng) “Tiếp cận sinh thái trong quản lý tài nguyên và môi trường” và chương trình đào tạo Tiến sĩ về “Môi trường và Phát triển bền vững” theo hướng thích ứng hơn nữa với nhu cầu luôn biến động của xã hội, với các chủ đề liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và thích ứng với biến đổi khí hậu.

ii) Tập trung nhân lực, vật lực để biên soạn và biên soạn lại, cập nhật các các giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo, trên cơ sở thực tiễn của những kết quả nghiên cứu đã được thực hiện tại Trung tâm nói riêng cũng như của các đơn vị đào tạo nghiên cứu nói chung.

THAY CHO LỜI KẾT

Những kết quả nêu trên về đào tạo của Trung tâm trong 30 năm qua không thể tách rời sự chia sẻ, hỗ trợ, hợp tác của các đồng nghiệp, các cơ quan, các cộng đồng địa phương, các tổ chức quốc tế có liên quan, các đơn vị thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội trước kia và Đại học Quốc gia Hà Nội ngày nay, trong công tác chuyên môn và chia sẻ cơ sở vật chất trong nghiên cứu đào tạo. Chúng tôi rất mong vẫn được các cơ quan, tổ chức bè bạn tiếp tục hỗ trợ, hợp tác trong thời gian tới để Trung tâm đạt được những thành quả to lớn hơn nữa.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, chúng tôi xin một lần nữa bày tỏ lời cảm ơn tới các cơ quan, tổ chức đã hợp tác, hỗ trợ trong thời gian qua. Mong rằng sẽ có nhiều chương trình hợp tác được thực hiện hiệu quả, với mục đích bảo vệ sự phong phú và đa dạng của thiên nhiên song song với sự phát triển của đất nước trong thời đại mới.



THÀNH TỰU ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CỦA TRUNG TÂM QUẢ NHỮNG CON SỐ

CÁC MỐC VÀNG SON

Năm 1985	Thành lập Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, trực thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội
Năm 1989	Khóa bồi dưỡng 6 tháng về “Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững”, tổng cộng 15 khóa, hơn 600 học viên (1989-2011).
Năm 1994	Khóa bồi dưỡng 1 năm về “Đánh giá tác động môi trường”, tổng cộng 2 khóa, 50 học viên (1994-1996).
Năm 1995	Thành lập lại Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Năm 1995	Khóa bồi dưỡng 3 tháng về “Quản lý tài nguyên miền núi”, tổng cộng 6 khóa, 155 học viên (1995-2000).
Năm 2004	Khóa đào tạo thạc sĩ ngành Khoa học môi trường, chuyên ngành Môi trường trong phát triển bền vững, tổng cộng 10 khóa, 206 học viên (2004-2015).
Năm 2005	Khóa đào tạo tiến sĩ ngành Khoa học môi trường, chuyên ngành Môi trường trong phát triển bền vững, tổng cộng 9 khóa, 31 nghiên cứu sinh (2005-2015).

CÁC NGUỒN HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC

Bộ	10 bộ, đặc biệt là Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
Sở	2 sở chính trong toàn quốc (Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
Vườn quốc gia	Phần lớn các vườn quốc gia trong toàn quốc.
Địa phương	Phần lớn trong 64 tỉnh, thành trong cả nước.
Trường đại học	2 Đại học Quốc gia (Hà Nội và TP. HCM) và 10 trường đại học trong toàn quốc.
Viện nghiên cứu	Từ nhiều viện, đặc biệt là Viện Điều tra Quy hoạch Rừng, Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp và Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật
Tổ chức phi chính phủ	Từ nhiều tổ chức, đặc biệt là IUCN.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG LĨNH VỰC ĐẤT NGẬP NƯỚC

(KHÔNG BAO GỒM HOẠT ĐỘNG CỦA BAN NGHIÊN CỨU HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN)

PGS.TS. **Lê Diên Dực**

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường





KHỞI NGHIỆP VÀ THÀNH QUẢ

Mặc dù đất ngập nước (ĐNN) rất quan trọng, hiện nay, ở Việt Nam cũng như trên thế giới, ĐNN đang bị giảm diện tích và suy thoái ở mức độ nghiêm trọng. Những nghiên cứu chuyên sâu về đa dạng sinh học (ĐDSH), chức năng cũng như lợi ích của ĐNN vẫn chưa được thực hiện một cách chi tiết và có hệ thống. Những ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên cũng như các nhân tố kinh tế-xã hội đến các vùng ĐNN nói chung vẫn chưa được tìm hiểu và nghiên cứu một cách đầy đủ.

Trong khuôn khổ Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước về Tài nguyên và môi trường 52-02 năm 1981-1985 và 52-Đ năm 1986-1990, Nhóm Nghiên cứu Chim nước và Đất ngập nước (WWWG) của Trung tâm Tài nguyên và Môi trường (CRES), Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã được thành lập để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chim nước và đất ngập nước, trước hết tại đồng bằng sông Cửu Long. WWWG những ngày đầu bao gồm PTS. Lê Diên Dục (Nhóm trưởng), Cử nhân Hoàng Văn Thắng và Cử nhân Lê Đình Thủy (thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật).

Về cơ bản, WWWG đã đặt nền móng cho hoạt động trong lĩnh vực ĐNN và chim nước của CRES cho đến ngày nay như những nghiên cứu về quản lý và sử dụng bền vững ĐNN dựa vào cộng đồng và các mô hình theo cách tiếp cận trên đã được áp dụng, trong đó, mô hình phục hồi rừng ngập mặn theo mô hình ao tôm sinh thái đã được công nhận là giải pháp hữu ích. Hoạt động đeo vòng chim (bird banding scheme) đã được thực hiện rất sớm, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu trong nước cũng như hợp tác quốc tế với Nhật Bản và Ôxtrâyliá, trong khuôn khổ hợp

tác này, 3 thành viên của Nhóm được cấp chứng chỉ đeo vòng chim quốc tế. Hiện nay, CRES cũng đã phấn đấu có vòng chim mang nhãn hiệu và địa chỉ của Việt Nam (CRES, VNU).

Luận án tiến sĩ của Lê Đình Thủy tại sân chim Bạc Liêu “Một số đặc điểm sinh thái, sinh học của các loài chim làm tổ tập đoàn ở sân chim Bạc Liêu, tỉnh Minh Hải và ứng dụng chúng trong việc quản lý sân chim” năm 1992 đã đóng góp nhiều tư liệu khoa học có giá trị cho công tác quản lý sân chim này.

Luận án tiến sĩ của Hoàng Văn Thắng (2005) “Đa dạng sinh học, các chức năng chính và một số tác động lên hệ sinh thái ĐNN khu vực Bàu Sấu, VQG Cát Tiên” đã xác định mô hình nghiên cứu ĐNN nội địa, tiếp cận những công trình và mô hình nghiên cứu hiện đại trên thế giới. Đây là phương pháp mới về nghiên cứu ĐNN nói chung ở VN. Những luận án thuộc lĩnh vực ĐNN được thực hiện tại CRES bao gồm:

Luận án TS của Nguyễn Xuân Dũng “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp sử dụng khôn khéo đất ngập nước ven biển khu vực vịnh Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh” nhằm nghiên cứu những bất cập trong quản lý và sử dụng tài nguyên ĐNN ven biển hiện nay tại khu vực vịnh Tiên Yên và đề xuất được các giải pháp sử dụng khôn khéo đất ngập nước ven biển khu vực vịnh Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Đây là hướng nghiên cứu và tiếp cận mới trong lĩnh vực bảo tồn và sử dụng khôn khéo các vùng đất ngập nước của Việt Nam.

Luận án TS của Hoàng Thị Thanh Nhân “Nghiên cứu xây dựng chỉ thị đa dạng sinh học ĐNN ven biển ở Việt Nam - Trường hợp tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Nam Định” có tính cấp bách, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn trong công tác quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên sinh học đất ngập nước.

Luận án TS của Kim Thị Thúy Ngọc “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc lồng ghép các dịch vụ hệ sinh thái vào công tác quản lý và bảo tồn đất ngập nước ở Việt Nam” nhằm hỗ trợ quản lý và bảo tồn đất ngập nước ở Việt Nam một cách hiệu quả hơn, một cách tiếp cận và hướng nghiên cứu mới về ĐNN lần đầu tiên được thực hiện ở Việt Nam. Hiện còn 2 luận án thuộc lĩnh vực ĐNN đang được thực hiện tại CRES đó là các nghiên cứu sinh :Ngân Ngọc Vĩ và Hà Văn Định.

NHỮNG NGÀY ĐẦU LẶN LỘI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (ĐBSCL) VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (ĐBSH) SAU NÀY

Những nghiên cứu của Nhóm ở ĐBSCL bao gồm: Điều tra khu hệ động vật tại các sân chim và bảo tồn các sân chim ở đồng bằng sông Cửu Long từ những năm 1980 trong khuôn khổ Chương trình cấp Nhà nước về Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường (52-02) do Nhóm Chim nước và Đất ngập nước của CRES thực hiện. Các kết quả đạt được cụ thể là tại các địa điểm: Khu Bảo vệ Rừng tràm Vồ Dơi (Cà Mau), Sân chim Đầm Dơi (Ngọc Hiển cũ, thuộc tỉnh Cà Mau), Sân chim Bạc Liêu (Bạc Liêu), Sân chim Chà Là (Cái Nước, Bạc Liêu). Tại những sân chim này, Nhóm đều làm việc một thời gian dài, giúp đào tạo cán bộ và nhất là soạn kế hoạch quản lý cho từng sân chim. Qua đó, đã góp phần bảo tồn tài nguyên thiên nhiên nói chung và sân chim nói riêng.

Một trong những thành quả đúc kết từ các nghiên cứu, khảo sát của Nhóm là việc cho ra đời cuốn tài liệu “Những sân chim ở đồng bằng sông Cửu Long” của Lê Diên Dực năm 1990. Ngoài ra, nhóm còn có những cuộc khảo sát hoặc tìm hiểu về những sân chim khác thuộc tỉnh Minh Hải hồi đó như Khánh Lâm – U Minh, Hồ Thị Kỳ, Điền Đông A, Sân chim Bà Hính, thuộc huyện Hồng Dân, Minh Hải, v.v...

Điều tra bảo vệ Sếu cổ trụi hay Sếu đầu đỏ (*Grus antigone sharpii*) và ĐNN có liên quan tại huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp (1985-1991), hợp tác với ICF (International Crane Foundation), Hoa Kỳ và chính quyền địa phương có thể nói là một trong những mốc son của WWWG. Kết quả là đã thành lập được Khu Bảo tồn Sếu cổ trụi tại Tràm Chim (nay là Vườn Quốc gia Tràm Chim, khu Ramsar quốc tế). Trong các hoạt động này, phải kể đến:

- + Đào tạo cán bộ khoa học và quản lý Khu Bảo tồn Sếu và CRES, trong đó có chuyến đi thực địa về bảo tồn ĐNN tại Hoa Kỳ cho 4 cán bộ, bao gồm 3 cán bộ của WWWG và một Phó Chủ tịch phụ trách bảo tồn của huyện Tam Nông (ông Ngô Quốc Thắng);
- + Xây dựng quy chế cho Khu Bảo tồn;
- + Xây dựng Trung tâm Giáo dục Môi trường Brehm: Nhà 2 tầng do CRES thực hiện bằng kinh phí của Quỹ Brehm (CHLB Đức);
- + Tổ chức Hội thảo quốc tế về Bảo vệ Sếu cổ trụi và ĐNN tại huyện Tam Nông, Đồng Tháp từ ngày 11 đến 17 tháng 1 năm 1990. Từ Hội thảo này, một kế hoạch quản lý chi tiết cho Khu Bảo tồn

Sếu đã được thực hiện và áp dụng có kết quả. Cùng với Hội thảo là cuốn Kỷ yếu: Sếu cổ trụi và đất ngập nước do Lê Diên Dực làm chủ biên vào năm 1990, do Nhà Xuất bản Nông nghiệp in ấn.

Bên cạnh đó, WWWG đã phối hợp với Bộ Lâm nghiệp Campuchia tiến hành 2 cuộc khảo sát về sếu tại những vùng ĐNN quan trọng của nước bạn, nhưng không kết quả. Nhóm cũng đã thực hiện điều tra khu hệ động vật rừng tràm và bảo tồn hệ sinh thái độc đáo này tại Cà Mau và An Giang.

Song song với những hoạt động tại đồng bằng sông Cửu Long, Nhóm cũng đã triển khai các đợt khảo sát về chim di cư tại vùng cửa sông Hồng, ven biển Quảng Ninh... và hợp tác với RAWSG (Royal Australian Wader Study Group) nghiên cứu và đeo vòng chim di cư tại Xuân Thủy, Nam Định.

- + Điều tra khu hệ chim di cư tại vùng cửa sông Hồng với việc thành lập Khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam vào năm 1989, với tư vấn về chuyên môn của WWWG.
- + Xuất bản các cuốn sách: “Khuyến nghị cho việc quản lý Khu Bảo vệ Xuân Thủy, đồng bằng sông Hồng, miền Bắc Việt Nam” của Lê Diên Dực, Derek A. Scott và John R. Howes vào năm 1989 và cuốn “Khu bảo vệ Xuân Thủy” của Lê Diên Dực năm 1990.

NHỮNG BƯỚC TIẾN TỰ TIN VÀ HỢP TÁC SÂU, RỘNG

Sau những bước khởi đầu đầy gian nan, vất vả, Nhóm đã định hướng được các hoạt động của mình trong lĩnh vực nghiên cứu về đất ngập nước và chim nước. Các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế đã được mở ra và đi vào chiều sâu. Trong đó phải kể đến:

- + Phối hợp với IUCN tổ chức Hội thảo về Hồi phục và quản lý rừng tràm tại Long Xuyên, An Giang từ 14-18 tháng 5 năm 1991 và cuốn Kỷ yếu Hội thảo, do Lê Diên Dực làm chủ biên, Nhà Xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội ấn hành.
- + Dự án hợp tác với Chương trình ĐNN của IUCN và Sở Lâm nghiệp tỉnh An Giang (1990-1991) về “Cất tinh dầu tràm xuất khẩu và nuôi ong tại nhà dân trong khu vực rừng tràm để tránh cháy rừng tràm do lấy mật ong hoang”.
- + Phối hợp với Trung tâm Đông - Tây, Hoa Kỳ thực hiện một nghiên cứu về chi phí, lợi ích của việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên của rừng tràm tại Đồng Tháp Mười (Lê Diên Dực và Hufschmidt, 1993).

- + Điều tra vùng làm tổ của Già đẫy Giava tại Lâm Ngư trường sông Chẹm do IUCN tài trợ.
- + Phối hợp với IUCN, WWF và AWB (Asian Wetland Bureau) tiến hành:
 - Kiểm kê ĐNN Việt Nam, hoàn thành năm 1989 với cuốn “Kiểm kê ĐNN Việt Nam” của Lê Diên Dực;
 - Tham gia Kiểm kê đất ngập nước châu Á năm 1989;
 - Tổ chức Lớp tập huấn về Quản lý ĐNN tại huyện Xuân Thủy từ ngày 17-31 tháng 3 năm 1989, trong đó có cả những cán bộ từ Cà Mau, Bạc Liêu tham gia;
 - Tổ chức cho 4 cán bộ của huyện tham quan Khu Bảo tồn ĐNN Mai Pô, Hồng Kông để học hỏi kinh nghiệm áp dụng cho quản lý ĐNN của huyện, nhất là Khu Bảo tồn Xuân Thủy vào năm 1990 và năm 1995;
 - Hợp tác với Tổ chức Ecosystem Ltd., Hồng Kông tiến hành điều tra và tính số lượng cò thìa trú đông tại Xuân Thủy vụ đông xuân năm 1990;
 - Trong khuôn khổ hợp tác với AWB, PGS. TS. Lê Diên Dực đã được mời làm tư vấn cho Chương trình Hồi phục Rừng tràm của Malaixia tại huyện Kelantan, miền Đông Bắc của nước này năm 1993;
 - Điều tra tình hình săn bắn và buôn bán chim di cư tại Khu Bảo tồn Xuân Thủy năm 1992.
- + Quản lý tổng hợp vùng ven biển huyện Tiền Hải, Thái Bình do Rockefeller Brother's Fund tài trợ (1995-1998), đã thử nghiệm thành công mô hình ao tôm sinh thái và đã được Cục Sở hữu Công nghiệp của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp bằng độc quyền “Giải pháp hữu ích” năm 1999 do Lê Diên Dực đứng tên.
- + Tổ chức Hội thảo quốc gia về Ao tôm sinh thái và các hoạt động trợ giúp tại Tiền Hải, Thái Bình từ ngày 5-6 tháng 5 năm 2000 và cuốn Kỷ yếu Hội thảo do Lê Diên Dực làm chủ biên, được in tại Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường vào năm 2000.
- + Giúp vùng đệm của Khu Bảo tồn này (Hội Cựu chiến binh) nuôi ong thành công trong rừng ngập mặn và Hội Phụ nữ trồng nấm trong hộ gia đình như là những nguồn thu nhập thay thế để giảm áp lực lên tài nguyên rừng ngập mặn trong hai năm 1998 và 1999, với sự tài trợ của Rockefeller Brother's Fund Hoa Kỳ và Keidanren Fund của Nhật Bản.



- + Dự án “Nhận thức môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển cộng đồng” do OROVERDE tài trợ cũng đã được tiến hành tại vùng đệm Khu Bảo tồn Thiên nhiên ĐNN Tiên Hải năm 2001.
- + Dự án cùng tên với Dự án thực hiện tại Tiên Hải, cũng được tiến hành ở Khu Ramsar Xuân Thủy, do Đại sứ quán Hà Lan tại Hà Nội tài trợ năm 1998.
- + Cũng với mô hình đó, một dự án nuôi ong trong rừng ngập mặn đã được Trung tâm triển khai tại hai xã Giao An và Giao Thiện thuộc vùng đệm Vườn Quốc gia Xuân Thủy vào tháng 8 năm 2003.
- + Một ao tôm sinh thái cũng đã được CRES triển khai áp dụng tại xã Giao An, huyện Giao Thủy năm 2008 để hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn của Vườn Quốc gia Xuân Thủy với kinh phí của Ramsar Small Grand Fund. Bên cạnh đó là những dự án phụ trợ nhỏ như trồng nấm và du lịch sinh thái trong hộ gia đình cũng đã được thử nghiệm tại vùng đệm của Khu Bảo tồn.
- + Giúp quy hoạch (phân vùng) và xây dựng kế hoạch quản lý cho Khu Bảo vệ Thiên nhiên ĐNN Ven biển huyện Tiền Hải.
- + Giúp xây dựng tài liệu giảng dạy trong trường phổ thông của vùng đệm về rừng ngập mặn và hoạt động bảo tồn.
- + Tập huấn cho ngư dân vùng đệm về nuôi trồng thủy sản bền vững.
- + Mô hình ao tôm sinh thái và nuôi ong trong rừng ngập mặn cũng được triển khai tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào những năm 1995.
- + Trong khuôn khổ hợp tác với các trường đại học Canada (Đại học Saint Mary's, ĐH New



Brunswick, ĐH Dalhousie và 3 trường ĐH khác tại khu vực Châu Á như ĐH Nông Lâm Phúc Kiến (Trung Quốc), ĐH Visaya (Philippin) và Đại học Nông Lâm và Đại học Khoa học Huế (Việt Nam) về những dự án bảo tồn tài nguyên ven biển dựa vào cộng đồng do CIDA Canada tài trợ, CRES đã giúp xã Nam Thịnh – một xã trong vùng đệm của Khu Bảo tồn Thiên nhiên ĐNN Tiên Hải, tỉnh Thái Bình – củng cố ý thức về nuôi trồng thủy sản bền vững. Dự án, do đó đã tiến hành tập huấn về xử lý rác tại cộng đồng và cấp các dụng cụ cần thiết cho việc thu gom và xử lý rác, nhằm giảm ô nhiễm (1999-2008).

- + Tư vấn cho Chương trình Nghiên cứu quản lý tài nguyên ven biển Việt Nam của IDRC trong 2 năm 2000-2001.
- + Biên dịch bộ sách: “Các phương pháp tham gia trong quản lý tài nguyên ven biển dựa vào cộng đồng” do Viện Tái thiết Philippin xuất bản năm 1998 bằng tiếng Anh. Bản tiếng Việt do Nhà Xuất bản Nông nghiệp ấn hành năm 2000.
- + CRES tham gia dự án Dự án PIP (Principle in Practise, 2004 - 2009) với tư cách là 1 trong 7 tổ chức thành viên của dự án bao gồm ĐH Dalhousie (Canada, đơn vị chủ trì), ĐH Visaya (Philippin), ĐH Khoa học Huế, ĐH Nông-Lâm Huế, Khoa Luật, Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý (ĐHQGHN). PGS. TS. Lê Diên Dục được cử làm quản lý dự án tại CRES. Trong quá trình thực hiện dự án, 10 cán bộ của CRES được dự các lớp đào tạo về quản lý tài nguyên ven biển dựa vào cộng đồng tại Canada, Philippine và Huế. Ngoài ra, năng lực nghiên cứu của CRES cũng được tăng cường thông qua việc trang bị một số phương tiện nghiên cứu mới như máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy in, ống nhòm, máy

ảnh phục vụ công tác nghiên cứu thực địa cũng như văn phòng. Xã Nam Thịnh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình là địa bàn được hưởng lợi từ dự án nói trên với các hoạt động: 1. Tập huấn cho 30 người dân về nuôi tôm bền vững; 2. Nâng cao khả năng quản lý rác thải cho cộng đồng địa phương: Tập huấn về thu gom rác thải và làm phân rác từ rác thải để giảm ô nhiễm vùng nước ven biển; 3. Cung cấp thiết bị thu gom rác thải tại gia đình và phương tiện vận tải rác thủ công và trang phục cho “công nhân” thu gom rác; 4. Tập huấn về cách thiết kế và thực hiện một ao tôm sinh thái; 5. Kết nối giữa các trường đại học và giữa các trường đại học với cộng đồng ven biển.

- + Thực hiện đề tài “Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ ĐDSH đầm Ao Châu, Hạ Hòa, Phú Thọ dựa vào cộng đồng” (2002-2004), do GEF tại Việt Nam tài trợ.
- + Đề tài cấp ĐHQG do Trung tâm quản lý “Khảo sát, đánh giá và đề xuất kế hoạch quản lý và sử dụng bền vững đất ngập nước cửa sông ven biển huyện Nghĩa Hưng, Nam Định”.
- + Dự án Sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ thực hiện tại vùng đệm Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kê Gỗ, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, do Đại sứ quán Hà Lan tại Việt Nam tài trợ và Bộ NN&PTNT chủ trì, CRES là cơ quan phối hợp và thực hiện tại hiện trường (1998-2002).
- + Xây dựng mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, quản lý các HST nhạy cảm dựa vào cộng đồng tại đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định vào năm 2003, do Cục Bảo vệ Môi trường tài trợ.
- + Đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng tài nguyên sinh học vùng cửa sông ven biển huyện Nghĩa Hưng, Nam Định và đề xuất giải pháp phát triển bền vững dựa vào cộng đồng, do PGS. Phạm Bình Quyền và các cộng sự thực hiện năm 2004.
- + Bước đầu nghiên cứu giá trị văn hóa và lịch sử của một số vùng ĐNN khu vực Bắc Bộ, do ThS. Trương Thanh Huyền thực hiện năm 2005.
- + Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng phục vụ phát triển bền vững ở một số xã cửa sông Tiên Yên, Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh, do TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì, thực hiện năm 2006-2007.
- + Triển khai mô hình phục hồi HST rừng ngập mặn Khu Bảo tồn Thiên nhiên ĐNN Tiên Hải, Thái Bình, do PGS. TS Lê Diên Dục và các cộng sự thực hiện năm 2006-2007.

- + Vai trò giới trong khai thác và quản lý tài nguyên ven biển tại xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, do ThS. Trần Thu Phương và các cộng sự thực hiện năm 2007.
- + Đánh giá hiện trạng sử dụng đất ven biển của xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên, Quảng Ninh, do ThS. Phạm Việt Hùng và các cộng sự thực hiện năm 2008.
- + Điều tra khảo sát các HST đặc thù đang bị suy thoái của VN và đề xuất giải pháp phục hồi, áp dụng thử nghiệm tại một vùng quan trọng, do TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì, thực hiện năm 2008-2010.
- + Triển khai áp dụng và hoàn thiện mô hình quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng phục vụ phát triển bền vững vùng cửa sông ven biển xã Đông Hải, huyện Tiên Yên và xã Đại Bình, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh, do TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì, thực hiện năm 2008-2010.
- + Vai trò của phụ nữ trong sử dụng và quản lý ĐNN Hà Nội: Trường hợp của Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, do ThS. Trần Thu Phương chủ trì, thực hiện năm 2009-2010.
- + Mối liên hệ giữa khía cạnh văn hóa với việc quản lý bảo tồn và sử dụng khôn khéo ĐNN Hà Nội, do ThS. Trương Thanh Huyền chủ trì, thực hiện năm 2009-2010.
- + Khảo sát hiện trạng quản lý và sử dụng than bùn, đất than bùn nhằm đề xuất hướng giải pháp sử dụng khôn khéo: Trường hợp huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, do ThS. Hàn Tuyết Mai chủ trì, thực hiện năm 2010-2011.
- + Biên tập và xuất bản hai cuốn sách về Đất ngập nước (tập 1 và tập 2 – 2012, 2013), NXB Nông Nghiệp ấn hành do PGS.TS Lê Diên Dực Chủ biên và TS. Hoàng Văn Thắng đồng tác giả. Hai cuốn sách này đã nhận được giải thưởng Sách hay của Việt Nam năm 2013.
- + Hoàn thành tốt dự án “Bảo tồn các giá trị văn hóa phục vụ sử dụng khôn khéo và bảo tồn vùng ĐNN ven biển Tiên Hải, Thái Bình” tài trợ bởi Quỹ ĐNN Ramsar Regional Center - East Asia do ThS. Bùi Hà Ly chủ trì 2013-2014.
- + Thực hiện thành công dự án Sử dụng bền vững Rừng dừa nước Cẩm Thanh, Hội An, tỉnh Quảng Nam (Sustainable Use of Cam Thanh Nypa Wetlands, Hoi An City, Quang Nam Province) do MFF/IUCN tài trợ, TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì, giai đoạn 2013-2015.
- + Tham gia tích cực các hoạt động của tổ chức

IUCN. TS. Hoàng Văn Thắng – Giám đốc CRES, Phó Chủ tịch Hội ĐNN Việt Nam- được bầu làm Chủ tịch Ủy ban IUCN Việt Nam và là thành viên của Ủy ban IUCN ASIA.

- + Đang triển khai thực hiện đề tài “Nghiên cứu, đề xuất sử dụng các giá trị văn hóa đất ngập nước nhằm bảo tồn và sử dụng khôn khéo đất ngập nước Vân Long, tỉnh Ninh Bình”, 2015-2016, do ThS. Bùi Hà Ly chủ trì.
- + Đang triển khai thực hiện đề tài “Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học Hồ Tây, thành phố Hà Nội”, 2015-2016, do TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì thực hiện.

VÌ MỘT HÀ NỘI NGHÌN NĂM VĂN HIẾN, THÀNH PHỐ VÌ HÒA BÌNH

Đóng quân trên địa bàn Thành phố Hà Nội – một thành phố nghìn năm văn hiến, anh hùng, vì hòa bình, lại có các vùng đất ngập nước và các ao hồ rất đẹp và vô cùng quan trọng trong đời sống văn hóa, tinh thần, tâm linh, cũng như môi trường và đa dạng sinh học – Nhóm đã có những nỗ lực trong việc xây dựng và triển khai các đề tài nghiên cứu, xây dựng kế hoạch quản lý, bảo tồn đất ngập nước Hà Nội, giáo dục nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân, học sinh và cán bộ quản lý của Thành phố, ví dụ như:

- + Bảo tồn và quản lý bền vững ĐNN Hà Nội do IUCN Hà Lan, Sở KHCN&MT Hà Nội, Sở GD&ĐT Hà Nội, Trung ương Đoàn TNCS HCM, một số trường phổ thông cơ sở tại Hà Nội phối hợp thực hiện vào năm 2001-2003, do TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì.
- + Đề tài: Ứng dụng mô hình toán sinh thái vào quản lý và bảo tồn ĐNN Hà Nội, do ThS. Phạm Việt Hùng chủ trì, phối hợp với Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN thực hiện năm 2003-2004.
- + Đề tài: Khảo sát, cập nhật đánh giá chức năng và giá trị của một số vùng ĐNN Hà Nội, do ThS. Trương Thanh Huyền chủ trì, phối hợp với Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN thực hiện năm 2003-2004.
- + Đề tài: Vai trò của phụ nữ trong sử dụng và quản lý ĐNN Hà Nội, do ThS. Trần Thu Phương thực hiện năm 2009-2010.
- + Đề tài: Vai trò của ĐNN đối với văn hóa Hà Nội, do ThS. Trương Thanh Huyền thực hiện năm 2009-2010.

- + Đề tài: Nghiên cứu đề xuất quản lý ĐNN đô thị Hà Nội theo hướng đa mục tiêu: Nghiên cứu phục hồi và sử dụng công cộng, do ThS. Vũ Minh Hoa thực hiện năm 2009-2010.
- + Đề tài: ĐNN Hà Nội trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố Hà Nội, do TS. Hoàng Văn Thắng và GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc đồng chủ trì, phối hợp với Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển thực hiện năm 2009-2010.
- + Đề tài: Nghiên cứu đánh giá các giải pháp về thể chế, chính sách đối với việc sử dụng và quản lý bền vững ĐNN Hà Nội, do ThS. Đặng Anh Tuấn thực hiện năm 2009-2010.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ KẾ CẠN VÀ NĂNG LỰC

Từ những ngày đầu lặn lội ở đồng bằng sông Cửu Long và vùng ven biển cửa sông Hồng với ba thành viên, đến nay, Nhóm Nghiên cứu về ĐNN đã có 7 thành viên, trong đó có 1 PGS, 3 TS và 3 thạc sĩ, chưa kể các cộng tác viên ở nhiều bộ, ngành và địa phương khác nhau. Các thành viên của nhóm WWWG không chỉ tự nâng cao trình độ chuyên môn của mình, mà còn tham gia giảng dạy về quản lý ĐNN trong những khóa đào tạo sau đại học, thạc sĩ của CRES và Khoa Môi trường, Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN. Đến nay, đã đào tạo được khoảng 6 cử nhân, 8 cao học và 3 tiến sĩ về ĐNN hoặc liên quan đến ĐNN, trong đó phải kể đến các TS. Nguyễn Xuân Dũng, TS. Hoàng Thị Thanh Nhàn và TS. Kim Thị Thúy Ngọc và đang đào tạo trên 10 cao học và 2 NCS (Ngân Ngọc Vỹ và Hà Văn Định). Ngoài ra, còn đào tạo nhiều cán bộ tham gia lớp ngắn hạn (3 tháng, 6 tháng, 1 năm về quản lý và sử dụng khôn khéo ĐNN) và hàng trăm cán bộ và nhân dân tại nhiều địa phương.



Bên cạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, Trung tâm CRES nói chung, WWWG nói riêng đã tham gia tích cực vào việc viết Dự thảo Chiến lược ĐNN Việt Nam và Chương trình ĐNN Việt Nam dưới sự chủ trì của Cục Bảo vệ Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường; tham gia soạn thảo Nghị định 109 và Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 109/ 2003/ NĐ-CP về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng ĐNN thông qua Cục Bảo vệ Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường; và:

- + Góp phần xây dựng các mô hình sử dụng khôn khéo và phát triển bền vững ĐNN tại những vùng ĐNN quan trọng bên cạnh mô hình ao tôm sinh thái và nuôi ong trong rừng ngập mặn.
- + Góp phần xây dựng các chính sách khuyến khích người dân tham gia bảo tồn và phát triển bền vững các vùng ĐNN.
- + Góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu về các vùng ĐNN quan trọng.
- + Góp phần quy hoạch phân vùng ĐNN ven biển cũng như nội địa để quản lý và sử dụng bền vững trên cơ sở dựa vào cộng đồng.
- + Góp phần nâng cao nhận thức và năng lực cho những bên liên quan đến ĐNN để đẩy mạnh quản lý liên ngành, sử dụng bền vững và bảo tồn những hệ sinh thái ĐNN mang tầm quan trọng quốc tế.
- + Góp phần khoanh định thêm những vùng ĐNN có tầm quan trọng quốc tế của Việt Nam thành các Khu RAMSAR (25 vùng đến năm 2010, theo Cục Bảo vệ Môi trường).
- + Góp phần xây dựng, đệ trình hồ sơ Vườn di sản châu Á cho một số Vườn Quốc gia, Khu Bảo tồn bảo tồn đất ngập nước hoặc liên quan đến đất ngập nước.
- + Góp phần nghiên cứu tìm phương pháp thích hợp cho hồi phục những vùng ĐNN đã bị suy thoái, đặc biệt là rừng ngập mặn sau nuôi tôm, v.v....

Tháng 5 năm 2012, Hội Đất ngập nước Việt Nam đã được thành lập trực thuộc Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt nam (VACNE) với 81 thành viên ban đầu do PGS.TS Lê Diên Dục làm Chủ tịch và TS. Hoàng Văn Thắng làm Phó Chủ tịch thường trực của Hội. Hội được thành lập với mục đích phát triển mạng lưới và tăng cường mối liên kết của các nhà nghiên cứu ĐNN thuộc ba miền của Việt Nam trong mối liên kết nghiên cứu bảo tồn ĐNN với các tổ chức quốc tế như IUCN, RAMSAR...

ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

Là một đất nước có bờ biển dài trên 3.000 km, có nhiều sông suối, ao, hồ, đầm lầy, ruộng lúa... ĐNN Việt Nam rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, cũng như nhiều nước trên thế giới, các hệ sinh thái rất quan trọng này đang bị suy giảm một cách nghiêm trọng cả về chất và lượng do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có việc hiểu biết về giá trị cũng như các chức năng, dịch vụ của chúng còn hạn chế, các cơ sở dữ liệu dùng cho công tác quy hoạch và quản lý còn nhiều bất cập. Thêm vào đó, năng lực để nghiên cứu và quản lý, bảo tồn của Việt Nam cũng còn nhiều hạn chế. Để góp phần vào việc tăng cường công tác quản lý bảo tồn và sử dụng khôn khéo các vùng đất ngập nước, nghiên cứu và quan trắc các loài chim di cư, trong những năm tới, Nhóm Nghiên cứu ĐNN của CRES sẽ tập trung vào các hoạt động sau:

- + Góp phần nghiên cứu các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái của ĐNN trong bối cảnh biến đổi khí hậu.
- + Góp phần tiếp tục kiểm kê ĐNN, nhất là vùng miền Trung, Tây Nguyên và dọc các hệ thống sông miền Trung, nhằm sử dụng chúng vào việc giảm lũ hạ lưu, bảo vệ ĐDSH.
- + Duy trì hoạt động đeo vòng chim trong khuôn khổ các hợp tác quốc tế và các hoạt động của Việt Nam.
- + Góp phần đánh giá tác động môi trường, kinh tế, xã hội của dự án nuôi tôm công nghiệp trong rừng ngập mặn và trên cát ven biển, làm cơ sở cho Nhà nước quyết định phát triển tương lai

của ngành kinh tế quan trọng này một cách hợp lý về môi trường và hiệu quả kinh tế.

- + Tiếp tục tham gia đào tạo cán bộ chuyên ngành ĐNN để cung cấp cho các cơ quan, đơn vị liên quan đến sử dụng và quản lý ĐNN trên phạm vi cả nước.
- + củng cố và tăng cường hoạt động cũng như vai trò của Hội ĐNNVN trong nghiên cứu triển khai, đào tạo cũng như tư vấn và xây dựng chính sách về ĐNN của Việt Nam.
- + Xuất bản thêm một cuốn sách chuyên khảo về đất ngập nước – Quản lý và bảo tồn.
- + Góp phần bảo tồn và quản lý bền vững ĐNN Hà Nội.
- + Tiếp tục đào tạo các cán bộ chuyên ngành về đất ngập nước cho các cơ quan quản lý Nhà nước, các trường đại học và các viện nghiên cứu.

THAY CHO LỜI KẾT

Trên đây là một số hoạt động trong lĩnh vực ĐNN của WWF nói riêng và của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội nói chung. Rất mong được các đồng nghiệp, các cá nhân và cơ quan, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các địa phương và cộng đồng có liên quan chia sẻ, hỗ trợ và hợp tác, để những hoạt động này của CRES đạt được những kết quả to lớn hơn nữa trong thời gian tới.





TIÊN PHONG TRONG NGHIÊN CỨU MIỀN NÚI HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

GS.TS. Lê Trọng Cúc

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường,
ĐHQGHN



Ngay từ những ngày đầu thành lập (năm 1985), Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã tham gia vào các hoạt động nghiên cứu về miền núi và trung du phía Bắc. Trung tâm đã tham gia Chương trình cấp Nhà nước “Nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường” (5202) với nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng các hệ sinh thái mới có năng suất sinh học cao ở vùng trung du Việt Nam”. Trong chương trình này, Trung tâm đã tập trung nghiên cứu các mô hình nông lâm kết hợp - RVAC, chủ yếu là ở Vĩnh Phú (cũ). Nghiên cứu của Trung tâm cho thấy, cấu trúc của mô hình RVAC ở vùng đồi thì rừng thường được bố trí ở phần đỉnh đồi. Nằm giữa rừng và vườn nhà ở chân đồi là sườn đồi, thường được bố trí cây công nghiệp như chè hay cây nông nghiệp như lúa, ngô, sắn, v.v... theo đường đồng mức. Chân đồi thường phát triển vườn nhà theo mô hình VAC. Vườn nhà thường hỗn hợp nhiều loài cây ăn quả như mít, vải, nhãn, hồng, bưởi, v.v..., các loại rau đậu, chuối, ao nuôi cá, chuồng nuôi lợn, trâu bò. Cuối cùng là lũy tre bao đồi, bảo vệ đất chống xói mòn, bồi lắng hồ đập, ruộng lúa trong thung lũng, vừa cho nguyên liệu làm đồ mỹ nghệ. Mô hình RVAC rất hứa hẹn cho vùng đồi núi, trong đó trồng rừng hỗn loài, tái sinh rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn trên đỉnh đồi là giá trị nhất đối với môi trường. Rừng hỗn loài, phức tạp, rất thích hợp về mặt sinh thái, điều hòa chế độ thủy văn. Nghiên cứu này của Trung tâm trong khuôn khổ Chương trình 5202, đã góp phần xây dựng chính sách của Nhà nước nhằm giảm xói mòn, tăng cường phòng hộ, cung cấp củi đun, nguyên liệu giấy và xây dựng, v.v...

Năm 1989, Trung tâm đã tham gia Mạng lưới Nghiên cứu Hệ sinh thái Nông nghiệp các Trường Đại học Đông Nam Á - SUAN (Southeast Asian Universities

Agroecosystem Network). Các thành viên khác của Mạng lưới là các trường đại học nổi tiếng của Đông Nam Á như Đại học Losbanos (Philippin), Đại học Chiangmai and Khonkaen (Thái Lan), Đại học Jakarta (Indônêxia). Mạng lưới còn có sự tham gia của Trung tâm Đông - Tây (EWC) và Trường Đại học Berkeley của Hoa Kỳ.

Trong thời gian này, Trung tâm đã hợp tác với Mạng lưới SUAN tổ chức hàng loạt hội thảo khoa học về “Nhận thức về sinh thái nhân văn” và tổ chức các nghiên cứu thực địa sử dụng phương pháp tiếp cận sinh thái nhân văn bước đầu ở 3 huyện của tỉnh Vĩnh Phú. Sản phẩm của nghiên cứu này đã được xuất bản bằng 2 thứ tiếng Việt và Anh “Hệ sinh thái nông nghiệp trung du miền Bắc Việt Nam” (Agroecosystems of the Midlands of Northern Vietnam: A Report on a Preliminary Human Ecology Field Study of Three District in Vinhphu Province). Có thể nói đây chính là thời kỳ phát triển và lớn mạnh của Trung tâm về nghiên cứu miền núi và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu miền núi.

Nhận thấy tầm quan trọng của hướng nghiên cứu về miền núi, năm 1992, Trung tâm đã quyết định chính thức thành lập Tổ Công tác Miền núi (UWG). Sau khi thành lập, Tổ Công tác Miền núi đã tập trung vào các nghiên cứu sinh thái nhân văn và xu hướng phát triển vùng núi phía Bắc Việt Nam. Đến năm 1994, Tổ Công tác Miền núi đã mở rộng hợp tác với các trường đại học như Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Đại học Nông nghiệp I, Đại học Vinh và Đại học Nông Lâm Huế thành Mạng lưới Công tác Miền núi (UWN). Mạng lưới công tác miền núi đã tiến hành một loạt nghiên cứu toàn diện trên khắp vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ của Việt Nam.

Có thể kể đến các chương trình nghiên cứu dài hạn do Tổ Công tác tiến hành từ 1994-2001 như sau:

- Chương trình nghiên cứu “Tác động của cải cách kinh tế lên phục hồi sinh thái ở trung du miền Bắc Việt Nam” tại 3 huyện Thanh Hòa, Đoàn Hùng và Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phú (cũ): Nghiên cứu này thực hiện trong khuôn khổ hợp tác với Mạng lưới SUAN. Sản phẩm chương trình nghiên cứu này được Trung tâm Đông - Tây (Honolulu, Hoa Kỳ) xuất bản bằng tiếng Anh “Red Book, Green Hills: The Impact of Economic Reform on Restoration Ecology in the Midlands of Northern Vietnam”. Các hoạt động khác được thể hiện trong các ấn phẩm như: Nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường Bình Trị Thiên, 1996; Tiếp cận sinh thái nhân văn và phát triển bền vững miền núi Tây Nam Nghệ An, 1997; Sử dụng GIS và viễn thám trong đánh

giá hiện trạng sử dụng đất ở huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình, miền núi phía Bắc Việt Nam dưới quan điểm sinh thái và phát triển bền vững của người dân địa phương, 1995-1996; và Tác động của cải cách kinh tế lên thực tiễn sử dụng đất của nông dân trong ba bản người Thái ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, 1997-1999.

- Chương trình “Nghiên cứu những xu hướng phát triển ở vùng núi phía Bắc Việt Nam”: Đây là nghiên cứu tư vấn cho Bộ Nông nghiệp, được tiến hành theo hợp đồng với Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế của Thụy Điển (SIDA). Tổ Công tác Miền núi đã phối hợp với Chương trình Môi trường của Trung tâm Đông - Tây tiến hành nghiên cứu này. Mục đích của nghiên cứu này là tạo ra sự hiểu biết tốt hơn về quá trình phát triển ở vùng núi rộng lớn phía Bắc Việt Nam, nhằm phân tích các yếu tố và cơ chế ở các cấp độ khác nhau từ hộ gia đình đến quốc gia đã ảnh hưởng tới việc quản lý tài nguyên như thế nào; đặc biệt là nhằm cung cấp sự hiểu biết tốt hơn về các động thái phát triển của các cộng đồng dân tộc vùng núi ở 5 tỉnh có chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam – Thụy Điển (FCP): Vĩnh Phú (cũ), Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang và Hà Giang. Sản phẩm của nghiên cứu này là cuốn sách “Development Trends in Vietnam’s Northern Mountain Region: An Overview and Analysis” do Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia phát hành vào năm 1997.
- Chương trình nghiên cứu “Quan trắc xu hướng phát triển vùng núi phía Bắc Việt Nam” (Project on Monitoring Development Trends in Vietnam’s Mountain Region): Nghiên cứu này do Tổ Công

tác Miền núi thực hiện theo thỏa thuận giữa Chương trình phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam – Thụy Điển (MRDP) và Cơ quan Hợp tác Quốc tế của Thụy Điển (SIDA), với sự cố vấn kỹ thuật của Trung tâm Đông - Tây. Mục đích của nghiên cứu này là thu thập số liệu về điều kiện kinh tế, xã hội và môi trường ở các cộng đồng mẫu được lựa chọn, đặc trưng cho sự đa dạng sinh thái nhân văn của vùng núi phía Bắc Việt Nam. Những số liệu này được thu thập và xây dựng, làm cơ sở cho việc theo dõi sự thay đổi của các cộng đồng trong tương lai, nhờ đó có thể kiểm soát được những xu hướng phát triển trong nhiều năm tiếp theo. Đây là nghiên cứu mang tính chiến lược với dụng ý để hiểu biết hơn về tình hình phát triển chung ở vùng núi phía Bắc. Sản phẩm của nghiên cứu này là hai cuốn sách: “Vùng núi phía Bắc Việt Nam, một số vấn đề về môi trường và kinh tế-xã hội” và “Bright Peaks, Dark Valleys: A Comparative of Environmental and Social Conditions and Development Trends in Five Communities in Vietnam’s Northern Mountain Region” do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội phát hành năm 2001.

Cuối năm 2002, Tổ Công tác Miền núi đã tập hợp các nghiên cứu của nhóm, cùng với sự đóng góp của hơn 30 nhà khoa học và quản lý thuộc nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường trong cuốn “Phát triển bền vững miền núi Việt Nam: 10 năm nhìn lại và những vấn đề đặt ra” do Nhà Xuất bản Nông nghiệp phát hành.

Sau đó là thời kỳ các nghiên cứu về miền núi “chuyển vùng” vào miền Trung, mặc dù vẫn có một số nghiên cứu thực hiện tại vùng núi phía Bắc. Trong những năm gần đây, các hoạt động nghiên cứu miền núi chuyển sang hướng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào các hoạt động phát triển tại chỗ, như nâng cao năng lực quản lý và bảo tồn của khu bảo tồn thiên nhiên, đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương nhằm phục hồi hệ sinh thái và sử dụng đất rừng và các vùng đất bị suy thoái do chất độc trong chiến tranh. Chương trình “Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững tài nguyên miền núi” tại các vùng chịu ảnh hưởng của chất độc hóa học tại miền Trung Việt Nam là chương trình dài hạn do Quỹ Ford tài trợ.

Nhìn lại 30 năm nghiên cứu phát triển miền núi Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường và Tổ Công tác Miền núi đã trải qua những giai đoạn hoạt động với những thay đổi trong



mục tiêu, phương hướng và khu vực nghiên cứu, nhằm đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của đất nước. Bắt đầu bằng những đề tài mang tính nhiệm vụ riêng lẻ, nằm trong các chương trình cấp Nhà nước, rồi từ đó xây dựng nên một tổ công tác nghiên cứu miền núi, hợp tác với nhiều tổ chức nghiên cứu trong nước và mở rộng hợp tác với các tổ chức nghiên cứu nước ngoài, thực hiện các đề tài có định hướng và có lý luận khoa học mang tính liên ngành, hệ thống, cơ bản và hàn lâm hơn, trên cơ sở lý thuyết sinh thái nhân văn. Kết quả nghiên cứu đã mang lại những hiểu biết về miền núi sâu sắc hơn, tường tận hơn và toàn diện hơn.

Tựu trung lại, thay đổi cơ cấu nhận thức là vấn đề cốt yếu. Để giải quyết vấn đề này, cần phải thiết lập một cơ sở có quy mô lớn hơn và có tầm ảnh hưởng rộng hơn ở cấp “viện”. Cho đến nay, chúng ta chưa có một viện hay một cơ quan nghiên cứu tương ứng về miền núi. Các chủ trương, chính sách có nhiều, các dự án phát triển miền núi có nhiều, các chương trình hỗ trợ miền núi có nhiều, nhưng hầu như không có một cơ sở nghiên cứu chính thống nào cho miền núi, không có một chương trình nghiên cứu cơ bản, dài hạn nào cho miền núi có tính hệ thống, khâu nối các vấn đề lại với nhau để đề ra một chiến lược phát triển miền núi đồng bộ. Bởi vì, các nghiên cứu chuyên ngành chỉ mới thấy được triệu chứng của vấn đề, mà nghiên cứu các mối tương tác giữa các yếu tố mới thấy được xu hướng và tốc độ phát triển của toàn bộ hệ thống. Vì vậy, cần một cơ sở nghiên cứu có tính hệ thống cho miền núi. Không có các nghiên cứu này thì sẽ phát triển một cách mò mẫm, đơ lè, áp dụng một cách mơ hồ, ít có cơ sở khoa học. Việc nâng cấp Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - ĐHQGHN thành Viện Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, đơn vị nghiên cứu thành viên của ĐHQGHN theo chủ trương của lãnh đạo ĐHQGHN hy vọng sẽ tạo tiền đề giải quyết tốt một cách tổng thể vấn đề này.



BAN NGHIÊN CỨU HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN

20 Năm MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

GS.TSKH. **Phan Nguyên Hồng**
TS. **Nguyễn Thị Kim Cúc**
CN. **Phan Hồng Anh**





Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn - Mangrove Ecosystems Research Division (MERD) thuộc Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Centre for Natural Resources and Environment Studies (CRES), Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU). Tiền thân MERD là Trung tâm Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn (MERC) trực thuộc trường Đại học Sư phạm Hà Nội (1987-1995). Từ 1995, khi trường Đại học Sư phạm Hà Nội sáp nhập vào Đại học Quốc gia Hà Nội, thì MERC sáp nhập với Trung tâm Tài nguyên và Môi trường thuộc trường Đại học Tổng Hợp thành Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES) và MERC thành Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn (MERD). Sau khi Đại học Sư phạm Hà Nội tách khỏi Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2008, trường Đại học Sư phạm thành lập lại MERC thì một số cán bộ đang giảng dạy của Đại học Sư phạm Hà Nội là thành viên của MERC. Còn các cán bộ của MERD/CRES, trong đó có nhiều tiến sĩ được CRES gửi đi đào tạo tại Nhật ở lại làm cán bộ của Ban MERD.

Trong thời gian từ 1995 đến nay, MERD đã tham gia nhiều hoạt động nghiên cứu, đào tạo của CRES và đặc biệt giao cho một số cán bộ trẻ chủ trì các đề tài cấp Trung tâm và cấp Đại học Quốc gia Hà Nội; cử cán bộ đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài và đi dự các lớp tập huấn trung hạn, ngắn hạn về bảo vệ, quản lý môi trường ven biển và RNM tại một số nước như: Mỹ, Anh, Thụy Điển, Canada, Ấn Độ, Malaysia, Trung Quốc (Hong Kông)... tham gia công tác đối ngoại, tham gia Hội đồng Khoa học, Đào tạo của CRES. Dưới đây là các lĩnh vực hoạt động chính của MERD.

TỔ CHỨC

Từ khi thành lập cho đến hết năm 2009, MERD hoạt động độc lập về nghiên cứu khoa học (NCKH), độc lập về hành chính, cơ sở vật chất và có văn phòng tại 22 Lương Sử B, phường Văn Chương, quận Đống Đa thành phố Hà Nội.

Từ năm 2010 được sự hỗ trợ của CRES, MERD đã chuyển về địa điểm mới là: Tầng 1, Nhà G6, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 144 đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ

- Ban lãnh đạo:
 - + PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Cúc (Trưởng Ban, từ 2009 - 2012)
 - + CN. Phan Hồng Anh (Phó Trưởng Ban, từ 2009 - 2012; phụ trách Ban từ 2012 đến nay)
 - + GS. TSKH. NGND. Phan Nguyên Hồng (Cố vấn Khoa học)
- Cán bộ:
 - 1 Phó giáo sư, 3 Tiến sĩ, 2 Thạc sĩ, 5 Cử nhân

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

PHỤC HỒI HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN

Trong những năm qua, nhờ sự giúp đỡ của Tổ chức Phục hồi Rừng ngập mặn Nhật Bản (ACTMANG), MERD đã trực tiếp phối hợp với các tỉnh ven biển trồng và phục hồi được trên 3.368 ha rừng ngập mặn (RNM) cải tạo môi trường và phòng tránh thiên tai cho nhân dân các xã vùng ven biển tại các tỉnh ven biển.



Ngoài ra, từ năm 1994 - 2013, cán bộ MERD đã tư vấn và giúp đỡ về kỹ thuật cho hội Chữ thập đỏ Việt Nam trồng mới và trồng dặm được hơn 20.000ha rừng ngập mặn phòng ngừa thảm họa tại 8 tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh do hội Chữ thập đỏ Đan Mạch và hội Chữ thập đỏ Nhật Bản tài trợ thông qua Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế tại Việt Nam. Từ năm 2009 đến nay, cán bộ MERD đã tư vấn và giúp đỡ về kỹ thuật cho Quỹ Hỗ trợ Phòng tránh thiên tai miền Trung trồng và phục hồi thành công 106 ha rừng ngập mặn tại khu vực bãi ngang, cốt bãi thấp và thường xuyên chịu sóng gió lớn tại huyện

Bảng 1: Diện tích rừng ngập mặn do Tổ chức ACTMANG tài trợ kinh phí và MERD trực tiếp giúp đỡ các địa phương ven biển Việt Nam trồng và phục hồi

Tỉnh	Thời gian	Diện tích (ha)	Loài cây
Quảng Ninh	2000–2015	985,6	Trồng trang, đước vôi, vẹt dù và bần chua
Hải Phòng	1996–2009	1.309,5	Bần chua
Thái Bình	1995–2007	468,0	Bần chua, trang, đước vôi và vẹt dù
Ninh Bình	2009–2010	60,0	Bần chua và trang
Thanh Hóa	1999–2000;		
2013-2014	199,8	Trang, đước vôi và bần chua	
Thừa Thiên Huế	1999	1	Đước vôi
Bình Định	2004–2008	80,5	Mắm trắng, đước vôi, đước đôi, bần trắng
Khánh Hòa	2007-2008	5,0	Đước bộp, đước đôi
Ninh Thuận	2002–2014	74,5	Đước vôi, mắm biển
Bến Tre	1999–2000	44,0	Trang, đước vôi
Sóc Trăng	2004–2008	140,8	Bần chua
Tổng cộng		3.368,7	

Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa bằng phương pháp và kỹ thuật mới với tỷ lệ cây sống đạt trên 95%, điều mà trước đây đã có nhiều dự án và chương trình của Nhà nước và các tổ chức NGO đã triển khai nhưng chưa thành công.

THỰC HIỆN CÁC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Các thành viên của MERD đã chủ trì và tham gia rất nhiều dự án, đề tài nghiên cứu các cấp trong và ngoài nước cụ thể như: chủ trì 01 đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu tính đa dạng sinh học vùng RNM ven biển Việt Nam” thuộc Chương trình Nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên (GS. Phan Nguyên Hồng là chủ nhiệm) và 03 đề tài cấp Bộ, chủ trì 14 đề tài hợp tác quốc tế và đồng thực hiện 02 đề tài cấp Bộ.

TỔ CHỨC CÁC HỘI THẢO QUỐC GIA VÀ QUỐC TẾ

Ngay từ khi thành lập, MERD tiếp tục phương châm hoạt động trước đây của MERC là tập hợp các kết quả nghiên cứu về Hệ sinh thái Rừng ngập mặn ở các cơ quan, cá nhân qua các hội thảo quốc gia và xuất bản các tuyển tập bằng tiếng Việt và tiếng Anh để có tài liệu tham khảo cho sinh viên sau đại học. Ngoài ra đây là cơ hội trao đổi sách, tài liệu và

giới thiệu với các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học nước ngoài về những vấn đề Việt Nam đã, đang nghiên cứu liên quan đến Hệ sinh thái Rừng ngập mặn và Đất ngập nước ven biển, đây cũng là cơ hội để trao đổi quốc tế về những lĩnh vực nghiên cứu này. Tổng cộng đã có 08 Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia và Quốc tế đã được xuất bản bằng tiếng Anh. Mục tiêu khác không kém phần quan trọng là tạo điều kiện cho các tác giả có địa chỉ công bố các công trình và có thể sử dụng trong đào tạo sau đại học.

*) Các sách đã xuất bản, các tài liệu bài báo khoa học đã công bố trong và ngoài nước

MERD cũng rất quan tâm đến việc xuất bản các loại sách phổ biến kiến thức cho cộng đồng ven biển dưới dạng sách tranh ít chữ cho nông dân, ngư dân, sách tranh màu cho giáo viên làm đồ dùng dạy học và sách ngoại khóa cho học sinh.

Về sách tham khảo cho sinh viên, cán bộ nghiên cứu, MERD đã biên tập các kết quả nghiên cứu từ các luận án tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, từ các đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ với sự đóng góp của nhiều tác giả ở các chuyên đề khác nhau như:

- + Rừng ngập mặn dễ trồng mà nhiều lợi (sách tranh) - tái bản lần thứ 5, 2014. Phan Nguyên Hồng, Nguyễn Hoàng Trí, Phan Hồng Anh.

- + Rừng ngập mặn của chúng ta – tái bản lần thứ 3, 2003. Phan Nguyên Hồng (Chủ biên).
- + Rừng ngập mặn Việt Nam, 1999. Phan Nguyên Hồng (chủ biên).
- + Sinh Thái học rừng ngập mặn, 1999. Nguyễn Hoàng Trí.
- + Thực vật Rừng ngập mặn Việt Nam, 1996. Nguyễn Hoàng Trí.
- + Hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng ven biển đồng bằng sông Hồng: Đa dạng sinh học, sinh thái học, kinh tế – xã hội – quản lý và giáo dục. Phan Nguyên Hồng (chủ biên).
- + Vai trò của hệ sinh thái rừng ngập mặn và rạn san hô trong việc giảm nhẹ thiên tai và cải thiện cuộc sống ở vùng ven biển. Phan Nguyên Hồng, Lê Xuân Tuấn, Vũ Thục Hiền (biên tập).
- + Can Gio Mangrove Biosphere Reserve Ho Chi Minh City. Nguyen Hoang Tri, Phan Nguyen Hong, Le Trong Cuc (eds.).
- + Mangrove ecosystem in the Red River Coastal Zone: Biodiversity, Eology, Scio-economics, Management and Education. Phan Nguyen Hong (ed.) Sponsored by Nagao Natural Environment Foudation (NEF), Japan.
- + The role of mangrove and coral reef ecosystems in natural disaster and coastal life improvement. Phan Nguyen Hong (ed.).
- + Vai trò của hệ sinh thái RNM và rạn san hô trong việc giảm nhẹ thiên tai và cuộc sống ở vùng ven biển. Phan Nguyên Hồng, Lê Xuân Tuấn, Vũ Thục Hiền (chủ biên).
- + Là đồng tác giả của 8 cuốn sách xuất bản ở nước ngoài bằng tiếng Anh (FAO, ISME/ITTO, UNESCO, JRC/IGES, Đại học Kyoto, GENDASTOSHO, United Union University
- + Hơn 80 bài báo, báo cáo khoa học tại các hội thảo quốc gia, khu vực và quốc tế.

***) Đào tạo các cán bộ khoa học có trình độ trên đại học**

MERD đã phối hợp với Khoa Sinh học, Đại học Sư phạm Hà Nội đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ sinh học liên quan đến Hệ sinh thái Rừng ngập mặn với mã số Sinh thái học. Đã đào tạo được 10 thạc sĩ, 8 tiến sĩ Sinh thái học rừng ngập mặn. Một số đã trở thành cán bộ chủ chốt của các trường đại học, viện và các trung tâm nghiên cứu.

Bên cạnh đó, MERD đã gửi được 10 cán bộ đi đào tạo tiến sĩ ở Nhật (1996 - 2007), 2 thạc sĩ ở Anh và

Australia, 17 lượt cán bộ đi tập huấn ở một số nước (Australia, Ấn Độ, Canada, Thụy Điển, Thái Lan, Hồng Kông, Malaixia...) từ 2 tuần đến 6 tháng.

***) Các hoạt động khác**

- + Giúp đỡ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ (NGOs) xây dựng, thẩm định các dự án về trồng rừng chắn sóng, nuôi tôm trong vùng rừng ngập mặn và chỉ đạo kỹ thuật cho các địa phương trong việc thực thi dự án trên cơ sở sử dụng bền vững tài nguyên và môi trường ven biển từ 1992 đến nay.
- + Hợp tác và tiếp nhận sự giúp đỡ về kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, các nước, các nhà khoa học có hảo tâm để nghiên cứu các đề án liên quan về sử dụng bền vững tài nguyên và môi trường ven biển nhằm cải thiện và nâng cao tình hình kinh tế xã hội ở các địa phương.
- + Xuất bản các tài liệu phổ biến kiến thức, giáo dục về sử dụng bền vững và bảo vệ môi trường ven biển chủ yếu là vùng có rừng ngập mặn để phát cho nhân dân các địa phương trên.
- + Tổ chức các lớp tập huấn cho nông dân, ngư dân, giáo viên, học sinh về lợi ích của rừng ngập mặn, kỹ thuật nuôi hải sản và trồng, làm vườn ươm rừng ngập mặn ở các địa phương (với sự tài trợ về kinh phí của các tổ chức phi chính phủ). (Từ 1995 đến 2003 đã tổ chức được 200 lớp ở các xã thuộc 10 tỉnh ven biển có rừng ngập mặn).
- + Tổ chức 07 chương trình “Giao lưu trồng rừng ngập mặn với Công ty Bảo hiểm hàng hải và hỏa hoạn (Tokio Marine & Nichido) và Tổ chức ACTMANG (Nhật Bản)” tại các xã ven biển Hải Phòng (1998, 2005), Thanh Hóa (2000), Khánh Hòa (2008) và Quảng Ninh (2010; 2013; 2015); 01 chương trình “Giao lưu trồng rừng ngập mặn” giữa cán bộ và nhân viên ngân hàng Hana Bank, Hàn Quốc với Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Tiển Hải và nhân dân xã Nam Phú, huyện Tiển Hải, Thái Bình (2012).
- + Tiến hành các hoạt động tuyên truyền giáo dục về lợi ích của rừng ngập mặn cho cộng đồng và trường học các vùng ven biển có rừng ngập mặn. (Đã tổ chức được 16 đợt triển lãm di động “Vi màu xanh rừng ngập mặn” ở các xã ven biển; tổ chức cho học sinh giỏi, học sinh con gia đình chính sách học khá của 14 trường ven biển Thái Bình, Nam Định đến tham quan học tập ở Trạm Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn ở Nam Định do MERD xây dựng).
- + Tháng 12 - 2009 nhờ sự hỗ trợ về kinh phí từ giải thưởng quốc tế Cosmos (ICP) 2008 của GS.

Phan Nguyên Hồng, MERD đã tổ chức một đợt tuyên truyền giáo dục và thi tìm hiểu về phục hồi rừng ngập mặn có hiệu quả cao tại xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- + Một số cán bộ chủ chốt đã tham gia các hội đồng thẩm định, hội đồng nghiệm thu các đề án, đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ về đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, sử dụng bền vững đất ngập nước, đánh giá tác động môi trường, tham gia xây dựng các chính sách, chiến lược, nghị định về sử dụng bền vững đất ngập nước, xây dựng Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi, dự thảo Luật Đa dạng sinh học, Hội đồng tư vấn về chất độc hoá học do Ban Chỉ đạo Văn phòng 33 chủ trì, tham gia tích cực việc chuẩn bị để UNESCO/MAB công nhận một số khu sinh quyển ở Việt Nam.
- + Từ ngày 26-27/06/2015 nhân dịp Kỷ niệm 20 năm thành lập, Ban MERD phối hợp với Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cầm Giờ tổ chức Hội thảo Khoa học Quốc gia lần thứ hai về “Phục hồi và Quản lý Hệ sinh thái Rừng ngập mặn trong bối cảnh Biến đổi khí hậu” tại huyện Cầm Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020

- + Phối hợp với các cơ quan nghiên cứu trong, ngoài nước, các địa phương (Tổng Cục Lâm nghiệp, Tổng Cục Môi Trường, Viện Nghiên cứu lâm nghiệp, Viện Nghiên cứu hải sản, Cục Khai thác và Bảo vệ

nguồn lợi Thủy sản, các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở Tài nguyên Môi trường, các Vườn Quốc gia, Khu Bảo tồn thiên nhiên ven biển,...) để nghiên cứu về đa dạng sinh học trong hệ sinh thái RNM, phục hồi RNM đặc biệt là các rừng phòng hộ, sử dụng bền vững tài nguyên, môi trường vùng ven biển có rừng ngập mặn, lượng hóa kinh tế Hệ sinh thái Rừng ngập mặn; vai trò của RNM ứng phó với biến đổi khí hậu;

- + Tiếp tục giúp đỡ các địa phương ven biển về quy hoạch và kỹ thuật phục hồi, quản lý RNM và đặc biệt là việc thực hiện phục hồi RNM trong các ao tôm suy thoái hoang hóa và trồng, phục hồi RNM bằng công nghệ và kỹ thuật cao tại các vùng ven biển miền thường xuyên bị sạt lở đe dọa do lũ, bão.
- + Tư vấn, hướng dẫn về kỹ thuật cho các địa phương phát triển vườn ươm cây ngập mặn phục vụ cho việc trồng và phục hồi RNM tại các địa phương ven biển.
- + Mở rộng các hoạt động tuyên truyền, giáo dục và tập huấn cho cán bộ các địa phương về lợi ích rừng ngập mặn ở địa phương đang có sự tranh chấp giữa nghề nuôi tôm và bảo vệ sử dụng bền vững Hệ sinh thái Rừng ngập mặn khi các địa phương hoặc các cơ quan tài trợ có yêu cầu.
- + Tiếp tục xây dựng tài liệu tuyên truyền, xuất bản sách và tuyển tập hội thảo về Hệ sinh thái Rừng ngập mặn.



CHẶNG ĐƯỜNG HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU CỦA TÔI TẠI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - CRES

Hoàng Huy Tuấn

Trường Đại học Nông Lâm Huế

Tháng 9 năm 1996, tôi tốt nghiệp và được giữ lại Trường Đại học Nông Lâm Huế với vai trò là giảng viên của Trường. Ở lại Trường chưa đầy 6 tháng, tôi may mắn được nhà trường cử tham dự lớp học “Nâng cao nhận thức về phát triển bền vững miền núi”, do Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES) - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức từ tháng 3-6/1997. Vừa tốt nghiệp đại học không lâu, với các kiến thức học được ở nhà trường thuần túy là các vấn đề về kỹ thuật lâm nghiệp, nên tôi rất háo hức tham gia khóa học này, mặc dù bận rộn thời gian chuẩn bị bài giảng và chưa có một chút kiến thức gì về “phát triển bền vững”. Tại đây, lần đầu tiên tôi được biết đến cái tên: CRES.

Trải qua một khóa ngắn hạn 3 tháng ở CRES, tôi bắt đầu được tiếp cận với cách nhìn mới trong phát triển miền núi nói chung và quản lý tài nguyên thiên nhiên nói riêng. Không những học được các kiến thức mới, đặc biệt là các kiến thức về xã hội, mà tôi còn học được cách tiếp cận liên ngành trong phát triển bền vững miền núi từ các Thầy Cô giáo, là các học giả trong và ngoài nước được CRES mời về giảng dạy, chia sẻ. Ấn tượng nhất đối với tôi về cách tiếp cận trong việc nâng cao năng lực mà CRES đã sử dụng lúc bấy giờ (và cho đến nay) là tiếp tục tăng

cường năng lực nghiên cứu cho các học viên sau khi kết thúc khóa học. Học xong 3 tháng lý thuyết, nhóm nghiên cứu của chúng tôi (bao gồm 2 học viên khác từ Huế) đã được CRES hỗ trợ kinh phí để thực hiện một nghiên cứu trường hợp (case study) ở huyện miền núi A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau 6 tháng thực hiện nghiên cứu ở hiện trường (field work), chúng tôi được Trung tâm tổ chức một Hội thảo viết (writeshop) để hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của mình, với sự giúp đỡ của các Thầy Cô giáo hướng dẫn. Sau đó, tôi trở thành thành viên của Nhóm công tác miền núi (Upland Working Group) của CRES và tiếp tục thực hiện một số nghiên cứu ở vùng cao tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam. Có thể nói rằng, CRES đã đặt nền móng đầu tiên trong sự nghiệp nghiên cứu của tôi về lĩnh vực phát triển bền vững miền núi.

Mặc dù là giảng viên của một trường Đại học, nhưng mãi gần 7 năm sau khi ở lại Trường tôi mới bắt đầu học Cao học, bởi vì một lý do rất đơn giản là tôi muốn tiếp tục và chờ đợi cơ hội theo đuổi việc học và nghiên cứu liên quan đến phát triển bền vững, vì nó vừa là sở thích, vừa đáp ứng được việc nâng cao trình độ chuyên môn. Vì ở Đại học Nông Lâm Huế, tôi đảm nhận giảng dạy môn 2 môn liên quan

đến Lâm nghiệp xã hội/Lâm nghiệp cộng đồng, đó là môn Pháp luật và Chính sách lâm nghiệp, và môn Khuyến lâm, nhưng mãi vẫn chưa chọn được trường để học cho phù hợp. Tình cờ, trong một cuộc hội thảo, tôi gặp lại GS.TS. Lê Trọng Cúc (là Thầy giáo hướng dẫn nhóm chúng tôi thực hiện nghiên cứu sau khi kết thúc khóa học ngắn hạn ở CRES). Tôi đã bày tỏ nguyện vọng của mình và được Thầy giới thiệu một chương trình học phù hợp với việc phát triển chuyên môn của tôi tại một cơ sở đào tạo nổi tiếng ở khu vực, đó là chương trình đào tạo Thạc sĩ về Phát triển bền vững của khoa Khoa học Xã hội, Đại học Chiang Mai, Thái Lan. Ngay sau hội thảo đó, tôi làm hồ sơ xin học ở Đại học Chiang Mai và may mắn đã được chấp nhận.

Sau khi hoàn thành chương trình học Thạc sĩ, tôi tiếp tục trở về công tác giảng dạy tại Trường Đại học Nông Lâm Huế và tham gia các chương trình nghiên cứu về phát triển bền vững miền núi ở khu vực Miền Trung và Tây Nguyên, trong đó có một số hoạt động hợp tác với CRES. Cũng trong thời gian này, tôi được biết CRES đã có chương trình đào tạo Tiến sĩ với chuyên ngành “Môi trường trong Phát triển bền vững”. Từ những hoạt động nghiên cứu hợp tác với CRES, tôi nhận thấy rằng đây là cơ hội tốt để tôi thực hiện ước mơ lấy học vị Tiến sĩ của mình. Và năm 2008 tôi chính thức trở thành nghiên cứu sinh của CRES với chuyên ngành “Môi trường trong Phát triển bền vững”.

Sau hơn 5 năm học tập và nghiên cứu với sự hướng dẫn của các Thầy Cô tại Trung tâm, đến nay (năm 2015) tôi đã bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ và đã được nhận học vị Tiến sĩ của ĐHQGHN. Trong khoảng thời gian đó, với cương vị là một NCS, tôi đã nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ tận tình của Thầy giáo hướng dẫn và đội ngũ các Thầy Cô giáo và cán bộ đào tạo của Trung tâm, từ kiến thức đến sự hỗ trợ chu đáo về việc hoàn thành các thủ tục hành chính. Cho đến giờ phút này, tôi nhận thấy rằng: được là nghiên cứu sinh tại CRES là một niềm vinh hạnh cho bản thân tôi. Ở đây, ngoài việc nhận được học vị Tiến sĩ, tôi còn học được nhiều bài học quý báu cho bản thân. Từ những bài học đó, với cương vị là một giảng viên Đại học, tôi sẽ sử dụng nó như một hành trang trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của mình trong tương lai. Đó là những bài học về sự tận tâm, tận tình, vì uy tín và thương hiệu của cơ sở đào tạo, vì sự phát triển của sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và luôn luôn hướng việc giáo dục học tập vào việc đáp ứng các nhu cầu của xã hội và xu thế phát triển của thời đại.

Cuối cùng, tôi chỉ biết nói lời cảm ơn CRES đã giúp đỡ và đồng hành cùng tôi trong suốt chặng đường học tập và nghiên cứu để hoàn thành học vị Tiến sĩ. Hy vọng trong tương lai sẽ vẫn được tiếp tục hợp tác và phát triển cùng với CRES.



ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC THEO CHỦ ĐỀ TIẾP CẬN SINH THÁI HỌC TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, CÓ Ý NGHĨA THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM

VÕ TRÍ CHUNG

Viện Môi trường và Phát triển Bền vững
(VESDI)

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES) thành lập năm 1985, sau đó chưa đầy năm năm chủ trương khóa đào tạo sau đại học theo chủ đề "Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên và phát triển bền vững" được khởi xướng (1989) và thực hiện khóa đầu tiên ở CRES, gắn với sự nghiệp người thầy tâm huyết sáng lập CRES và tạo dựng chủ trương khóa đào tạo này: Giáo sư Võ Quý.



Khóa đào tạo trong khung thời gian 6 tháng, nhằm vào những nội dung thiết thực đối với kiến thức và kỹ năng quản lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững, không nặng về lý thuyết hàn lâm, không vì bằng cấp chứng chỉ, không khoa trương hình thức, cho đến nay đã thực hiện được 14 khóa với trung bình 25 học viên mỗi khóa. Hầu hết học viên của các khóa phải là cán bộ đã tốt nghiệp đại học, ít nhất đã ra công tác từ hai năm trở lên ở các cơ quan ban ngành liên quan tới lĩnh vực tài nguyên, môi trường, đặc biệt tại các cơ sở địa phương.

Phần lớn số học viên được đào tạo trong suốt 14 khóa đều công tác tại các cơ quan trực tiếp với lĩnh vực quản lý hoặc sử dụng tài nguyên thiên nhiên như rừng, biển, nguồn nước, đất đai, cảnh quan. Một phần khác là học viên công tác ở các ngành liên quan tới tài nguyên và môi trường cần đến các chuyên môn ĐTM (Đánh giá tác động môi trường) hoặc ĐMC (Đánh giá tác động môi trường chiến lược) đối với phát triển các công trình hoặc kinh tế xã hội cấp tỉnh, vùng, các chuyên ngành.

Hiện nay ở nước ta đang hình thành và phát triển:

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, gồm trục phát triển Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, hành lang Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, hành lang Lạng Sơn – Hà Nội, vành đai vịnh Bắc Bộ.
- Vùng kinh tế trọng điểm Đà Nẵng – Quảng Nam – Quảng Ngãi.
- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gồm trục phát triển TP. Hồ Chí Minh – Đồng Nai – Bà Rịa Vũng Tàu.
- Ba vùng đặc thù kinh tế xã hội Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ (Đồng bằng sông Cửu Long).
- Những đặc thù khu kinh tế như Vân Đồn, Phú Quốc.
- Những chương trình chiến lược trọng điểm Quốc gia như "Biển đảo", "Xóa đói giảm nghèo", "Xây dựng nông thôn mới",....

Những nội dung hạng mục quan trọng trên đây đều liên quan chặt chẽ tới tài nguyên và môi trường, ảnh hưởng tới tiến trình phát triển bền vững của đất nước. Từ những năm "90" đến nay và chắc chắn còn tiếp tục sau này, tiến trình phát triển đất nước, trên địa bàn tất cả các tỉnh thành, diễn tiến các quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế, luôn luôn tác động tới tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Những khu đô thị, khu công nghiệp, phát triển nông nghiệp quy mô lớn, những công trình năng lượng thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, những công trình giao

thông,... liên quan tới bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững đối với đất nước, tại:

- Hai di sản thiên nhiên Thế giới, trên các vùng sinh thái nhạy cảm ảnh hưởng tới phạm vi rộng lớn và có ý nghĩa môi trường trọng điểm (Vịnh Hạ Long và khối núi đá vôi đồ xô Phong Nha – Kẻ Bàng).
- 9 khu dự trữ sinh quyển Thế giới.
- 30 vườn quốc gia.
- 16 khu Bảo tồn biển,
- Gần một trăm khu bảo tồn thiên nhiên, di tích văn hóa và thắng cảnh cấp quốc gia.

Hệ thống bảo tồn thiên nhiên ở đây hầu hết liên quan chặt chẽ với những vị trí xung yếu môi trường: đầu nguồn, phòng hộ ven biển, phòng hộ các công trình, bảo vệ môi trường cộng đồng dân sinh.

Số học viên được đào tạo từ các khóa học của CRES theo phương pháp tiếp cận sinh thái học, đạt hiệu quả thiết thực trong tác nghiệp ở cơ sở, phù hợp với quá trình phát triển: sử dụng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đất đai, bảo vệ môi trường.

Học viên của khóa đào tạo đã tham gia xác lập các giải pháp giảm thiểu tích cực những tác động xấu tới môi trường từ công trình đường cao tốc Bến Lức (địa bàn tỉnh Long An) đến Long Thành (địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), bảo tồn bền vững khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ - lá phổi xanh gìn giữ hệ sinh thái rừng ngập mặn, bảo vệ môi trường cho vùng đô thị và công nghiệp quy mô lớn nhất Việt Nam – TP Hồ Chí Minh.

Những kiến thức và kỹ năng tác nghiệp trên lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường của khóa học đã giúp học viên đề xuất các biện pháp hợp lý sử dụng đất đai, bảo vệ hệ sinh thái rừng Khộp và rừng đặc dụng vườn quốc gia Yok-Đôn, phát triển bền vững hệ thống trang trại cà phê huyện Bản Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Học viên khóa đào tạo vận dụng những kiến thức được trang bị, tham gia có hiệu quả đối với những giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của công trình cảng biển nước sâu Lạch Huyện (TP Hải Phòng), bảo tồn Khu dự trữ sinh quyển Thế giới quần đảo Cát Bà, và Khu di sản thiên nhiên Vịnh Hạ Long, bảo vệ môi trường và tiến trình phát triển bền vững đô thị Hải Phòng, Hạ Long, vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ...

Điểm lại danh sách học viên của 14 khóa đào tạo tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên và

phát triển bền vững, thấy họ chủ yếu đến từ các cơ quan phân bố rộng khắp cả nước, phần lớn ở những vị trí đặc trưng các hệ sinh thái nhạy cảm:

- Kế cận những đô thị, khu công nghiệp đã và đang phát triển;
- Những công trình thủy điện (qui mô từ lớn đến nhỏ);
- Lưu vực đầu nguồn xung yếu;
- Kế cận hầu hết hệ thống giao thông trọng điểm;
- Những khu tái định cư quy mô lớn;
- Những trọng điểm khai thác dầu mỏ;
- Những vùng địa lý dễ bị tác động xấu từ biến đổi khí hậu gây nên (nước biển dâng, tần số và cường độ gia tăng của bão, lũ, hoặc khô hạn).

Học viên các khóa đào tạo đã và đang tham gia tích cực, đạt hiệu quả thiết thực đối với việc thực hiện các quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên, đất đai, phát triển bền vững những công trình ở những vùng sinh thái nhạy cảm nói trên.

Phương pháp luận của khóa đào tạo tập trung chủ yếu tiếp cận sinh thái học, trang bị những kiến thức cơ bản và tập huấn những kỹ năng quản lý tài nguyên thiên nhiên, đáp ứng thiết thực các yêu cầu thực tiễn của sử dụng hợp lý tài nguyên và đất đai, nhằm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Hội đồng đánh giá nghiệm thu những công trình lớn như:

- Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) phát triển kinh tế xã hội hành lang kinh tế và vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ;
- Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) quy hoạch phát triển kinh tế xã hội trọng điểm vùng phía Bắc, vùng miền Trung, vùng phía Nam;
- Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) quy hoạch phát triển kinh tế xã hội một số tỉnh như Thái Nguyên, Bình Định, Trà Vinh, Kiên Giang, Gia Lai...;
- Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) quy hoạch phát triển bền vững ngành giao thông vận tải Việt Nam;
- Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn biển Việt Nam;
- Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) các công trình thủy điện quy mô lớn quốc gia như Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Tuyên Quang, hệ thống thủy điện tỉnh Quảng Nam, nhiều nhà máy nhiệt điện,....

Học viên được đào tạo từ các khóa học theo chủ đề tiếp cận sinh thái học của CRES đã có điều kiện tham gia những hoạt động tác nghiệp chuyên môn kể trên và phát huy tác dụng trong các công việc “Quản lý tài nguyên thiên nhiên, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xã hội bền vững” ở nhiều tỉnh thành, nhiều công trình thuộc các lĩnh vực kinh tế xã hội. Kết thúc các khóa học, học viên đã có những thu hoạch và cảm nhận sâu sắc về khóa học này. Sau đây là một trong những cảm nhận đó: “Là một học viên khóa 14, công tác ở Viện Chiến lược và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sau hai năm, tiếp tục công tác trên lĩnh vực chuyên môn tại chương trình AGENDA – 21 Việt Nam, đánh giá giai đoạn đầu và chuẩn bị triển khai giai đoạn tiếp theo (2015-2020), tôi đã xác định ý nghĩa và kiến thức hữu ích, cũng như những kỹ năng được tập huấn từ khóa đào tạo, phát huy đối với nội dung tác nghiệp của mình, đặc biệt đối với sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trong tiến trình phát triển bền vững của nước ta”.

Đương nhiên khóa đào tạo sau đại học theo chủ đề tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên và phát triển bền vững do CRES chủ trì thực hiện, rất phù hợp với thực tế của nước ta đang trong tiến trình đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế xã hội theo mục tiêu bền vững, nhưng còn tùy thuộc nhiều điều kiện như quy chế, chính sách đào tạo, kinh phí đảm bảo thực hiện... Chủ đề và phương thức đào tạo khóa học kiểu này rất thích hợp đối với điều kiện thực tế của nước ta, tạo lập nguồn lực có kiến thức cơ bản đồng thời có những kỹ năng thực tiễn trong quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, đất đai, và bảo vệ môi trường trong tiến trình phát triển kinh tế xã hội theo định hướng bền vững của đất nước./.



Kính thưa các vị lãnh đạo của các thế hệ, các thời kỳ và toàn thể các cán bộ viên chức Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên & Môi trường (CRES) - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

Kính thưa các nhà khoa học, các nhà quản lý, bạn bè đồng nghiệp.

Là một cộng tác viên của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES) – ĐHQGHN, tôi rất vinh dự, vui mừng được tham dự và chào mừng ngày lễ long trọng kỷ niệm 30 năm thành lập Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường thuộc Đại học Tổng hợp trước đây, nay thuộc ĐHQG Hà Nội.

Thực vậy, ngày 15 tháng 11 năm 1985 của thế kỷ XX, tại Giảng đường Lớn của trường ĐHTQ Tổng hợp Hà Nội, số 19 Lê Thánh Tông - Hoàn Kiếm - HN, GS.TS – NGND Võ Quý đã khởi xướng thành lập một Trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về Tài nguyên & Môi trường, một lĩnh vực hoàn toàn mới mẻ đối với Việt Nam. Nhưng đây lại là vấn đề có tầm chiến lược, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường của đất nước. Đây là hướng nghiên cứu cực kỳ quan trọng không những đối với các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam mà còn đối với cả khu vực và thế giới. Một sáng kiến, một đề xuất hợp lý, phù hợp với chiến lược bảo vệ - sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong đó có đa dạng sinh học phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Với tầm nhìn chiến lược, một hướng nghiên cứu khoa học bao gồm nội hàm của các ngành khoa học tự nhiên và khoa học

CHÚC MỪNG

30 NĂM THÀNH LẬP VÀ TRƯỞNG THÀNH CỦA TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP TRƯỚC ĐÂY, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI NGÀY NAY

GS.TSKH Đặng Huy Huỳnh

Viện Sinh thái & Tài nguyên Sinh vật
Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
Phó Chủ tịch Hội Bảo vệ Thiên nhiên Môi trường Việt Nam

xã hội mà con người là trung tâm. Chủ trương thành lập CRES đã được sự nhất trí, đồng thuận cao của các nhà khoa học, các nhà quản lý của các trường Đại học và Viện nghiên cứu chuyên ngành.

Trải qua thời gian 30 năm thử thách, Trung tâm nghiên cứu TN&MT, ĐHQG Hà Nội đã vượt qua khó khăn, kiên trì tổ chức xây dựng cơ sở vật chất, tập hợp đội ngũ cán bộ có tâm huyết, có trình độ cùng với sự phối hợp của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong nước và tổ chức quốc tế để phát triển lớn mạnh. Suốt thời gian 30 năm qua, Trung tâm nghiên cứu TN&MT đã xây dựng, thành lập và trở thành một cơ quan khoa học và giảng dạy có vị trí quan trọng thuộc hệ thống ĐHQG Hà Nội. Ngày đầu thành lập từ chỗ cơ sở vật chất, trang thiết bị hạn chế, thiếu thốn, nhưng với quyết tâm cao của các thế hệ, các nhà khoa học, cho đến nay Trung tâm đã có đầy đủ các trang thiết bị bảo đảm cho các hướng nghiên cứu về tài nguyên và môi trường cũng như trong giảng dạy, đào tạo. Nhờ đó 30 năm qua, Trung tâm đã gặt hái được nhiều thành tựu to lớn trong lĩnh vực nghiên cứu, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, cụ thể là chủ trì các chương trình cấp Nhà nước như Chương trình 5202, Chương trình 52Đ và Chương trình KC-08, chương trình sử dụng khôn khéo Đất ngập nước ở Việt Nam, vấn đề Tăng trưởng xanh, vấn đề chống chịu và thích ứng với Biến đổi khí hậu.

Bên cạnh các thành tựu nghiên cứu khoa học, Trung tâm đã kết hợp giảng dạy và đào tạo hàng trăm Tiến sĩ, Thạc sĩ khoa học môi trường. Các Tiến sĩ, Thạc sĩ đã tốt nghiệp đang công tác tại các cơ quan quản lý về môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, trong các Vườn quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn và đất ngập nước, trên các tỉnh thành trong cả nước.

Đây là sự đóng góp to lớn của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên & Môi trường không chỉ trong khoa học mà cả trong đào tạo giảng dạy, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, lực lượng làm công tác quản lý và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TN&MT.

Với đội ngũ các thế hệ có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu, giảng dạy, Trung tâm đã đào tạo nên đội ngũ cán bộ khoa học trẻ của mình hiện nay. Với tâm huyết, với lòng say mê và có trách nhiệm trong nghiên cứu và đào tạo của tầng lớp cán bộ này, tôi hoàn toàn tin tưởng và kỳ vọng cán bộ trẻ của Trung tâm sẽ thực hiện hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của một Trung tâm nghiên cứu giảng dạy về tài nguyên và môi trường mà các thế hệ thầy cô trước đây đã có công xây dựng.

Nhân dịp Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên & Môi trường - ĐHQG Hà Nội tổ chức kỷ niệm 30 năm thành lập, với tư cách là một cộng tác viên của Trung tâm ngay từ ngày đầu thành lập, tôi nhiệt liệt chào mừng và kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các nhà khoa học qua các thế hệ, các thời kỳ và toàn thể cán bộ, viên chức của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên & Môi trường - ĐHQG Hà Nội và gia đình thật mạnh khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành tích trong sự nghiệp nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2015

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên:	PHAN HỒNG ANH
Vị trí công tác:	Phó trưởng Ban Nghiên cứu HST Rừng ngập mặn
Học hàm học vị:	Cử nhân
Chuyên môn:	Rừng ngập mặn
Lĩnh vực hoạt động:	Quản lý và phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn
Tổng số công trình:	32 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	anh@cres.edu.vn



Họ và tên:	LÊ THẠCH CÁN
Vị trí công tác:	Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo
Học hàm học vị:	Giáo sư, Tiến sĩ
Chuyên môn:	Tài nguyên nước
Lĩnh vực hoạt động:	Đánh giá tác động môi trường; Đánh giá tác động môi trường chiến lược. Quản lý môi trường
Tổng số công trình:	Trên 120 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	lethaccan@yahoo.com



Họ và tên:	LÊ TRỌNG CÚC
Vị trí công tác:	Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo
Học hàm học vị:	Giáo sư, Tiến sĩ
Chuyên môn:	Sinh thái học; Sinh thái nhân văn
Lĩnh vực hoạt động:	Quản lý tài nguyên thiên nhiên miền núi; Sinh thái học; Sinh thái nhân văn; ĐDSH và bảo tồn thiên nhiên
Tổng số công trình:	197 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	lecuc@cres.edu.vn



Họ và tên:	NGUYỄN THỊ KIM CÚC
Vị trí công tác:	Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái rừng ngập mặn
Học hàm học vị:	Tiến sĩ
Chuyên môn:	Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động:	Nghiên cứu và giảng dạy
Tổng số công trình:	Trên 50 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	Kimcuc76@yahoo.com



Họ và tên:	QUẢN THỊ QUỲNH DAO
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Cử nhân
Chuyên môn:	Ngôn ngữ học
Lĩnh vực hoạt động:	Quản lý và bảo tồn rừng ngập mặn
Tổng số công trình:	Trên 40 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	dao@cres.edu.vn



Họ và tên:	LÊ DIỄN DỤC
Vị trí công tác:	Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo
Học hàm học vị:	Phó Giáo sư, Tiến sĩ
Chuyên môn:	Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động:	Bảo tồn Đa dạng sinh học; Đất ngập nước; Phát triển cộng đồng
Tổng số công trình:	Trên 100 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh; 1 bằng độc quyền giải pháp hữu ích về phục hồi rừng ngập mặn do Cục Sở hữu Công nghiệp, bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp năm 1999
Email:	ldduc@fpt.vn



Họ và tên:	HOÀNG HẢI DƯƠNG
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Cử nhân
Chuyên môn:	Khoa học quản lý
Lĩnh vực hoạt động:	Kinh tế môi trường
Email:	dhoang@cres.edu.vn



Họ và tên:	LÊ HƯƠNG GIANG
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Tiến sĩ
Chuyên môn:	Sinh học
Lĩnh vực hoạt động:	Di truyền học quần thể
Tổng số công trình:	37 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	huonggiang@cres.edu.vn

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên:	VÕ THANH GIANG
Vị trí công tác:	Trưởng phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Đào tạo; Nghiên cứu viên chính
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Quản lý và phát triển tài nguyên
Lĩnh vực hoạt động:	Phát triển bền vững; Phát triển cộng đồng; Phát triển và quản lý lâm sản ngoài gỗ
Tổng số công trình:	76 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	vtgiang@cres.edu.vn



Họ và tên:	VŨ THỤC HIỀN
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Hệ sinh thái RNM; Quản lý Môi trường; Khoa học Môi trường
Lĩnh vực hoạt động:	Hệ sinh thái RNM; Quản lý Môi trường
Tổng số công trình:	31 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	hien@cres.edu.vn



Họ và tên:	VŨ THỊ MINH HOA
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên chính
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Sinh học, quản lý tài nguyên
Lĩnh vực hoạt động:	Bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học; Đất ngập nước và tài nguyên nước
Tổng số công trình:	18 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	hoa@cres.edu.vn



Họ và tên:	TRƯƠNG QUANG HỌC
Vị trí công tác:	Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo
Học hàm học vị:	Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học
Chuyên môn:	Sinh học
Lĩnh vực hoạt động:	Sinh thái - sinh lý côn trùng; Sinh học môi trường; Phát triển bền vững; Biến đổi khí hậu
Tổng số công trình:	198 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	hoctruongquang@gmail.com



Họ và tên:	PHAN NGUYỄN HỒNG
Vị trí công tác:	Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo
Học hàm học vị:	Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học
Chuyên môn:	Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động:	Quản lý và phục hồi HST rừng ngập mặn
Tổng số công trình:	Trên 300 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	Hongrnm@yahoo.com



Họ và tên:	HÀ THỊ THU HUẾ
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên, phụ trách học viên cao học
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Quản lý kinh tế
Lĩnh vực hoạt động:	Du lịch sinh thái; Quản lý kinh tế
Tổng số công trình:	2 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	htthue@cres.edu.vn



Họ và tên:	LÊ THỊ VÂN HUỆ
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên chính
Học hàm học vị:	Tiến sĩ
Chuyên môn:	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
Lĩnh vực hoạt động:	Quản lý và phát triển cộng đồng; Phát triển nông thôn; Biến đổi khí hậu
Tổng số công trình:	105 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	huetle@cres.edu.vn



Họ và tên:	PHẠM VIỆT HÙNG
Vị trí công tác:	Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp; Nghiên cứu viên chính
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Địa lý, địa chất
Lĩnh vực hoạt động:	Quy hoạch và đánh giá tác động môi trường; Bảo tồn dựa vào cộng đồng
Tổng số công trình:	18 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	hung@cres.edu.vn

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên:	VŨ THỊ DIỆU HƯƠNG
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Phát triển cộng đồng
Lĩnh vực hoạt động:	Phát triển cộng đồng; Giáo dục và truyền thông môi trường; Biến đổi khí hậu
Tổng số công trình:	11 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	huongvudieu@cres.edu.vn



Họ và tên:	ĐẶNG THỊ TÚ LOAN
Vị trí công tác:	Kế toán
Học hàm học vị:	Cử nhân
Chuyên môn:	Kinh tế môi trường
Lĩnh vực hoạt động:	Quản lý tài chính; Hành chính tổng hợp
Email:	loan@cres.edu.vn



Họ và tên:	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LĂNG
Vị trí công tác:	Kế toán viên
Học hàm học vị:	Cử nhân
Chuyên môn:	Kế toán
Lĩnh vực hoạt động:	Kế toán
Email:	lang@cres.edu.vn



Họ và tên:	BÙI THỊ HÀ LY
Vị trí công tác:	Cán bộ nghiên cứu
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Quản lý tài nguyên nước
Lĩnh vực hoạt động:	Bảo tồn đất ngập nước; Quản lý bảo tồn TNTN dựa vào cộng đồng; Hành chính tổng hợp
Tổng số công trình:	5 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	lybuiha@cres.edu.vn



Họ và tên:	HÀN TUYẾT MAI
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên chính
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Quản lý Môi trường và Phát triển
Lĩnh vực hoạt động:	Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng; Phát triển nông thôn
Tổng số công trình:	10 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	maiht@cres.edu.vn



Họ và tên:	LÊ ĐỨC MINH
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Tiến sĩ
Chuyên môn:	Bảo tồn đa dạng sinh học
Lĩnh vực hoạt động:	Bảo tồn đa dạng sinh học; Sử dụng GIS trong quản lý tài nguyên; Phát sinh loài và tiến hóa; Sinh học phân tử
Tổng số công trình:	62 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	minh.le.cres@gmail.com



Họ và tên:	TRẦN QUANG MINH
Vị trí công tác:	Lái xe
Học hàm học vị:	Trung cấp
Chuyên môn:	Lái xe
Lĩnh vực hoạt động:	
Tổng số công trình:	
Email:	



Họ và tên:	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG
Vị trí công tác:	Phụ trách kế toán
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Kế toán tổng hợp, kế toán trưởng
Lĩnh vực hoạt động:	Kế toán trưởng
Email:	maiphuong@cres.edu.vn

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên:	TRẦN THU PHƯƠNG
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên chính, phụ trách NCS
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Nghiên cứu phát triển quốc tế
Lĩnh vực hoạt động:	Giới và phát triển cộng đồng
Tổng số công trình:	5 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	thuphuong@cres.edu.vn



Họ và tên:	TRẦN MINH PHƯỢNG
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Quản lý tài nguyên nước
Lĩnh vực hoạt động:	Truyền thông, giáo dục môi trường
Tổng số công trình:	12 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	cintapo@gmail.com



Họ và tên:	VÕ QUÝ
Vị trí công tác:	Chủ tịch Danh dự Hội đồng Khoa học và Đào tạo
Học hàm học vị:	Giáo sư, Tiến sĩ
Chuyên môn:	Động vật học; Sinh thái học và Bảo vệ môi trường
Lĩnh vực hoạt động:	Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; Phát triển bền vững; Nghiên cứu hậu quả Chiến tranh Hóa học thời kỳ chống Mỹ
Tổng số công trình:	170 báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh; tác giả 7 sách, 11 sách là chủ biên và đồng tác giả; 3 phim khoa học hợp tác với các hãng quốc tế, 2 phim là tác giả
Email:	Quyvo2006@gmail.com



Họ và tên:	VÕ THANH SƠN
Vị trí công tác:	Phó trưởng phòng Hành chính Tổng hợp;
Học hàm học vị:	Nghiên cứu viên chính
Chuyên môn:	Tiến sĩ
Lĩnh vực hoạt động:	Địa lý, Quản lý tài nguyên thiên nhiên
Tổng số công trình:	Phát triển bền vững; Biến đổi khí hậu; Quản lý tài nguyên thiên nhiên
Email:	95 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh
	vtson@cres.edu.vn



Họ và tên:	HOÀNG VĂN THẮNG
Vị trí công tác:	Giám đốc Trung tâm; Nghiên cứu viên chính
Học hàm học vị:	Tiến sĩ
Chuyên môn:	Sinh thái học; Quy hoạch môi trường
Lĩnh vực hoạt động:	Sinh thái học và bảo tồn đất ngập nước; Đa dạng sinh học và quản lý bảo tồn; Quy hoạch môi trường
Tổng số công trình:	Trên 64 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	tvhoang@cres.edu.vn



Họ và tên:	PHÙNG QUỐC THANH
Vị trí công tác:	Phó Giám đốc Trung tâm; Giảng viên chính
Học hàm học vị:	Phó Giáo sư; Tiến sĩ
Chuyên môn:	Vật lý
Lĩnh vực hoạt động:	Khoa học vật liệu; Giảng dạy
Tổng số công trình:	81 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	thanhpq@cres.edu.vn



Họ và tên:	ĐẶNG ĐÌNH THƯỜNG
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Cử nhân
Chuyên môn:	Sinh học
Lĩnh vực hoạt động:	Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên; Hành chính
Email:	thuong@cres.edu.vn



Họ và tên:	LÊ TRỌNG TOÁN
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Quản lý tài nguyên thiên nhiên
Lĩnh vực hoạt động:	Quản trị rừng và chi trả dịch vụ môi trường; Quản lý bảo tồn tài nguyên thiên nhiên
Email:	toan@cres.edu.vn

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên:	NGUYỄN XUÂN TÙNG
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh
Chuyên môn:	Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động:	Sinh thái học rừng ngập mặn
Tổng số công trình:	1 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt
Email:	nguyensexuantung007@gmail.com



Họ và tên:	TRẦN CHÍ TRUNG
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh
Chuyên môn:	Sinh thái nhân văn
Lĩnh vực hoạt động:	Bảo tồn thiên nhiên; Hệ sinh thái nông nghiệp vùng cao; Phát triển bền vững
Tổng số công trình:	28 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	trung.tran@cres.edu.vn



Họ và tên:	ĐÀO MINH TRƯỜNG
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên chính
Học hàm học vị:	Tiến sĩ
Chuyên môn:	Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Viễn thám; Hệ thống thông tin Địa lý
Lĩnh vực hoạt động:	Ứng dụng viễn thám và GIS trong nghiên cứu; Quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường
Tổng số công trình:	23 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	truong@cres.edu.vn



Họ và tên:	ĐẶNG ANH TUẤN
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động:	Rừng ngập mặn và đất ngập nước ven biển
Tổng số công trình:	11 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	tuan@cres.edu.vn



Họ và tên:	NGHIÊM THỊ PHƯƠNG TUYẾN
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên chính
Học hàm học vị:	Tiến sĩ
Chuyên môn:	Quy hoạch đô thị và khu vực; Khu vực học
Lĩnh vực hoạt động:	Quản trị tài nguyên thiên nhiên; Biến đổi khí hậu; Nghiên cứu thể chế liên quan đến quản lý tài nguyên thiên nhiên
Tổng số công trình:	90 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh
Email:	tuyen@cres.edu.vn



Họ và tên:	LÊ THỊ BÍCH THỦY
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Cử nhân
Chuyên môn:	Môi trường
Lĩnh vực hoạt động:	Khoa học môi trường
Email:	thuy@cres.edu.vn



Họ và tên:	TRIỆU THỊ THU THỦY
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Quản lý tài nguyên nước
Lĩnh vực hoạt động:	Môi trường nông thôn
Email:	thuyttt90@cres.edu.vn

CÁN BỘ ĐÃ CÔNG TÁC TẠI TRUNG TÂM



Họ và tên:	TRỊNH KHÁNH CHI
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Quản lý tài nguyên đất
Lĩnh vực hoạt động:	Quản lý tài nguyên thiên nhiên cộng đồng, phát triển cộng đồng
Tổng số công trình:	5 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên:	NGUYỄN MẠNH HÀ
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Tiến sĩ
Chuyên môn:	Lâm sinh, sinh học
Lĩnh vực hoạt động:	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên
Tổng số công trình:	48 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên:	LÊ TRỌNG HẢI
Vị trí công tác:	Cán bộ nghiên cứu
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Chính sách lâm nghiệp
Lĩnh vực hoạt động:	Nghiên cứu chính sách lâm nghiệp



Họ và tên:	TRƯƠNG THỊ THANH HUYỀN
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động:	Bảo tồn đa dạng sinh học, Đất ngập nước; Phát triển cộng đồng
Tổng số công trình:	5 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên:	LÊ DUY HƯNG
Vị trí công tác:	Cán bộ nghiên cứu
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Khoa học môi trường
Lĩnh vực hoạt động:	Địa lý, Quản lý tài nguyên thiên nhiên
Tổng số công trình:	5 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh

CÁN BỘ ĐÃ CÔNG TÁC TẠI TRUNG TÂM



Họ và tên:	VŨ THỊ HƯƠNG
Vị trí công tác:	Kế toán
Học hàm học vị:	Cử nhân
Chuyên môn:	Kế toán
Lĩnh vực hoạt động:	Kế toán tổng hợp, thủ quỹ



Họ và tên:	PHAN THỊ MINH NGUYỆT
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Cử nhân
Chuyên môn:	Kế toán
Lĩnh vực hoạt động:	Kế toán trưởng



Họ và tên:	PHẠM BÌNH QUYỀN
Vị trí công tác:	Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo
Học hàm học vị:	Phó Giáo sư, Tiến sĩ
Chuyên môn:	Sinh thái học côn trùng
Lĩnh vực hoạt động:	Nghiên cứu và giảng dạy về sinh học, sinh thái học, sinh học bảo tồn, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường
Tổng số công trình:	Trên 100 bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên:	ĐÀO VĂN TẤN
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Tiến sĩ
Chuyên môn:	Hóa sinh học
Lĩnh vực hoạt động:	Sinh thái rừng ngập mặn; Giáo dục môi trường
Tổng số công trình:	20 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên:	LÊ XUÂN TUẤN
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Tiến sĩ
Chuyên môn:	Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động:	Sinh thái học rừng ngập mặn
Tổng số công trình:	26 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh

CÁN BỘ ĐÃ CÔNG TÁC TẠI TRUNG TÂM



Họ và tên:	NGUYỄN HỮU THỌ
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Kinh tế nông nghiệp
Lĩnh vực hoạt động:	Giáo dục môi trường, bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn
Tổng số công trình:	20 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên:	LÊ QUANG TRUNG
Vị trí công tác:	Cán bộ nghiên cứu
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Quy hoạch đô thị và khu vực; Khu vực học
Lĩnh vực hoạt động:	Tư vấn hoạch định chính sách



Họ và tên:	ĐÀO THANH VÂN
Vị trí công tác:	Phụ trách kế toán
Học hàm học vị:	Cử nhân
Chuyên môn:	Kế toán
Lĩnh vực hoạt động:	Kế toán, hành chính tổng hợp



Họ và tên:	PHẠM THỊ TƯỜNG VI
Vị trí công tác:	Nghiên cứu viên
Học hàm học vị:	Thạc sĩ
Chuyên môn:	Quy hoạch đô thị và khu vực; Quy hoạch phát triển cộng đồng
Lĩnh vực hoạt động:	Quản trị tài nguyên thiên nhiên, thể chế liên quan trong quản lý tài nguyên thiên nhiên
Tổng số công trình:	10 bài báo, báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh





**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Địa chỉ : 19 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 38262932; (84-4) 38253506
Fax : (84-4) 38262932
Email : cres@cres.edu.vn
Website : www.cres.edu.vn